

diễn đàn

Số 46 / 1.11.1995

ISSN 1164-2378

F O R U M



Em là con gái Bắc Ninh

Tranh : THÀNH CHƯƠNG

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|-------------------------------|------------------|
| 1 Hành trang tinh thần... | Nguyễn Ngọc Giao |
| 5 Tin Việt Nam | |
| 10 Cấm xích lô, cấm cả phim ? | P.Q. |
| 11 Thư Việt Nam | N.S.P. |

Tài liệu đặc biệt :

- | | |
|---------------------------------------|-------------|
| 10 Góp ý về Đại hội 8 | Trần Độ |
| 17 Kéo dài việc giam giữ Ô. H.M.Chính | |
| 18 Thảo luận với Lữ Phương | Trần Đạo |
| 22 Câu chuyện về cấu trúc quyền lực | Bùi M. Hùng |

văn hóa & nghệ thuật & khoa học

- | | |
|---------------------------------|----------------|
| 25 Kỷ niệm về Nguyễn Tù Chi | Đan Tâm |
| 27 Hà nội nhõ ! (tạp bút) | Mỹ Linh |
| Mùa thu ru (tho) | Trần Ngọc Tuấn |
| 28 Nhạc cung đình Việt Nam... | Hoài Văn |
| 30 Người ngoài họ (truyện ngắn) | Cao Năm |

Hành trang tinh thần cho thế kỷ 21

Đối với các nhà khoa học, thế kỷ 21 sẽ bắt đầu với năm 2001 (Công lịch không có năm 0, thế kỷ 1 bắt đầu vào năm 1, kết thúc cuối năm 100, và cứ như thế, thế kỷ chúng ta đang sống đã bắt đầu năm 1901 và sẽ chấm dứt ngày 31.12.2000). Nhưng trong tâm lý của hầu hết mọi người, thế kỷ 21 sẽ mở màn ngay từ ngày 1 tháng 1 năm 2000, nghĩa là còn đúng 1 tháng 4 năm nữa.

Bốn năm hay năm năm, thì chúng ta cũng đang đứng trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, trước thềm của thiên niên kỷ thứ ba. Cùng với cộng đồng các quốc gia, Việt Nam đang chuẩn bị hành trang cho kỷ nguyên mới. Cũng như chính phủ một số nước, chính quyền Việt Nam đang hoạch định kế hoạch 5 năm 1996-2000. Không những thế, một đề án *Việt Nam năm 2020* cũng đã được soạn thảo. Những văn kiện ấy, theo những thông tin nhận được, cũng đặt vấn đề trong bối cảnh chung về xã hội, chính trị và văn hoá, nhưng thực chất chỉ tập trung vào lãnh vực kinh tế, với những chỉ tiêu ít nhiều hiện thực, ngoại suy (*extrapolé*) từ những con số tăng trưởng kinh tế tương đối khả quan của mấy năm qua.

Không có gì là khi những văn kiện trên tránh né vấn đề chính trị, và giả định rằng công cuộc phát triển đất nước có thể thực hiện trong khuôn khổ chế độ độc đảng hiện nay, với khẩu hiệu mơ hồ là *một nền kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa*. Mọi người đều hiểu : đó là cách nói ý *tại ngôn ngoại*, một *thoả thuận ngầm* giữa các thế lực nắm chính quyền, thậm chí giữa nhà nước và xã hội.

Xã hội dân sự một mặt phải chạy theo cuộc mưu sinh hàng ngày, mặt khác đang tận dụng, tận hưởng những tự do mới về kinh tế, xã hội — mà dù muốn dù không, Nhà nước đã phải chấp nhận — nên tạm quên, hay chưa đòi hỏi những quyền tự do khác. Nhà nước thừa hiểu điều đó, song vẫn quen *nghề của chàng*, làm như sự im lặng chỉ có một nghĩa : đồng tình. Hai diễn viên có mặt trên sân khấu Việt Nam đang độc diễn hai vở kịch khác nhau, một vở kịch nói và một vở kịch câm, diễn viên kịch nói liên tục tuyên bố : tôi là diễn viên kiêm đạo diễn.

Trong nội bộ chính quyền, đó là sự thoả hiệp giữa những thế lực muôn duy trì đặc quyền của quá khứ nhưng buộc phải chấp

(xem tiếp trang 17)

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf le lundi)
programme de novembre 1995

EXPOSITION DE PEINTURE

Dang Hồng Vân

Lê Trọng Lân

Riestra Serrano

exposition du 4 au 28 novembre
vernissage : samedi 4 novembre à 18 h

CONFERENCE :

*Mouvement de libération de la femme
vietnamienne dans les années 1930*

par M. Nguyên Van Ky, historien
Vendredi 3 novembre à 20 h 30

MUSIQUE ET DANSE :

Soirée d'hommage à VĂN CAO

(peintre, poète et compositeur, auteur de l'hymne national
vietnamien, décédé en juillet 1995)

avec Quynh Hanh, Lê Thu.

Vendredi 10 novembre à 20 h 30 (PAF : 60 F)

Musique traditionnelle du Vietnam
par Quynh Hanh, Quynh Phuoc, Quynh Tien

Vendredi 17 novembre à 20 h 30 (PAF : 60 F)
à l'occasion de la sortie de leur cassette *Vàng trăng quê hương*

Voyages au Vietnam & Indochine

Exemples de prix :

12 jours Paris-Paris : 10 950 F

15 jours Paris-Paris : 11 800 F

(Tarifs groupes) — Prestations standing : Hôtels 1ère catégorie, pension complète, transports aériens (vols réguliers), assurances, soirées-spectacles... Contacter :

Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,

Association culturelle loi 1901

Agrément de Tourisme n°AG 075 95 0002

Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine

Organisation des congrès, voyages d'études, circuits aventure... à la carte

Siège : 2, Square de la Salamandre, 75020 PARIS

Tél : (1) 44 24 08 76

Fax : (1) 45 86 25 05

Notre partenaire au Vietnam : VIETNAM TOURISM

Bạn đọc



Üng hộ là ủng hộ !

Cùng với tiền mua báo, tôi gửi thêm 100 F để ủng hộ. Ủng hộ đây là ủng hộ chung, không phải riêng cho việc "gửi báo tặng về Việt Nam và sang Đông Âu" như Diễn Đàm viết trên phiếu mua báo dài hạn. Chẳng lẽ, nếu không có việc này, thì không ủng hộ nữa hay sao ?

H.M. (Ivry-sur-Seine, Pháp)

||| Mấy dòng ngắn gọn của anh đã nói đầy đủ nhiệt tình anh dành cho Diễn Đàm. Sở dĩ chúng tôi nói rõ mục đích của quỹ ủng hộ vì muốn nêu lên tính chất độc lập của tờ báo : nó không phải là tờ báo thương mại, nên không sống bằng quảng cáo ; nó không phải là cơ quan ngôn luận của một tổ chức, nên không sống bằng quỹ của tổ chức ; chúng tôi muốn, về mặt tài chính, nó sống hoàn toàn dựa vào tiền mua báo của bạn đọc. Trong hoàn cảnh báo chí Việt ngữ hải ngoại hiện nay, đó là một cao vọng không dễ thực hiện, nếu không nói là bất khả thi, nhất là khi Diễn Đàm có khả năng và cần phát triển diện phái hành về địa lý (sang Đông Âu, Bắc Mỹ, và về nước) cũng như về phương thức (tiến tới một xuất bản trên mạng lưới thông tin điện tử quốc tế).

Trước mắt, sự ủng hộ mà chúng tôi chờ đợi nhất noi bạn đọc là : gia hạn mua báo kịp thời, mua tặng một năm báo cho bạn bè hoặc giới thiệu những bạn đọc sẵn sàng mua báo... Và tất nhiên, với những khó khăn mà chúng tôi dự đoán cho thời gian tới, mọi sự ủng hộ tài chính của bạn đọc đều có tính chất sống còn, đồng thời là sự khích lệ tinh thần quý báu. Xin thành thực cảm ơn anh.

Người đánh máy khẩn cõi ?

Tôi vẫn nhận được đều đặn báo của các anh chị. Xin gửi kèm theo 60 USD để mua thêm một năm.

Tin tức, bài vở của Diễn Đàm, đối với tôi, rất bổ ích và cần thiết (có điều gì này "lời bàn của người đánh máy" có vẻ như hiếm đi !?).

Trong số 44 vừa nhận được, tôi thấy bài của Hoà Văn "Bản thêm về Nho giáo và hiện đại hóa" rất có ý nghĩa. Là một người sống lâu năm ở Nhật, đọc bài này, tôi tâm đắc rất nhiều điều và hoàn toàn đồng ý với cách đặt vấn đề của tác giả.

Lê Văn (Hitachinaka, Nhật Bản)

Xỉ và VNQĐĐ là có mục đích gì ?

Từ mấy năm nay, tôi đọc Diễn Đàm, và đã được thưởng thức rất nhiều bài có giá trị. Cũng vì đặt cao giá trị của quý báo nên tôi thấy phải nói lên khi có sự bất bình trầm trọng.

Bài bình luận trong số ra tháng 9, có lời xỉ và Việt Nam

Lưu ý bạn đọc Ba Lan & Đông Âu

Trường mục ngân hàng của ANNA LE DUC là XO/PBP Warzawa (chứ không phải là (...)PKP(...) như chúng tôi đã in lầm trong số trước).

Diễn Đàm tiếp tục tặng báo cho bạn đọc Đông Âu, chỉ xin các bạn hàng năm xác nhận địa chỉ để tránh lâng phí.

Bạn đọc eo hẹp tài chính, xin trả 11 USD một năm (số tiền này vừa đủ để trang trải cước phí bưu điện) vào trường mục Anna Le Duc.

Bạn đọc có điều kiện tài chính, xin trả 60 USD /năm.

Quốc Dân Đảng. Nếu Diễn Đàn viết riêng cho một số người có khuynh hướng rõ rệt thì không nói làm gì. Nếu muốn viết cho số đông người Việt có lòng hướng về đất nước, thì nhiều người không chấp nhận được những lời phê phán bất hoà như trong bài nói trên.

Việt Nam Quốc Dân Đảng là một tổ chức quốc gia thuần tuý. Trong hàng ngũ tổ chức này nhiều người đã hiến thân cho nước. Người Việt Nam ai cũng nhớ đến mười ba người anh hùng đã lên đoạn đầu dài để trả nợ với non sông, trong năm 1930. Ngày nay một phố lớn tại Hà Nội cũng được mang tên Nguyễn Thái Học.

Tôi còn nhớ những ngày chua chan hy vọng của mọi người chung quanh tôi, sau khi chính quyền Bảo Hộ bị đánh đổ. Khoảng tháng năm tháng sáu năm ấy, những lời diễn văn của ông Phan Anh tại Nhà hát lớn Hà Nội đã làm rung động cả một thế hệ thanh niên. Dũng ai bảo ông Phan Anh là người không yêu nước. Hồi đó tôi còn nhỏ tuổi, thanh niên là bậc các anh các chú, nhưng tôi cũng được chia sẻ niềm vui tràn trề của họ. Phải chính mình sống qua những ngày tháng say xưa hồi ấy. Không một sách báo nào của Pháp hoặc của Mỹ có thể cho ai biết được sự vui mừng phấn khởi trong mọi tầng lớp dân gian bấy giờ là thế nào, nhất là trong các giới sinh viên và học sinh.

Sau đó lại càng đau đớn cuộc tranh quyền đẫm máu giữa các tổ chức chính trị, đều có thành tích chống thực dân, đều có chung một mục đích tối cao là phụng sự tổ quốc. Năm mươi năm đã qua. Những lời xỉ vả nặng nề để nối tiếp cuộc tranh chấp ngày xưa là có mục đích gì?

Năm mươi năm là thời gian đã đủ cho người Nhật và người Mỹ, người Đức và người Pháp trở lại thành bạn. Riêng người Việt mình với nhau, nhiều người vẫn có ý nuối duồng nỗi lòng căm hờn thù ghét, thế là vì sao?

Trân trọng chào các Anh, các Chị.

Nghiêm Phong Tuấn (*Maisons Lafitte*, Pháp)

Chúng tôi rất trân trọng bức thư của anh và hoàn toàn chia sẻ tinh thần toát ra từ toàn văn lá thư. Để cuộc đối thoại đi vào thực chất, xin chép lại đoạn văn đã làm anh bất bình : « Bên ngoài, quân Tàu Tưởng của tướng Lư Hán tràn vào các tỉnh miền Bắc, tiếng là “ giải giới ” quân Nhật, nhưng đi đến đâu hạch sách dân chúng đến đấy. Theo chân chúng là những người “ Việt Nam quốc dân đảng ” tránh khủng bố của Pháp sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bác, chạy sang các tỉnh nam Trung Hoa, mong dịp này về dựa thế Hoa quân để nắm lấy chính quyền ». (Diễn Đàn số 44, tr.7) ↩

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang : 180 F

1/4 trang : 300 F

1/2 trang : 550 F

1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Bắc Mỹ (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trường mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bull. de versement virement).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trường mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo Diễn Đàn. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ

Địa chỉ

Chúng tôi rất tiếc câu thứ nhì của trích đoạn đã được (bị?) anh cảm nhận như một lời “xỉ vả” đối với Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ý định đó hoàn toàn xa lạ với chúng tôi khi chúng tôi nhắc lại một sự kiện lịch sử và hàm ý đánh giá một cách công bằng. Việc làm của một số xu hướng “VNQDD” (xin lưu ý anh các dấu ngoặc kép) cuối năm 1945, đầu năm 1946, đối với chúng tôi, không mấy liên quan và nhất thiết không thể làm tổn hại công lao và tấm gương người sáng của Nguyễn Thái Học và các đồng chí của ông. Ngược lại?

Nhân dịp này, cũng xin nói thêm: hoàn cảnh nghìn cân treo sợi tóc của thời kỳ 1945-46 và cuộc tranh chấp Việt-Việt (thực ra đã bắt đầu từ trước đó: trong trường thiên tiểu thuyết Giồng sông Thanh Thuỷ, nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã mô tả cảnh một cán bộ Việt Quốc bóp cổ một cán bộ Việt Cộng ở Ván Nam, đầu thập niên 1940), theo chúng tôi, cũng không thể nào biện minh cho việc Việt Minh thủ tiêu những lãnh tụ chính trị như Tạ Thu Thảo (1945), Khái Hưng Trần Khánh Giú (1947)...

Năm mươi năm đã trôi qua từ mùa thu 45, hai mươi năm từ mùa xuân 75. Đã đến lúc mọi người Việt Nam nhìn nhau như đồng bào, tôn trọng lẫn nhau trong sự khác biệt, để cùng chia sẻ trách nhiệm đối với tương lai. Và tương lai cũng như hiện tại, đều bắt rẽ từ quá khứ, từ sự nhìn lại quá khứ một cách sòng phẳng.

TB. Nhân anh nhắc lại kỷ niệm về ông Phan Anh, trong nhóm chủ trương tạp chí Thanh Nghị, nguyên bộ trưởng chính phủ Trần Trọng Kim và chính phủ Hồ Chí Minh, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc một cuốn sách mới nhận được: *Hồi ký Vũ Đình Hoè*, tập I, Nhà xuất bản Văn Hoá, 1995, 460 trang. Tập này kể lại thời kỳ ra báo Thanh Nghị, thành lập đảng Dân chủ, và những năm đầu kháng chiến. Xin xem thêm loạt bài về “Cố Điện” của Hoàng Xuân Hãn đăng trên Điện Đàn.

Nhìn lại quá khứ một cách công bằng (hon), thiết tưởng cũng nên kể Một cõi nhân gian bé tí của Nguyễn Khải, tập trung nói về Cụ Vũ (tức Vũ Hồng Khanh, một lãnh tụ VNQDD), và hồi ký Cát bụi chân ai của Tô Hoài, có trang nói về vụ xử bắn một số đảng viên VNQDD hồi đầu kháng chiến.

Bính Tý tuy còn xa

Bính Tý tuy còn xa, nhân tiện thư trình, kính tặng quý báo hai câu đối :

DIỄN thẳng ý ngay, tròn một tiếng
DÀN ngang nhạc khúc, gảy năm cung.

Khúc còn là đối nghĩa của trực, ngay.

Gảy, trong cách phát âm miền Nam, đồng âm với gẩy, đối nghĩa với tròn.

Q.L. (Blois, Pháp)

Bài... bác

Trong số vừa rồi (tháng 9.95), tôi tâm đắc nhất bài của bác Đặng Tiến viết về cụ Lê Đạt, tuy thế bác Đặng Tiến viết một câu nghe không “vào” lắm. Đó là câu ở đoạn kết: « Chúng tôi hoan nghênh việc làm của Lê Đạt ». Chẳng biết bác Đặng Tiến nghĩ thế nào chứ bậc hậu sinh thấy câu này hơi khách sáo và hơi giống văn báu Nhân Dân. Đây là cảm nghĩ riêng của tôi thôi, và cũng chỉ tiếc cho một câu thôi, còn cả bài thì rất tuyệt. Nhất là đoạn: “ Từ nỗi nghèo thân xác, ta chuyển mình lên cái nghèo của tinh thần ”. Tự nhiên tôi đậm lây cái bẩn khoán của bác Đặng Tiến khi bác ấy lo cho cái nghèo tinh thần trong giới trẻ hiện nay.

Lý Thanh (Warsawa, Ba Lan)

Sécheresse et Pluie (Hạn hán và Cảnh mưa) par la Compagnie EA SOLA

Les 3 et 4 novembre : Culturgest de Lisbonne (Portugal)
Du 8 au 13 novembre : Festival d'Automne de Paris
(Centre Georges Pompidou), 20h30, dimanche 16H, 90 F,
Tél : 42 96 96 94

25 novembre : Chalon-sur-Marne

30 novembre : Rotterdam (Stasschouwburg)

5 décembre : Metz (Arsenal)

Du 8 au 10 décembre : Rennes (Théâtre National de Bretagne)

A l'occasion de la sortie de sa nouvelle cassette,

les amis de Hương Thanh

vous convient à la soirée

Đêm tình ca quê hương

avec la participation de
Kim Chính, Hoàng Lan, Hải Sơn

Samedi 25 novembre 95, à 20 h 30

Nhà Việtnam, 23 Cardinal Lemoine, Paris 5^e

PAF : 80F (cassette-cadeau compris)

Réservation & renseignements : (1) 46 63 27 21

SKI ALPE D'HUEZ

Du 09 MARS AU 16 MARS

2500 F

COMPRENNANT

- Transport en car avec vidéo/toilettes.
- Hébergement en bungalow ***.
- Pension complète.
- Forfait remontées mécaniques 6 jours.
- Assurance.

EN OPTION

- Location Skis + Chaussures 350 F

RENSEIGNEMENTS

- | | |
|----------|--------------------------|
| • THÉRÉ | 42 72 72 90 (bureau) |
| | 45 83 12 69 (le soir) |
| • JÉRÔME | 42 72 85 24 (la journée) |

ATTENTION

Le nombre de places est limité, par conséquent envoyez vos inscriptions au plus vite avec :

- Le bulletin d'inscription rempli.
- Un chèque de 1000 Fr d'acompte.
- Un chèque d'adhésion UJVF pour les non-adhérents à l'ordre de l'UJVF.
- Une photo d'identité.

A ENVOYER CHEZ :

M. NGUYEN Thai-Binh
7 square Duinois ap° 1021
75013 PARIS

Nota : l'acompte n'est remboursé qu'en cas d'annulation du séjour par l'UJVF.

BULLETIN INSCRIPTION

NOM

PRÉNOM

DATE NAISSANCE

TÉLÉPHONE

ADRESSE

Séjour **SANS** option location matériel
Montant à régler : 2 500 Fr

Séjour **AVEC** option location matériel
Montant à régler : 2 850 Fr

Tin tức Tin tức

Cải tổ chính phủ

Trong phiên họp ngày 23.10, quốc hội Việt Nam đã chính thức thông qua đề nghị cải tổ chính phủ của thủ tướng Võ Văn Kiệt. Theo tinh thần bài diễn văn khai mạc khoá họp quốc hội ngày 3.10 của thủ tướng, nhấn mạnh yêu cầu cải tổ bộ máy nhà nước nhằm tăng cường hiệu năng quản lý kinh tế, sự thay đổi chính ở nội các là việc hợp nhất nhiều bộ trong những lĩnh vực hoạt động gần nhau. Uỷ ban kế hoạch nhà nước (chủ nhiệm : Đỗ Quốc Sam) và Uỷ ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (Đậu Ngọc Xuân) trở thành bộ kế hoạch và đầu tư, do ông Đỗ Quốc Sam làm bộ trưởng. Các bộ công nghiệp nhẹ (bộ trưởng : Đặng Vũ Chư), công nghiệp nặng (Trần Lum) và năng lượng (Thái Phung Nê) hợp thành bộ Công nghiệp, do ông Đặng Vũ Chư làm bộ trưởng. Các bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm (Nguyễn Công Tạn), Lâm nghiệp (Phan Xuân Đợt), Thuỷ lợi (Nguyễn Cảnh Dinh) hợp thành bộ nông nghiệp dưới sự chủ trì của bộ trưởng Nguyễn Công Tạn. Ngoài ra, ông Đỗ Nguyên Phương thay ông Nguyễn Trọng Nhân làm bộ trưởng y tế, ông Tạ Hữu Thanh thay ông Nguyễn Kỳ Cẩm trong chức vụ tổng thanh tra nhà nước. Ông Nguyễn Kỳ Cẩm trở thành bộ trưởng chủ nhiệm uỷ ban chống tham nhũng và buôn lậu, ông Đậu Ngọc Xuân thành bộ trưởng chủ nhiệm uỷ ban xét nghiệm các dự án nhà nước, ông Nguyễn Cảnh Dinh thành bộ trưởng chủ nhiệm uỷ ban sông Mê Kông, đồng thời phụ trách phòng chống lũ lụt. Nhiều quan sát viên cũng chờ đợi có sự cải tổ trong bộ phận tài chính của chính phủ, nhưng ông Hồ Tế vẫn (tạm thời ?) giữ được chức vụ bộ trưởng tài chính, chỉ có ông Phan Văn Tiệm mất chức chủ nhiệm uỷ ban vật giá nhà nước và trở thành bộ trưởng không giữ bộ nào. Cho tới nay, người ta chưa được biết gì về số phận của các nhân vật không còn ở chính phủ, và nhất là về sự tổ chức cụ thể các bộ hoặc uỷ ban nhà nước mới ra sao, sự tinh giản bộ máy sẽ diễn ra thế nào.

Về phía chóp bu của chính phủ, không có sự thay đổi nào ở các chức vụ thủ tướng, ba phó thủ tướng cũng như ở các bộ quốc phòng, nội vụ, ngoại giao, mà bộ trưởng là uỷ viên bộ chính trị đảng cộng sản. (Reuter 23.10 và tin riêng DD)

Kinh tế : kết quả 1995 và mục tiêu 1996

Bản báo cáo của thủ tướng Võ Văn Kiệt đọc trước quốc hội ngày 3.10 vừa qua cho biết : tỷ lệ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế Việt Nam năm 1995 sẽ đạt 9,5 %, đưa tốc độ tăng trưởng bình quân của GDP trong kế hoạch 5 năm 1991-1995 lên 8,2 %, trong khi mục tiêu do quốc hội thông qua là 5,5-6 %. Cũng theo ước tính của chính phủ : năm 1995 sản lượng lương thực đạt 27,4 triệu tấn ; sản lượng công nghiệp tăng 14 % so với năm trước ; xuất khẩu đạt 4,7 tỷ đô la, tăng 30 % ; đầu tư trực tiếp của

nước ngoài tăng hơn 30 % ; một triệu công ăn việc làm được tạo ra thêm.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt nêu ra năm thiếu sót chính của năm 1995 là :

– sử dụng phân tán và kém hiệu quả nguồn lực còn hạn hẹp của đất nước ; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn rất thấp (7-8 % GDP) ;

– lạm phát trong 9 tháng đầu năm lên tới 11,7 % ; lãnh vực ngân sách, tài chính, tiền tệ còn nhiều vấn đề nóng bỏng, có thể tác động xấu đến khả năng ổn định và phát triển kinh tế ;

– vai trò kinh tế quốc dân chưa được nâng cao ; kinh tế hợp tác xã chưa được đổi mới ; kinh tế tư nhân chưa được hướng dẫn và trợ giúp đúng mức ;

– buôn lậu, tham nhũng không giảm ; tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi ; đói nghèo, lạc hậu ở một số nơi còn nặng nề ; tài nguyên, môi trường còn bị hủy hoại ; nạn thất nghiệp vẫn gay gắt ;

– năng lực quản lý của bộ máy chính quyền còn nhiều mặt bất cập so với sự phát triển của nền kinh tế và xã hội.

Cho năm 1996, thủ tướng Võ Văn Kiệt nêu ra các chỉ tiêu : GDP tăng trưởng 9,5-10 %, nông nghiệp tăng 4,5 %, công nghiệp tăng 14 -15 %, xuất khẩu tăng 25 % ; đầu tư phát triển chiếm 27 % GDP ; thuế chiếm 22 % GDP ; kiềm giữ lạm phát dưới mức năm 1995. Chính phủ còn đặt cho mình mục tiêu duy trì nhịp độ phát triển này cho đến năm 2 000.

Năm giải pháp lớn được đưa ra để thực hiện trong năm 1996 : cải cách nền hành chính, nâng cao năng lực quản lý của nhà nước ; cải cách hệ thống thuế và hệ thống ngân hàng theo những nguyên tắc cơ chế thị trường ; huy động mọi nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế ; phát triển hài hòa các vùng và lĩnh vực kinh tế chủ yếu ; phát triển nguồn nhân lực, cải thiện phúc lợi xã hội. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 5.10.95)

Ngân sách nhà nước : sê hụt 3 000 tỉ đồng

Năm 1995, ngân sách nhà nước có kế hoạch thu 53 350 tỉ đồng, song đến tháng 8 chỉ mới đạt được hơn phân nửa. Bộ tài chính vừa cho biết kế hoạch thu sê không vượt 94 %, tức sê hụt thiểu khoảng 3 000 tỉ đồng. Một số lý do được bộ tài chính nêu lên.

– thuế đất : chính sách đất đai không phù hợp làm giảm hoạt động chuyển nhượng và thuê đất ;

– lợi tức nhà đất : chương trình bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước tiến hành chậm so với dự kiến ;

– thuế lợi tức : các doanh nghiệp quốc doanh, sau khi được phép giữ lại khấu hao cơ bản, đã nâng tỷ lệ này từ 10 % lên đến 30 hay 40 % ;

– lợi tức dầu khí : hợp đồng chia lãi trong liên doanh dầu khí có một số điều chỉnh ;

– thuế thuốc lá : sản xuất thuốc lá trong nước bị đình đốn sau khi chính phủ có quyết định bán ra thị trường thuốc lá nhập lậu đã bị bắt giữ ;

– thuế nhập khẩu từ những mặt hàng cao cấp : chính phủ chủ trương giảm chi tiêu ;

– thuế xuất nhập khẩu ở biên giới đất liền ; một số tỉnh, từ khi được nhà nước cho giữ lại phần thu thuế ở cửa khẩu, đã thả trống biên giới để tạo lợi thế cạnh tranh thương mại với các tỉnh khác ! (Thời báo kinh tế Sài Gòn 5.10.95)

Cả nước được mùa : giá gạo tăng 20 % !

Thông tin từ chính phủ cho biết, năm nay, lúa trúng mùa ở cả nước, ước sản lượng lương thực đạt mức kỷ lục 27 triệu tấn, trong khi chỉ tiêu của năm 1995 là 25 triệu tấn. Chính phủ đồng thời xác định hạn ngạch xuất khẩu gạo năm 1995 sẽ không thay đổi, vẫn là 2 triệu tấn như đã định. Mặc dù vậy, giá gạo trong nước đã liên tục tăng, đạt mức cao nhất từ

trước đến nay : tại Thành phố Hồ Chí Minh, giá gạo trắng thường từ 2 600 đ/kg đầu tháng 7 vượt 3 400 đ/kg cuối tháng 9, tăng hơn 20 % trong ba tháng.

Giá gạo tăng hiện nay không phải do thiếu gạo mà bởi những nguyên nhân khác, ở trong và ở ngoài nước. Do nhiều quốc gia trong khu vực (Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Hàn Quốc ...) và trên thế giới bị mất mùa, giá gạo quốc tế đã tăng vọt : loại gạo 5 % tấm, năm 1994 Việt Nam xuất với giá 240 đô la/tấn, năm nay lên đến 340 đô la/tấn. Tuy nhiên, con số gạo chủ yếu do các nguyên nhân nội tại :

– thuế nhà nước tăng (thuế buôn chuyển, thuế xuất khẩu), cước vận chuyển tăng (sau nghị định về an toàn và trật tự giao thông) ;

Khoan thư hay tận thu sức dân ?

Nhân kỷ họp của quốc hội, báo Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30.9.95 đã cho đăng, dưới tựa đề “**Khoan thư sức dân – thương sách giữ gìn và phát triển đất nước**”, bài của Phan Trọng Hiền trong đó tác giả cho rằng nhà nước cần nói lồng, “*khoan thư sức dân để làm kế sâu rẽ bền gốc*”, thay vì ngược lại, như khái niệm chủ trương, chính sách hiện nay nhằm “*tận thu*” sức dân.

Trước hết, nói về chính sách lương, Phan Trọng Hiền khẳng định lại rằng người lao động không thể sống với đồng lương thuần túy : « *Mức lương tối thiểu hiện nay chỉ có 120 000 đồng, không đủ để đóng tiền học hàng tháng cho một đứa con, hàng trăm thứ chi tiêu khác biến dựa vào đâu ? Tất nhiên, không ai chết đói vì lương không đủ sống cả, bởi thực tế họ phải tự tháo gỡ khó khăn bằng mọi cách. Hoặc ăn hối lộ, nhận “quà biếu”. Hoặc tham nhũng, ăn cắp của công (nếu có điều kiện). Hoặc phải, làm thêm để sống. Trong trường hợp sau cùng này, tất yếu dẫn đến tình trạng “chân ngoài dài hơn chân trong”, tâm lực con người sẽ dồn cho việc làm thêm, hỏi làm sao có thể toàn tâm toàn ý để “phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật” cho công việc chuyên môn ở cơ quan được ? »*

Bài báo nhắc lại, khi chế độ lương mới bắt đầu được áp dụng, nhà nước giải thích : « *Do điều kiện ngân sách còn khó khăn, trước mắt hãy tạm chấp nhận như vậy ; sắp tới sẽ nâng dần mức lương tối thiểu, mở rộng khoảng cách giữa các bậc lương, và khi có trượt giá, sẽ điều chỉnh nâng lên tương ứng theo kiểu “nước lên, thuyền lên” ! Đến nay, “nước” dâng lên đã nhiều, nhưng “thuyền” vẫn bị neo chặt, sắp chìm ! Cụ thể, nước ta năm nào cũng lạm phát (riêng năm 1994 trên 14 %, trong 8 tháng đầu 1995 trên 11 %), giá cả thị trường ngày càng tăng cao, nhưng lương vẫn “giậm chân tại chỗ”. Hàng năm, theo báo cáo của chính phủ, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế rất đáng phẫn khởi (cụ thể, mức tăng GDP năm 1994 là 8,5 %, năm 1995 ước tăng 9,5 %), nhưng người làm công ăn lương nhà nước vẫn chưa được hưởng thành quả đóng góp của mình. Nhà nước không nên viện lý do “không có tiền” để lảng tránh việc tăng lương, vì đó là hành động thiếu trách nhiệm ; hành động đó đã, đang và sẽ tiếp tục gây nên*

những hậu quả không lường về mặt xã hội ».

Nói về thuế, Phan Trọng Hiền cho rằng chính sách hiện nay « *khá nặng nề đối với những người lao động làm ăn lương thiện, nhưng lại thất thu, để lọt sổ khá nhiều đối với bọn gian thương, những kẻ làm ăn lớn có nhiều thủ đoạn “né”, trốn thuế ; từ đó, đào sâu thêm hố ngăn cách giàu – nghèo, không thực hiện được công bằng xã hội. Điểm hình nhất là các sắc thuế liên quan đến ruộng đất, nhà đất, thuế doanh thu, thuế thu nhập đối với người có “thu nhập cao” v.v... Cách làm thuế của ta giống như một anh nông dân kém hiểu biết cố vắt can kiệt sữa của con bò trong khi không chịu cho nó ăn tương đối đầy đủ, muốn vắt một lần cho hết sữa rồi làm thịt con bò chứ không muốn vắt từ từ để có sữa vắt lâu dài ».*

Đề cập đến các khoản “tận thu” khác, Phan Trọng Hiền nhấn mạnh rằng người dân không chỉ có nghĩa vụ đóng thuế mà còn « *phải đóng góp những khoản linh tinh theo kiểu “nhà nước và nhân dân cùng làm” (cum từ này bị lạm dụng quá nhiều) hoặc “hưởng ứng phong trào” này nọ. Từ người giàu đến người nghèo đều phải làm công tác từ thiện – xã hội, đóng góp quá nhiều khoản như quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ vì tuổi thơ, quỹ bảo trợ trẻ em nghèo thất học, quỹ an ninh quốc phòng, quỹ hậu phương quân đội, tiền lao động công ích, v.v... và v.v... Ngoài ra, người dân còn phải đóng tiền làm thay nhà nước những việc mà lẽ ra nhà nước có trách nhiệm phải làm như sửa chữa đường sá, cống rãnh, mắc bόng đèn thấp sáng công cộng ở các khu phố, sửa chữa trường lớp (tiền cơ sở vật chất), sửa chữa cầu đường (lệ phí giao thông) v.v...».*

Bài báo kết thúc với kiến nghị : « *Mỗi khi đề ra chủ trương, ban hành các chính sách, nhà nước cần hết sức chú ý việc an dân, nói lồng sức dân – đó là thương sách để giữ nước và phát triển đất nước. Khi mà đa số nhân dân ta còn nghèo, đời sống thiếu hụt sau, nhà nước không nên tận thu của dân từng đồng, trong khi lại lăng phí bạc tỉ, để cho những kẻ xấu xa, bất tài làm thua lỗ, thất thoát, tham nhũng hàng chục, hàng trăm tỷ đồng mà không có cách nào để thu hồi – đó chính là mối nguy của đất nước vậy ».*

– nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long, do đồi sông đã được cải thiện, không bán lúa non như trước đây, mà trữ lúa lại để ngóng giá lên mới bán ;

– nạn xuất gạo lậu (số gạo thực tế đã ra khỏi Việt Nam lên đến 2,6 triệu tấn, vượt 600 000 tấn chỉ tiêu xuất khẩu chính ngạch) ;

– độc quyền nhà nước xuất khẩu gạo thông qua khoảng 20 đầu mối được bộ thương mại cấp phát quota.

Các đầu mối này hiện nay đều là công ty quốc doanh, trong đó số lớn, do không đủ vốn và nghiệp vụ, kỳ thực chỉ hoạt động xuất khẩu ủy thác : bán quota hay nói cách khác bán quyền kinh doanh xuất nhập khẩu. Hiện nay, chênh lệch giữa giá gạo trong nước và giá thế giới cho phép người xuất khẩu lời ít nhất là 500 đ/kg : xuất một tàu 10 000 tấn, người ta có thể lời đến 5 tỷ đồng (nửa triệu đô la). Chính trong điều kiện đó mà nhiều người đang tranh mua gạo, đẩy giá mua trên thị trường trong nước. Điều đó cũng giải thích sự phát triển của hoạt động xuất khẩu gạo lậu : nếu làm ăn chính quy, người xuất khẩu sẽ phải nộp cho một trong 20 đầu mối được bộ thương mại chỉ định từ 1 đến 2 % “ phí ủy thác ”.

Vừa qua, chính phủ có yêu cầu bộ thương mại kiểm tra và có biện pháp xử lý nghiêm minh các trường hợp buôn bán quota xuất khẩu gạo. Theo một chuyên gia nông nghiệp đồng thời là thành viên tổ tư vấn của thủ tướng, ông Võ Tòng Xuân, vấn đề không phải ở đó mà ở chỗ chính phủ có cho phép các doanh nghiệp tư nhân được trực tiếp xuất khẩu gạo hay không. (Lao Động 10.9 ; Tuổi Trẻ 14.9 ; Sài Gòn Giải Phóng 19.9 ; Phụ Nữ TPHCM 4.10 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 5.10.95)

Doanh nghiệp nước ngoài : lỗ giả, lời thật

Trong khi các doanh nghiệp nhà nước thường quyết toán lời giả, lỗ thật, tại các doanh nghiệp nước ngoài đang có triết chứng ngược lại. Năm 1994, trong số 241 doanh nghiệp có vốn nước ngoài đăng ký ở Thành phố Hồ Chí Minh, có đến 103 công ty quyết toán lỗ : tỷ lệ kinh doanh không lãi lên tới 63 % trong các ngành công nghiệp, 50 % trong các ngành nông-lâm-thủy sản, 22 % trong các ngành dịch vụ, 16 % trong ngành khách sạn.

Vừa qua, Ủy ban nhà nước về hợp tác đầu tư có giao cho công ty kiểm toán Thụy Sĩ SGS (Société Générale de Surveillance) giám định vật tư thiết bị nhập khẩu để góp vốn tại 12 xí nghiệp liên doanh. Kết quả giám định cho thấy 6 trên 12 liên doanh đã khai khống vật tư thiết bị đến 14 triệu đô la. Do nguyên giá tài sản cố định bị nâng cao, phía đối tác trong nước bị thiệt thòi ở tỷ lệ chia lãi, rồi do khấu hao tài sản cố định cao, nhà nước bị thất thu thuế lợi tức. Ở Ủy ban hợp tác đầu tư, người ta tự an ủi rằng “ thủ đoạn nước ngoài rất tinh vi, phải nhờ đến tài ba của công ty giám định nước ngoài mới phát hiện được ” !

Điều đáng chú ý là trong ngành công xuất khẩu có đến 63 % liên doanh khai báo lỗ, trong khi ngày càng nhiều nhà máy gia công được thiết lập tại Việt Nam, là nước nhân công rẻ cuối cùng ở Đông Nam Á có thể đón nhận những công nghệ lạc hậu đó. Ở đây, những công ty nước ngoài sử

dụng một thủ đoạn cổ điển khác : nâng giá nguyên liệu và giảm giá thành phẩm để chuyển lãi thật cho công ty mẹ ở nước ngoài. (Phụ Nữ TPHCM 13.9.95)

Doanh nghiệp nhà nước : nợ khổng lồ

Ngày 1.10 vừa qua, Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp đã bắt đầu đi vào hoạt động. Từ nay nhiệm vụ quản lý vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp (quốc doanh, liên doanh với nước ngoài, cổ phần hóa) được giao cho một đầu mối duy nhất là Tổng cục, đại diện chủ sở hữu vốn và tài sản nhà nước. Đây là một bước quan trọng nhằm xóa bỏ chế độ bộ chủ quản và cơ chế quản lý nhiều tầng nấc, trong đó doanh nghiệp bị tuốt quyền tự chủ trong khi không ai chịu trách nhiệm về việc quản lý vốn và tài sản của nhà nước.

Vừa qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao nhiệm vụ quản lý tài chính ở 44 doanh nghiệp cho tổng cục. Trong dịp này, người ta được nghe đến những món nợ khổng lồ của một số doanh nghiệp nổi tiếng một thời như Công ty lương thực TPHCM hay Imexco.

Công ty lương thực, mà giám đốc là bà Ba Thi bị thay năm 1992 nhưng được chính quyền miễn truy tố trách nhiệm, đang bị lỗ và không thu hồi được công nợ gần 300 tỷ đồng, đồng thời còn nợ nước ngoài 32 triệu đô la (trên 320 tỷ đồng) ; đó là những năm qua, ngân sách nhà nước có trợ cấp thêm 50 tỷ đồng, cho thiểu thuế 39 tỷ đồng và cho phép công ty bán 87 tỷ đồng bất động sản.

Imexco, sau vụ hỏa hoạn đầy nghi vấn mà cuộc điều tra nhiều năm trời vẫn chưa tìm ra manh mối, hiện nay đang lỗ

Quốc doanh đóng vai trò chủ đạo ?

Đã có một thời, mỗi khi ra đời một doanh nghiệp nhà nước, là mọi người thêm niềm tự hào : lại thêm một trận địa xã hội chủ nghĩa, một thành phần “ chủ đạo ”. Nhưng cuộc sống đã buộc mỗi người kiểm tra và điều chỉnh lại nhận thức của mình.

Số doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả, đóng góp nhiều cho ngân sách và gương mẫu về trình độ quản lý còn quá ít, không vượt quá 30 %. Trong 70 % còn lại thì khoảng 40 % cầm chừng, đang ăn vào vốn để tồn tại, và 30 % thua lỗ, đáng giải thể. Vì vậy, nếu tính chung toàn bộ lĩnh vực quốc doanh, tỷ suất lợi nhuận của đồng vốn quốc doanh chỉ đạt 5 % (thấp hơn cả chỉ số lạm phát, có nghĩa là không bao toàn được giá trị đồng vốn). Không một ngân sách nhà nước nào chịu đựng nổi khoản bù lỗ khổng lồ để nuôi dưỡng các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ.

Có người nói các xí nghiệp nhà nước đang đóng góp một tỉ lệ quan trọng trong nguồn thu ngân sách. Đúng vậy, nhưng hãy so sánh : doanh nghiệp nhà nước đang chiếm trên 75 % tài sản xã hội, mà chỉ đóng góp được 30 % ngân sách. Điều đó đủ để chứng minh mức hiệu quả thấp của quốc doanh, và như vậy, làm sao thuyết phục được các thành phần kinh tế khác khi ta khẳng định “ quốc doanh đóng vai trò chủ đạo ” ? (Trần Đình Bút, Phát triển kinh tế số 57, tháng 7 1995)

và không thu hồi công nợ trên 318 tỷ đồng, đồng thời nợ nước ngoài đến 60 triệu đô la (hơn 600 tỷ đồng); và đó là sau khi ngân sách nhà nước cho công ty miễn trừ các loại thuế, Thành phố Hồ Chí Minh trợ cấp 120 tỷ đồng và Ngân hàng ngoại thương đứng ra trang trải gần 10 triệu đô la nợ. (Tuổi Trẻ 12 và 14.9; Phụ Nữ TPHCM 13.9.95)

Quan hệ nhà nước – nhà thờ vẫn khó

Tổng giám mục Phao-lô Nguyễn Văn Bình đã qua đời từ ngày 1.7 (thọ 85 tuổi), nhưng 3 tháng sau việc cử người kế tục ngài tại giáo phận thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa được giải quyết xong. Giám mục Huỳnh Văn Nghi, người được Vatican cử làm giám quản tông tòa giáo hội thành phố từ tháng 9.1993, vẫn chưa được nhà cầm quyền chấp thuận với lý do là việc bổ nhiệm đó che dấu ý đồ Vatican vẫn giữ là muốn bổ nhiệm giám mục Nguyễn Văn Thuận thay thế tổng giám mục Phao-lô Nguyễn Văn Bình. Mặc dù quan hệ giữa nhà nước và giáo hội có phần giảm căng thẳng sau khi Vatican đánh tiếng từ bỏ ý muốn bổ nhiệm giám mục Nguyễn Văn Thuận (ĐĐ số tháng 4.1994) và sau lần tổng bí thư Đỗ Mười gặp gỡ các giám mục tại Hà Nội vào tháng 9 năm ngoái, Hà Nội lại đã bác bỏ việc Vatican bổ nhiệm 4 giám mục mới ở Việt Nam tháng 4 năm nay, vì đã không được hỏi ý kiến trước. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhắc lại đòi hỏi này hôm 3.10, khi ông gặp Hồng y Phạm Đình Tụng, giáo phận Hà Nội, nhân dịp Hồng y được cử làm chủ tịch hội đồng giám mục Việt Nam. (AFP 3.10.1995)

Mỹ – Việt : sắp thảo luận về thương mại

Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm và bộ trưởng thương mại Lê Văn Triết là những quan chức cao cấp đầu tiên của Việt Nam đã đến thăm chính thức Hoa Thịnh Đốn, từ khi chính quyền Mỹ lập lại quan hệ ngoại giao với Việt Nam, tháng 7 vừa qua. Cả hai đã gặp ngoại trưởng Mỹ Christopher Warren ngày 3.10, và được một cộng sự viên thân tín của tổng thống Clinton, ông Anthony Lake tiếp tại Nhà Trắng ngày hôm sau. Về phía Mỹ, số phận của những cựu tù binh và quân nhân mất tích trong chiến tranh vẫn là đề tài ưu tiên của các cuộc gặp. Song, về phần mình, ông Cầm đã nhấn mạnh đến việc cấp bách tiến hành những cuộc thương lượng về một hiệp định thương mại song phương. Ông Christopher Warren đã xác nhận là một đoàn quan chức cao cấp của các bộ ngoại giao, ngân khố và thương mại cùng nhiều cơ quan chính phủ Hoa Kỳ sẽ đi Việt Nam vào tháng 11 tới để tiến hành các cuộc thương lượng đó. Theo bà Joan Spero, thứ trưởng ngoại giao phụ trách các vấn đề kinh tế, Hoa Kỳ mong đạt tới một hiệp định trọn vẹn, “càng đầy đủ càng tốt”, và chờ đợi là các cuộc thương lượng sẽ không dễ dàng và không thể đạt kết quả mau chóng. Bà nói, Hoa Kỳ sẽ đòi hỏi Việt Nam mở rộng thị trường cho cạnh tranh quốc tế, thực hiện những cải tổ về luật pháp để bảo đảm cho những cải tổ kinh tế... Các doanh nghiệp Mỹ, theo bà Spero, đã đầu tư 600 triệu đôla vào Việt Nam, và kim ngạch xuất khẩu Mỹ sang Việt Nam sẽ đạt 230 triệu đôla năm nay, trong chiều ngược lại, Việt Nam xuất sang Mỹ 50 triệu đôla.

Hà Nội trông chờ nhiều nhất hiện nay ở Hoa Thịnh Đốn

là quy chế tối huệ quốc để được giảm thuế hàng xuất sang Mỹ, song điều này không chỉ phụ thuộc vào quyết định của tổng thống Clinton mà còn phải được quốc hội Mỹ thông qua. (AFP 3-5.10.1995)

Việt Nam – ASEAN

Hà Nội là thủ đô của nước thứ ba trong hiệp hội đã tiếp đón tân thủ tướng Thái Lan Banharn Silpa-archa, vào ngày 1.10, sau cuộc bầu cử vừa qua của Thái. Ngoài việc “lầm quen” với những nhà lãnh đạo các nước bạn trong hiệp hội, tân thủ tướng Thái không quên các mối quan hệ song phương mà theo ông, cần được đẩy mạnh. Với Việt Nam, ông đã nhấn mạnh yêu cầu xây dựng một đường xe hơi nối hai nước, trên cơ sở đường 9 nối Việt Nam với Lào hiện nay.

Về phần mình, từ khi chính thức gia nhập ASEAN tới nay, chính phủ Việt Nam đang phải lo làm khá nhiều công việc kỹ thuật của việc hội nhập. Đầu tháng 10, Hà Nội đã thiết lập một Tiểu ban nhà nước chuyên trách về ASEAN, đặt dưới quyền của phó thủ tướng Trần Đức Lương, và một ban thư ký ASEAN thuộc bộ ngoại giao. Ngoài ra, một cơ quan của chính phủ do chính thủ tướng chủ trì cũng sẽ hình thành để phối hợp hoạt động của các bộ trong việc giao tiếp với các nước trong khối. Cuộc họp các quan chức phụ trách kinh tế của các nước trong khối được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 14.10 để chuẩn bị cho hội nghị các thủ tướng ASEAN ở Bangkok cuối năm nay, là cuộc họp quan chức ASEAN đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam. Hàng năm, hiệp hội có khoảng 200 cuộc họp như vậy, và riêng việc có đủ các công chức cao cấp thông thạo tiếng Anh và quen với các cuộc thương lượng quốc tế đã là một yêu cầu rất lớn đối với Việt Nam hiện nay. (AFP 1, 9 và 14.10.1995)

Chuyện dài buôn lậu và tham nhũng

Theo thống kê của chính phủ, trong 8 tháng đầu năm 1995, có đến 14 250 tỉ đồng hàng nhập lậu vào Việt Nam, trong đó khoảng 13 000 tỉ từ biên giới Tây Nam, 1 200 tỉ từ biên giới phía Bắc, 600 tỉ từ đường biển, 450 tỉ từ biên giới phía Tây. Riêng thuốc lá, tại biên giới Tây và Tây Nam (từ Quảng Trị đến Kiến Giang), người ta ước tính mỗi ngày có khoảng từ 500 000 đến 600 000 bao thuốc vào lậu. Đồng thời, chính phủ cũng cho biết thuế xuất nhập khẩu năm 1995 hụt thu lớn, có thể sẽ vào khoảng 1 500 tỉ đồng.

Một năm rưỡi sau khi hình thành “ban chỉ đạo chống tham nhũng” ở Thành phố Hồ Chí Minh, chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Trương Tấn Sang thừa nhận rằng còn xa mới đạt tới mục tiêu “ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng”. Theo ông, hoạt động chống tham nhũng đến nay chỉ mới “góp phần hạn chế tốc độ phát triển của nạn tham nhũng”. Theo thống kê của thành phố, chưa tính tới các sai phạm do chi không đúng nguyên tắc và mục đích, tổng số thiệt hại do tham nhũng gây ra cho ngân sách nhà nước là 107 tỉ đồng và một khối lượng vàng, ngoại tệ tương đương với 60 tỉ đồng, 7 căn nhà và 227 ngàn mét vuông đất. Số tiền nhà nước thu hồi được chỉ vào khoảng 20 %.

Tình trạng bao che ngày càng xảy ra nhiều hơn. Theo nhận định của ban chỉ đạo chống tham nhũng: “Nhiều cơ sở

trong thời gian dài không chủ động thanh kiểm tra, đến khi đổ bể, thiệt hại nghiêm trọng. Một số vụ án lớn, cán bộ vi phạm có chức vụ cao, khi tiến hành xử lý còn chưa thật nhất quán giữa trên và dưới, nên có vụ kéo dài, phát sinh nhiều dư luận phức tạp". Ban chỉ đạo đề nghị thể chế hóa qui định "kết khai tài sản đối với một số cán bộ, đảng viên giàu có bất thường, khi có dư luận quần chúng tố cáo" (!?) (Phụ Nữ TPHCM 30.8 ; Lao Động 21.9 ; Tuổi Trẻ 28.9.95)

Xuất nhập năm nay

Theo một thư trưởng ngoại thương nói với tuần báo Vietnam Investment Review ngày 22.10, kim ngạch mậu dịch hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc ước lượng sẽ vượt mức một tỉ đôla trong năm nay. Việt Nam xuất sang Trung Quốc gạo, dầu thô, than, cao su và thuỷ sản, và nhập lại xi măng, thép, hoá chất, thuỷ tinh và hàng thông dụng khác. Trao đổi thương mãi giữa hai nước tăng nhanh từ nhiều năm nay, từ 270 triệu đôla năm 1991, 280 triệu năm 1992, 300 triệu năm 1993, tới 500 triệu năm 1994. Tuy nhiên, những con số này không kể đến khối lượng hàng buôn lậu, như gạo, than và sắt thép, với trị giá có thể lên đến 500 triệu đôla, tăng khoảng 40 % so với năm ngoái. Theo Ủy ban kế hoạch nhà nước, trong 9 tháng đầu năm nay một khối lượng hàng lậu ước khoảng 1,4 tỉ đôla đã được nhập từ Trung Quốc và Cam Bốt vào Việt Nam.

Tính toàn bộ ngoại thương, Việt Nam đã xuất 3,7 tỉ đôla hàng hoá và nhập lại 4,4 tỉ trong 9 tháng đầu năm 1995, theo một thông báo của tổng cục thống kê. Cùng thời kỳ năm ngoái, những con số tương đương là 2,5 và 3 tỉ. (AFP 22.10.1995)

Tin Ngắn

✓ Theo báo Nhân Dân ngày 2.10, có hơn 17 000 vụ phạm pháp về kinh tế đã được phát hiện từ đầu năm nay : 1 521 vụ biển thủ tài sản xã hội làm thiệt hại của nhà nước khoảng 200 tỉ đồng và 15 713 vụ buôn lậu với trị giá hàng lậu được bắt giữ lên tới 486 tỉ đồng.

✓ Theo nhật báo tiếng Anh Vietnam News ngày 28.9, dẫn lời thống đốc ngân hàng nhà nước Cao Sỹ Kiêm, thị trường chứng khoán đầu tiên ở Việt Nam sẽ được mở ra vào quý 1 năm tới, ở hai địa điểm Hà Nội và Thành phố HCM.

✓ Với giá cà phê trên thị trường quốc tế tăng vọt trong năm qua, cà phê đã vượt gạo trở thành món hàng xuất khẩu thứ nhì của Việt Nam (sau dầu mỏ), đạt 410 triệu đôla trong mùa 1994–1995. Việt Nam đã xuất hầu như toàn bộ 150 000 tấn cà phê của mình (loại robusta, sản xuất trên tây nguyên), chủ yếu sang châu Âu, và đang có kế hoạch nâng diện tích trồng cà phê từ 150 000 hecta lên thành 500 000 hecta.

✓ Các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang lại bị lũ lụt nặng từ cuối tháng 9 tới giữa tháng 10. Ít nhất 88 người, hầu hết là trẻ em, đã bị thiệt mạng và hàng trăm ngàn người bị nạn đói đe dọa. Ở miền trung, các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam – Đà Nẵng cũng bị mưa lớn gây thiệt hại lớn, 23 người bị thiệt mạng vì nước cuốn 13 người chết vì dịch tả.

✓ Cộng đồng Châu Âu đã quyết định viện trợ 20,1 triệu đôla, bổ sung cho 1,7 triệu đôla của chính phủ Việt Nam để tiến hành công trình bảo vệ khu rừng quốc gia Pù Mát, một vùng rừng núi có nhiều thú quý đang bị đe doạ phá huỷ.

✓ Một công an viên Hà Nội đã bị khởi tố vì tội giết người, và một công an viên khác bị tình nghi là đồng loã trong cùng một vụ án : một thanh niên bị bắt về bóp đã được tìm thấy treo cổ chết trong xà lim. Công an cho rằng thanh niên này đã tự tử, nhưng cuộc giải phẫu tử thi cho thấy những triệu chứng ngược lại với khẳng định này. Đây là lần thứ hai trong năm nay công an Hà Nội bị buộc tội giết người.

✓ Công ty mậu dịch quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, đã cho khởi công công trình xây dựng lại chợ Đồng Xuân, bị cháy rụi vào tháng 7 năm ngoái. Chợ mới sẽ gồm hai lô nhà ba tầng, diện tích dưới đất là 26 000 m². Tuy nhiên, công ty mới thu thập được 19 tỉ đồng cho một công trình được tính trị giá là 79 tỉ.

✓ Chính phủ đã ra quyết định đặt bia ghi công Alexandre de Rhodes trong khuôn viên Thư viện quốc gia ở Thành phố Hồ Chí Minh, và khôi phục tên đường mang tên nhà truyền giáo có công trong việc chế tác chữ quốc ngữ. Để đánh giá đầy đủ công lao của Alexandre de Rhodes, một hội thảo khoa học sẽ được tổ chức (năm 1991, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đã dẹp bỏ một hội nghị tương tự).

✓ Vài tuần sau ngày khánh thành chào mừng 50 năm quốc khánh, dài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Quảng Nam–Đà Nẵng, "công trình thế kỷ" của tỉnh, đã lún đất sâu, nứt rạn nền và tường ! Đây là dài tưởng niệm cao nhất nước hiện nay (45m) và có lẽ sẽ tối kén nhất : đến nay, kinh phí xây dựng đã vượt 12 tỉ đồng.

✓ Theo tuần san Vietnam Investment Review, Việt Nam hy vọng đạt thoả thuận với Hội London về việc giải quyết các món nợ lên đến 800 triệu đôla đối với các ngân hàng tư nước ngoài, phần chính là các ngân hàng Nhật. Trong ngôn ngữ tài chính quốc tế, Hội London là một hiệp hội các chủ nợ tư nhân gồm những ngân hàng thương mại lớn trên thế giới, tương tự như Hội Paris là hiệp hội các nhà nước chủ nợ.

✓ Nhận lời mời của Fidel Castro, chủ tịch Lê Đức Anh đã đi thăm Cuba từ 12 đến 17.10, trước khi sang Nữu Úc dự lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Liên hiệp quốc. Ông Lê Đức Anh đã bay thẳng tới La Habana từ thủ đô Brazil sau khi đến thăm chính thức nước này.

✓ Theo ông Phạm Hưng, chánh án toà án tối cao, khoảng 7 000 phạm nhân đã bị các toà án kết án tù giam nhưng vẫn thoát được vì nhiều lỗ hổng của hệ thống luật pháp. Theo ông, công an quá chậm trễ trong việc bắt các tội phạm. Ngoài ra, có khoảng 2 700 tội nhân đã vào tù nhưng lại tìm được cách trốn ra !

✓ Trời đã đẹp sáng ngày 24.10 tại nam bộ và nam trung bộ, cho phép dân trong vùng quan sát được nhật thực toàn phần ở một hành lang rộng khoảng 70 km phía bắc Sài Gòn và 95 % ở ngay thành phố. Ở thành phố, hàng ngàn kính đen đặc biệt bằng giấy Mylar đã được bán rất chạy suốt một tuần trước và có người bán cả kính giả !

✓ Ngày 29.9, chủ tịch Lê Đức Anh đã ký một sắc lệnh theo đó lần đầu tiên Việt Nam thừa nhận trọng tài nước ngoài trong các cuộc tranh chấp kinh doanh, và gia nhập Công ước Nữu Út 1958 về trọng tài kinh tế. Sắc lệnh này có giá trị từ ngày 1.1 năm 1966.

✓ Theo báo Quân đội nhân dân ngày 25.10, 36 trên khoảng 300 xí nghiệp do quân đội quản lý đã ký kết những hợp đồng liên doanh với đối tác nước ngoài, đạt tổng vốn đầu tư 335 triệu đôla, trong các lĩnh vực công nghiệp (lắp ráp xe hơi, sửa chữa và đóng tàu...), khách sạn và dịch vụ. Tờ báo không nói rõ quốc tịch của những đối tác nước ngoài đó.

✓ Bắt đầu từ nửa đêm ngày 1 tháng 3.1996, các số điện thoại ở Việt Nam sẽ có thêm một con số 8 đằng trước. Butu điện đã quyết định biện pháp kỹ thuật này để có thể gài đặt thêm một triệu số điện thoại trong một tương lai gần.

✓ Xí nghiệp Đài Loan Pan Viet Corp. vừa bị toà án Đồng Tháp phạt bồi thường 300 000 đôla cho nông dân

trong tỉnh. Pan Viet Corp. đã ký kết với họ những hợp đồng thay thế mọi cây trồng trên hơn 200 hecta đất trong tỉnh bằng cây chuối, nhưng khi thất bại thì phải tay không nhận trách nhiệm gì. Luật sư của công ty cho biết Pan Viet Corp. đã kháng cáo, và chưa rút lui khỏi liên doanh.

✓ Công ty Bia Vietnam Brewery Ltd, một liên doanh do hãng Heineken đứng đầu, vừa bị phạt 10 triệu đồng (910 đôla) về tội hợp báo mà không có phép của Sở thông tin - văn hoá thành phố ! Công ty đã hợp báo để phản đối việc báo chí Sài Gòn đưa tin là người ta đã thấy một con trùng trong một lon bia do công ty sản xuất.

✓ Toà án TPHCM đã xử phúc thẩm các nhà sư Thích Không Tánh, Thích Nhất Bán và cư sĩ Nhật Thường ngày 26.10 (khi số báo này lên khuông) về vụ họ đã tổ chức một đoàn cứu trợ nạn lụt năm 1994 mà không được phép ! Thượng toà Thích Quảng Độ, cùng bị xử tù trong phiên sơ thẩm hồi tháng 8 đã không kháng án. Mặt khác, theo Việt Nam thông tấn xã, sẽ không có phiên tòa xử thượng toà Thích Huyền Quang.

“ Trên ” đây là Ban bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Trong một thông tri phổ biến tới cấp ủy, Ban bí thư TƯ DCS đã đánh giá cuốn phim theo kiểu và với trình độ báo Công an. Phải chăng Ban bí thư muốn biểu thị sự đồng tình với nghị định 36 của chính phủ cấm xe xích lô lưu thông ở trung tâm Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, bằng cách cấm luôn cả phim Xích lô ?

Trong cuộc gặp ông Nguyễn Trung Thành ngày 22.3 vừa qua, tổng bí thư Đỗ Mười nói chưa xem xét lại vụ án Hoàng Minh Chính – Đặng Kim Giang được, vì Trung ương quá bận chuẩn bị Đại hội 8. Vậy mà không phải vậy, Ban bí thư Trung ương của một đảng cầm quyền ở một nước 72 triệu dân, còn có thừa thời giờ để soạn ra và “ tán phát ” cả một văn kiện về phim Xích lô kia mà ! Cách đây 14 năm, cũng cơ quan này đã soạn một văn kiện phê bình vở kịch Nguyễn Trãi ở Đông Quan của Nguyễn Đình Thi, với những luận điểm đỉnh cao trí tuệ như là : viết về Nguyễn Trãi, tại sao lại chọn thời điểm ở Đông Quan ? Đổi mà không mới là thế.

Nếu nói về nghệ thuật và nội dung Xích lô, thì một khán giả bình thường, với hiểu biết bình thường về điện ảnh, cũng thấy rằng cuốn phim không phải là một tác phẩm hiện thực theo nghĩa phản ánh hiện thực Việt Nam hôm nay. Nó có thể diễn ra ở Băng Cốc, Manila, Jakarta..., trong bất cứ một giới cặn bã xã hội, trong đó đồng tiền và bạo lực ngự trị, và tiêu diệt những giá trị truyền thống của một xã hội giao thi.

Giới phê bình điện ảnh quốc tế cũng không nhìn khác. Ca ngợi nồng nhiệt hay phê phán gay gắt, không có nhà báo Pháp, Ý, Thụy Sĩ, Bỉ... nào, nêu ý kiến cho rằng Xích lô phê phán chế độ hiện hành ở Việt Nam.

Bởi vì nếu Trần Anh Hùng muốn tố cáo chế độ, thì chắc chắn anh không bỏ công sức làm Xích lô, mà phải chọn chủ đề khác : chẳng hạn một cuốn phim... về thông tri của Ban bí thư Trung ương DCSVN về cuốn phim Xích lô.

P.Q.

nói hay đừng

Cầm XÍCH LÔ cầm luôn cả phim ?

Sau giải Sư tử vàng ở Venise (tháng 9.95), ngày 21.10 vừa qua, phim Xích lô của Trần Anh Hùng đã đoạt thêm hai giải thưởng ở Festival điện ảnh vùng Flandres (Bỉ) lần thứ 22 tổ chức tại thành phố Gand : Giải Eperon vàng (140 000 USD) và giải Georges Delerue (về nhạc phim của Tôn Thất Tiết). Eperon (Spur) là một bộ phận của máy chiếu phim, hình bánh xe răng cưa nhọn, giống cái đinh thúc ngựa (éperon) của kỵ sĩ và cao bồi. Eperon vàng là giải cao quý nhất của Liên hoan điện ảnh vùng Flandres.

Về mặt thương mại, Xích lô tiếp tục được phổ biến trên màn ảnh thế giới, với những kết quả khác nhau. Tại Pháp, số khán giả không được khả quan lắm. Ở Paris, trong hai tuần đầu, phim chiếu tại 13 rạp : tuần đầu được 24 000 người xem, tuần thứ nhì 17 000 ; sau đó số khán giả xuống khá nhanh. Ở các tỉnh, cũng vậy. Ngược lại, Xích lô được các nước (đặc biệt Nam Mỹ, Đông Á) mua rất nhiều.

Tại Việt Nam, nơi quay phim, Xích lô chưa được chiếu, dù là dưới hình thức “ nội bộ ”. Nhưng báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tờ báo đông khách nhõ đăng tin giết người cướp của, đã viết cả một bài lên án cuốn phim là bôi đen chế độ, nội dung tư tưởng xấu... Bất hủ nhất là tác giả bài báo đã thật thà nói thẳng là mình... chưa xem phim !

Theo những nguồn tin thông thạo ở thành phố Hồ Chí Minh, một báo cáo với nội dung tương tự đã một đồng nghiệp của “ nhà báo ” đại tài kia gửi từ Paris về nước.

Trước cách làm bất chấp lẽ phải của tờ Công an, một số báo ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã chuẩn bị đăng bài giới thiệu Xích lô một cách đàng hoàng. Nhưng lệnh trên đưa xuống : cấm báo chí không được nói tới cuốn phim của Trần Anh Hùng !

Thư Việt Nam

25.10.1995

Diễn Đàn số tháng 10 về sớm, “mặc” bìa đẹp tươi, trang nhã. Bài Lữ Phương và Hàn Thuý đều cao, có phần uyên bác, rất bổ ích. Đã có người mượn, chụp ra hàng chục bản, gửi tặng bạn bè. Hai bài bàn về phim Xích lô bổ sung cho nhau, chứ còn ở đây, theo gậy chỉ huy của Ban tư tưởng và văn hoá, dao búa đã om sòm, lên án cuốn phim là “bôi đen chế độ”, “sản phẩm đồi trụy”, “phục vụ mưu đồ diễn biến hoà bình của đế quốc”, cùng loại với *Nỗi buồn chiến tranh, Phẩm tiết, Tổ quốc nhìn từ xa, Tiểu thuyết vô đè...* Khép mà Trần Anh Hùng, năm trước vừa đại diện cho Việt Nam dự chung kết giải Oscar, sẽ bị cấm cửa !

Thư này xin kể chuyện chuẩn bị Đại hội 8.

Vàng vàng ai ở ai về ?

Các cơ quan đang bàn tán về Đại hội 8. Chưa ấn định ngày tháng, chỉ biết sẽ họp trong năm 1996. Dự thảo báo cáo chính trị đã xong, cùng với Kế hoạch 5 năm kế thúc thế kỷ. Có cả đề án đến năm 2020 ! Nhiều người nghĩ đại hội sẽ họp vào tháng 6 như lần đại hội trước, tránh tháng 7 quá nóng bức. Tuần trước, bỗng có tin từ Albert Sarraut (trưởng sở Sarraut cũ, nay là trụ sở Bộ chính trị và Ban bí thư), các cụ định họp sớm hơn, dồn dập từ cơ sở, nhanh gọn, dứt điểm vào tháng 4. Các văn kiện đã được đưa xuống dưới. Phái muốn “ăn nhanh” là phái “cứng”, lâu nay được hiểu là các ông Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình... Họ rất ngại các đại hội kéo dài, đẻ số, nhiễu sự. Họ luôn luôn nhấn mạnh : tập trung, kỷ cương, ổn định.

Nhân sự Bộ chính trị sẽ ra sao ? Trong kỳ họp trung ương vừa qua, phái “cứng” đưa thủ Đào Duy Tùng, Lê Khả Phiêu và Nguyễn Hà Phan ra ứng cử chức vụ tổng bí thư. Rốt cuộc không vị nào được đủ phiếu cả, và phiếu lại được dồn vào một outsider là Nông Đức Mạnh. Ý nghĩa việc này khá rõ ràng : đa số các uỷ viên trung ương không muốn cho ghế số 1 của đảng lọt vào phe cứng. Cho nên, rất có thể cuối cùng người ta sẽ giữ nguyên trạng thêm hai ba năm nữa, cho đến một hội nghị giữa nhiệm kỳ, thì các vị tuổi cao như Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt mới rút đi.

Đó cũng là đề nghị của ông Võ Trần Chí (bí thư thành ủy Sài Gòn), với lý do là “Bộ chính trị khoá này rất được việc, cần ổn định về tổ chức, có thay thì chỉ thay một, hai người,

còn thì mở rộng thêm : từ 17 tăng lên 19, hay 21”.

Phái cứng vẫn tìm cách đưa một mình tổng bí thư Đỗ Mười về hưu. Thông báo số 111 mà Diễn Đàn nói tới, lên án Hoàng Minh Chính, Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà là “phản bội”, do Lê Đức Anh ký. Cuộc họp đảng viên lão thành hồi tháng 7 do Đào Duy Tùng chủ trì, nhằm thuyết phục các cụ rằng trước sau Đảng vẫn đúng trong vụ án “xét lại, chống Đảng, làm gián điệp cho nước ngoài”. Phái cứng còn muốn gạt cả Bùi Thiên Ngộ vì “nhu nhược”, không mạnh tay trấn áp những phần tử “ăn phải bả diễn biến hoà bình” Cụ Đỗ Mười vẫn chủ trương tất cả các uỷ viên trên 70 tuổi đều về hết ! Từ nay đến ngày đại hội, nếu không phe nào thắng thế, thì kích bản *giữ nguyên trạng* chắc sẽ có nhiều khả năng xảy ra.

Phái kĩ thuật gia

Tại Câu lạc bộ Ba Đình (trước mặt Phủ chủ tịch, bên cạnh trường Albert Sarraut) trên thực tế đang hình thành một phái mới, xin tạm gọi là phái *kỹ thuật gia* (technocrates). Họ có học, biết ngoại ngữ, biết kỹ thuật, hiểu các nước láng giềng và thế giới. Phần lớn họ chưa có mặt trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, thường mới chỉ ở cấp thứ trưởng, viện trưởng trở xuống. Cấp lãnh đạo không thể không dùng họ, tuy thừa biết họ mỉa mai, chê giễu những hành động lén lút, gào thét, lưỡi gỗ của phái cứng.

Phái “kinh tế” của thủ tướng Võ Văn Kiệt (có lúc lung lay) đang trụ lại, dựa vào những thành tích nổi : cấm đốt pháo trong dịp Tết, phá nhà phạm pháp trên đê Yên Phụ, lập lại trật tự trên hè phố..., đang tranh thủ “phái kỹ thuật”. Phái này coi phái ông Kiệt còn quá bảo thủ, hay chịu sức ép của phe bảo thủ, tiêu biểu là trong việc chuyển địa điểm nhà máy lọc dầu đã định ở Thành Tuy Hạ ra Dung Quất (Quảng Ngãi). Một quyết định phi kinh tế, khiến cho hãng Total đã tuyên bố rút lui.

Nghe nói phái “kỹ thuật gia” được sự ủng hộ của hai uỷ viên Bộ chính trị là Vũ Oanh (ban dân vận) và Lê Phước Thọ (ban tổ chức).

Lại một ẩn số

Ở Câu lạc bộ quân nhân trên đường Hoàng Diệu, các tướng tá hỏi nhau : chuyến này tướng Lê Đức Anh sẽ ứng cử ở đảng bộ cơ quan hay đảng bộ quân đội ? Vẫn đề gai góc về chiến lợi phẩm ở Cambốt năm 1979 — khi ông Anh làm tư lệnh — đang bị chất vấn. Vàng bạc lấy được hồi ấy nay ở đâu ? Và hàng chục ngàn thương phế binh trên chiến trường Cambốt vẫn đang “hỏi thăm” ông đại tướng “độc nhãn”, “không biết cười” này. Cho nên vụ “nổi loạn” của đại hội đảng toàn quân năm 1986 đang trở lại ám ảnh cánh “cứng”, được coi là phái Lê Đức Thọ không có Lê Đức Thọ.

Trong khi các “phái” trên đây đang bày binh bố trận thì một giới khác cũng sôi nổi không kém. Đó là các cụ về hưu, ở tản漫 trong các đảng bộ khu phố. Một số cụ đã lên tiếng ở Câu lạc bộ Ba Đình, đòi công bằng cho Hoàng Minh Chính, khen lòng dạ ngay thẳng của Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà, dũng khí của Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu...

N.S.P.

góp ý về đại hội VIII

Từ Đảng của sự nghiệp giải phóng dân tộc đến Đảng của sự nghiệp phát triển đất nước

I. Nhìn lại công hiến của ĐCSVN trong sự nghiệp giải phóng dân tộc

Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, từ năm 1930 đến năm 1975, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng một vai trò có ý nghĩa quyết định, điều đó đã được lịch sử khẳng định, không phải bàn cãi nhiều. Việc nhấn mạnh những công hiến của Đảng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc bản thân nó không có gì sai, vì điều đó phản ánh một sự thật lịch sử. Nhưng từ những công hiến ấy của Đảng, chúng ta cần rút ra những kinh nghiệm, những bài học tích cực cũng như tiêu cực để Đảng có thể tiếp tục công hiến phần mình vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Nhiều khó khăn, sai lầm hiện nay một phần quan trọng đã bắt nguồn từ những nhận thức và hành động không đúng trước đây, hay ít ra từ những sự đánh giá thiên lệch về các sự kiện và diễn biến lịch sử. Xin lấy vài thí dụ :

Khi đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng, ta gần như lãng quên một sự thật lịch sử cũng rất quan trọng : sự nghiệp giải phóng dân tộc không phải là sự nghiệp và thành công riêng của Đảng. Trong sự nghiệp đó, có phần đóng góp có ý nghĩa quyết định của đại đa số nhân dân, mà hầu hết không phải là đảng viên. Những hoạt động của Đảng trong giai đoạn này chỉ là một bộ phận, dù là một bộ phận hết sức quan trọng, của sự nghiệp giải phóng dân tộc chung. Đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt giai cấp, xu hướng chính trị... chính là "lá bùa" thành công của Đảng. Giải phóng dân tộc là điểm tụ hội của tất cả các tầng lớp, các nhân sĩ yêu nước, và khi một số chủ trương nào đó của Đảng bất lợi cho đại đoàn kết dân tộc, Đảng cũng chủ động rút lui những chủ trương đó để

tập trung vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Thế nhưng, ngày nay, khi tổng kết những bài học lịch sử của Đảng, chúng ta lại nói khác đi. Chúng ta nhấn mạnh bài học "nắm vững hai ngọn cờ : chủ nghĩa xã hội và yêu nước" để rồi đi tới một phương châm mới "yêu nước túc là yêu chủ nghĩa xã hội". Và trên thực tế chúng ta đã gạt sang một bên những người yêu nước nhưng không (hay chưa) yêu chủ nghĩa xã hội ! Bệnh biệt phái hết sức nghiêm trọng của Đảng chính là từ đó mà ra. Và đó cũng là nguồn gốc của căn bệnh nặng nề của Đảng hiện nay : độc tôn, độc quyền.

Hoặc về sinh hoạt nội bộ Đảng. Nói chung, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, các đảng viên đã thể hiện rất rõ tinh thần chiến đấu hy sinh vì cách mạng, vì độc lập của Tổ quốc, đồng thời cũng thể hiện rất rõ tinh thần phục tùng kỷ luật rất cao. Nhưng sự lãnh đạo tập trung gần như tuyệt đối của các cấp trên đối với các cấp dưới, đối với đảng viên, dần dần biến thành một nếp sinh hoạt gần như tự nhiên của Đảng. Tuy nói nguyên tắc tập trung dân chủ (tức là tập trung mang tính dân chủ), nhưng trên thực tế, chỉ có tập trung mà không có dân chủ, hay chỉ có dân chủ hoàn toàn hình thức. Mọi ý kiến khác với lãnh đạo đều bị coi là sai lầm, có khi bị đẩy sang phía "kẻ thù" để rồi những người có ý kiến ấy bị đàn áp như kẻ thù. Chính tình trạng thiếu dân chủ trong sinh hoạt nội bộ Đảng ấy đã gây ra nhiều tổn thất, nhiều sai lầm không đáng có trước đây và dẫn tới tình trạng tê liệt của cơ sở Đảng hiện nay.

II Vài nét về thực trạng hiện nay

Dưới đây, tôi chủ yếu nói tới thực trạng *hiện nay*. Nhưng để phân tích thực trạng hiện nay, cần nhìn ngược lên trước đây ít ra là từ năm 1975, sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chiến thắng lớn lao của toàn thể dân tộc làm bộc lộ rất sớm những sai lầm và khuyết điểm của Đảng trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Những sai lầm và khuyết điểm ấy đã được phân tích phần nào ở Đại hội VI : chủ nghĩa chủ quan duy ý chí, chủ nghĩa quan liêu... Nhưng sự phân tích ấy chưa thật triệt để, đặc biệt về bệnh thiếu dân chủ trong Đảng cả trong toàn xã hội. Tình trạng độc tôn, độc quyền của Đảng không những không được khắc phục, trái lại còn trầm trọng thêm. Sau hàng chục năm chiến đấu hy sinh, dân vẫn chưa hưởng được các quyền tự do dân chủ như từng được hứa hẹn. Cả việc bầu cử vào các cơ quan gọi là dân cử, cũng cứ theo một nếp "Đảng cử dân bầu" như người dân hằng nói.

Sinh hoạt nội bộ Đảng ngày càng thiếu dân chủ hơn. Tình

trạng lập ê kíp riêng phát triển mạnh mẽ, gây ra những mâu thuẫn gay gắt trong Đảng.

Đặc biệt, trong những điều kiện Đảng cầm quyền theo lối độc tôn, độc quyền, ngày càng nhiều đảng viên, nhất là những đảng viên nắm giữ chức quyền từ trên xuống dưới, rơi vào tình trạng thoái hoá, biến chất, thậm chí một số không ít phạm tội.

Hình ảnh của Đảng trong lòng dân bị phai mờ, nếu không nói nặng nề hơn. Dù có ghi vào Hiến pháp năm 1980 về vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với toàn xã hội, thì cũng không vì thế mà vai trò ấy được nâng lên chút nào, hình ảnh của Đảng trong lòng dân cũng không khá hơn. Trái lại là khác, vì như kinh nghiệm lịch sử chứng tỏ, vai trò và hình ảnh ấy không thể dem áp đặt, mà chỉ có thể là do sự thừa nhận tự nguyện của đông đảo quần chúng.

Công cuộc đổi mới, chủ yếu trên lĩnh vực kinh tế, có đem lại những thay đổi đáng kể trong đời sống xã hội. Xin nói lại

một bài học kinh nghiệm lớn : chính những nghị quyết Đại hội VI của Đảng với tinh thần “ nhìn thẳng vào sự thật ” đã làm cho quần chúng còn nuôi hy vọng ở sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình hết sức khó khăn của đất nước. Tiếc rằng bài học đó hình như đang bị lãng quên.

Nhưng cũng chính trong thời kỳ “ đổi mới ” này, lẽ ra vai trò lãnh đạo của Đảng cũng như sinh hoạt nội bộ Đảng cũng phải được “ đổi mới ”, thậm chí phải được “ đổi mới ” trước hết, thì ngược lại, chúng ta đã quá trì trệ về mặt này.

Có thể nêu lên một số thực trạng hiện nay của Đảng như sau :

1. Về mối quan hệ giữa Đảng và xã hội, giữa Đảng và nhân dân (nói cách khác, về lòng tin của nhân dân đối với Đảng) : phải nói là lòng tin ấy đã giảm sút nghiêm trọng. Tuy ta có nói tới việc này việc khác làm cho lòng tin ấy được khôi phục, nhưng nhìn chung thì lòng tin ấy vẫn ngày càng giảm sút, đặc biệt trong các tầng lớp trẻ tuổi. Không ít người hiện nay đồng nhất Đảng với “ bộ máy cầm quyền ” và đối xử với Đảng như đối với một “ bộ máy cầm quyền ” nào đó.

Tình trạng phổ biến là Đảng cứ hết nghị quyết này đến nghị quyết khác (và có nghị quyết sau thưa lùi so với nghị quyết trước, như trong lĩnh vực văn hoá và báo chí, chẳng hạn), rồi luôn luôn hô hào “ đưa nghị quyết vào cuộc sống ” (thật ra phải nói ngược lại : đưa cuộc sống vào nghị quyết), nhưng trong cuộc sống thực tế thì đại đa số nhân dân (gồm nhiều tầng lớp khác nhau) đều thấy bản thân đời sống của mình có nhiều điều bức bách, éo le, oan khuất từ những người muốn làm ăn tử tế để giàu có lên đến những người lo chạy vất vả cho miếng ăn hàng ngày. Lòng người càng nặng nề gấp bội, vì trước mắt họ nổi lên những bất công quá vô lý. Tâm trạng phổ biến là có nhiều điều không biết nói với ai, không biết kêu vào đâu. Trong khi đó thì các nghị quyết của Đảng cứ giải quyết hết định hướng này đến định hướng kia rộng lớn, trừu tượng và chung chung, để rồi ai muốn làm gì thì làm, không làm cũng không sao. Đảng đã xa rời cuộc sống ở một khoảng cách khá lớn. Đó là điều nghiêm trọng nhất.

Ngay bản thân các đảng viên ở các tổ chức cũng không còn tin vào những điều mình buộc phải họp tập, quán triệt, những điều bàn đi bàn lại nhiều lần vẫn không có hiệu lực xoay chuyển tình thế.

Không nên chủ quan nghe và dựa vào các báo cáo, những phát biểu công khai ở các cuộc mít tinh, hội thảo, học tập. Vì phần lớn những người nói ở đây (có khi là tất cả) không nói được những ý kiến thực của mình. Các cấp lãnh đạo của Đảng cũng tỏ ra không thích thú gì với những ý nghĩ đó. Thế là có cách nghĩ của Đảng hiện lên ở các nghị quyết, lại có cách nghĩ của dân mà dân không biết nói cùng ai.

Thế là giữa Đảng và dân có một khoảng cách lớn, điều này ít khi xảy ra trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và nếu có xảy ra thì Đảng ngay lập tức phải lắng nghe tiếng nói của cuộc sống, của người dân để xoá bỏ khoảng cách ấy.

2. Về tâm lý đảng viên. Ở cấp nào cũng vậy, trong đảng viên cũng xuất hiện nhiều trạng thái tâm lý phức tạp. Không nên nhận định theo kiểu số nhiều thế này, số ít thế kia, hay “ về căn bản là tốt, một số không ít thoái hoá biến chất ”.

Tâm lý đảng viên hiện nay phải chăng có thể tạm nêu ra như sau :

a) Một bộ phận mất hết lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và mục tiêu. Số này từ bỏ chủ nghĩa cộng sản và yêu cầu dứt khoát là đất nước phải theo con đường tư bản chủ nghĩa.

b) Một bộ phận khác vẫn kiên trì mục tiêu xây dựng đất nước Ở dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh Â, nhưng không tin con đường xã hội chủ nghĩa (chế độ công hữu, chuyên chính vô sản...) có thể đưa đất nước tới mục tiêu. Bộ phận này đang tha thiết đi tìm con đường đúng đắn để phát triển đất nước.

c) Một số khá lớn cũng mất lòng tin tưởng vào con đường đi của mình, nhưng vẫn công khai hờ hét, cổ vũ cho con đường đó theo lối tuỳ thời, chủ yếu để bảo vệ “ ghế ngồi ” của mình.

d) Một số nữa tỏ ra trung thành một cách mù quáng với những khẩu hiệu và phương châm cũ, không quan tâm mấy tới những vấn đề chung, mà mải lo cho cuộc sống cá nhân và gia đình, chỉ ứng phó với các vấn đề một cách tuỳ tiện. Tổng số này cũng có người mất hết lòng tin, nhưng cho là bản thân mình không có tác dụng góp phần xoay chuyển tình thế, và cứ như vậy hò reo theo các khẩu hiệu cấp trên đề ra.

d) Cũng cần nói tới một bộ phận không nhỏ gồm những đảng viên hoàn toàn tiêu cực, bỏ sinh hoạt Đảng, bàng quan đối với mọi việc.

Sự phân loại nói trên là dựa vào những tiếp xúc cá nhân tôi, chưa thể coi là chính xác được. Điều quan trọng ở đây là : tâm lý của đảng viên diễn biến rất phức tạp, về cơ bản là theo chiều hướng tiêu cực, và đòn chính là điều Đảng phải hết sức quan tâm giải quyết nếu muốn khôi phục sức sống của Đảng.

3. Đảng của ai, Đảng là ai ? Đó là một câu hỏi không những do người dân đặt ra, mà ngay cả đảng viên ở cơ sở và các cấp uỷ bên dưới cũng đang đặt ra. Và câu trả lời đã rõ : Đảng về thực chất là một vài người chủ chốt ở các cấp uỷ. Hàng ngày các cơ quan của Đảng phát biểu bao nhiêu là ý kiến. Có những ý kiến theo đúng nghị quyết, có những ý kiến sai nghị quyết, thậm chí có những ý kiến ngu ngốc nữa, nhưng vẫn cứ nhân danh Đảng, nhân dân cấp uỷ. Có những đồng chí chủ chốt của cấp uỷ phát biểu những ý kiến trái ngược nhau nhưng đều cứ coi đó là của Đảng, của cấp uỷ. Vậy Đảng là ai ?

Tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh : Đảng không phải là của đông đảo đảng viên ở cơ sở nữa. Nhìn chung, các cơ sở Đảng (nhất là các chi bộ) ở xí nghiệp, làng xã, đường phố, cơ quan gần như tê liệt. Sinh hoạt Đảng chỉ còn là hoàn toàn hình thức, cả việc truyền đạt ý kiến cấp trên cũng như việc lấy ý kiến cấp dưới. Nhiều đảng viên thốt lên : “ Nói để làm gì ? Nói để được cái gì ? ”. Có thể nói tuyệt đại đa số đảng viên không còn có tác dụng nữa, hoàn toàn ngược với trong chiến đấu giải phóng dân tộc.

4. Về phát triển Đảng : “ Vào Đảng để làm gì ? ” Trước kia vào Đảng là để hy sinh, chiến đấu. Ngày nay vào Đảng là để mưu danh lợi (được đề bạt, lên lương, được do học, đi nước ngoài). Người muốn vào Đảng nếu không phải luôn lợn nịnh bợ, thì cũng phải “ ngậm miệng ăn tiền ”. Thực trạng

này làm cho Đảng ngày càng đông thêm những phần tử cơ hội, giỏi luồn lọt và nịnh bợ để leo cao hơn, có quyền và lợi lớn hơn. Ai để ra các phần tử cơ hội? Chính cái “phong tục” vào Đảng hiện nay để ra. Hô bao nhiêu khẩu hiệu đào thải những phần tử cơ hội, biến chất, nhưng càng hô bao nhiêu lại càng nhiều thêm bấy nhiêu.

Không phân tích thực trạng này thì không thể làm trong sạch Đảng được.

Còn nhiều điều phải phân tích nữa, nhưng chỉ vài điểm thực trạng như đã nêu trên đây cũng nói lên tình trạng vận mệnh của Đảng đang lâm vào nguy cơ lớn: không còn sức sống chư chưa nói đến sức chiến đấu nữa. Nếu không tính đến và giải quyết một cách thích đáng thì hậu quả thật khó lường.

Tôi xin nêu thêm thực trạng về

Vài căn bệnh trong phong cách lãnh đạo của Đảng hiện nay

1. Bệnh thứ nhất: *chỉ thích nói về thành tích thắng lợi*, đi tới bệnh khoa trương, hình thức, khuyến khích những chiến dịch kỷ niệm, lễ lạc quá nhiều, chủ yếu vì trong những dịp đó nói về thành tích thắng lợi dễ hơn, sử dụng các lời lẽ khen tặng, biểu dương, tung hô nhiều hơn. Và cho đến nay, không ngon ngữ về mặt này đã cạn, ngày càng lặp đi lặp lại, càng xa cuộc sống và càng rỗng tuếch. Vì căn bệnh này, không chú ý đi sâu phân tích thực trạng và nguyên nhân của các mặt tiêu cực, mặt trái, mặt khuyết điểm sai sót trong sự lãnh đạo, không quan tâm đầy đủ tới trách nhiệm của lãnh đạo đối với các mặt tiêu cực của đời sống. Bệnh này dẫn tới bệnh chủ quan, tạo điều kiện khuyến khích sự tâng bốc, nịnh nọt và dàn áp trù úm những lời nói thảng. Nó gây ra nhiều hậu quả nguy hiểm.

2. Bệnh thứ hai: *bệnh hẹp hòi độc tôn*. Biểu hiện ở chỗ không tin vào bất cứ ai ở ngoài Đảng, bất cứ việc gì cũng phải do người của Đảng nắm. Kết quả là chỉ có Đảng nắm hết mọi việc trong xã hội, bố trí mọi vị trí lớn nhỏ trong bất cứ tổ chức nào (kể cả cơ quan dân cử), mà vị trí nào cũng phải do đảng viên hoặc cấp uỷ nắm trực tiếp, nếu không có thì tìm cách kết nạp người vào Đảng để nắm vị trí đó. Thế là khuyến khích việc xin vào Đảng để được tin cậy, để có chức quyền, do đó có danh, lợi. Vào Đảng rồi thì “phấn đấu” để đạt tới những vị trí cao hơn, có danh và lợi lớn hơn. Đó là một trong những nguyên nhân để ra tình trạng *mất đoàn kết* mà ta cứ hô hào giải quyết nhưng không thể nào hết được.

3. Bệnh thứ ba: *bệnh bí mật, nội bộ*. Bệnh này là sự kéo dài của một sự cần thiết, một ưu điểm đặc sắc của thời kỳ giành chính quyền. Đến nay, theo lối đó, thường hay phân ra những điều “chỉ nói nội bộ” và những điều “nói công khai”. Hai loại này lại khác nhau, có khi ngược nhau, đưa

tới tình trạng “mỗi lúc nói một khác”, “lời nói không đi đôi với việc làm” và nguy hại hơn, tạo thành một “phong cách thật giả lẩn lộn”, một tâm lý giả dối. Kết quả càng làm cho dân mất tin tưởng. Dân miền Nam đã tổng kết “Đây (vậy) mà không phải đây (vậy)” để mô tả căn bệnh này.

Bệnh này chi phối việc xử lý công việc: có những việc xử lý công khai thì tốt hơn nhưng cứ “xử lý bí mật”, “xử lý nội bộ” để “bảo vệ uy tín của Đảng” và “uy tín của Đảng viên” vốn đã mất hết rồi. Tình hình đó càng làm cho Đảng xa dân, ngày càng xa.

Cả ba bệnh này vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của một căn bệnh rộng lớn hơn, sâu nặng hơn. Đó là *bệnh quan liêu, thiếu dân chủ*. Quan liêu đây không phải là xét về tác phong và đạo đức. Đây là tình trạng *quan liêu hoá toàn cục cơ chế*, tách cơ chế Đảng khỏi xã hội, đặt nó lên trên xã hội. Là tự mãn, độc tôn, coi thường nhân dân, coi thường người ngoài Đảng, ngày càng xa dần, không coi trọng tâm tư nguyện vọng của dân, thiếu hiểu biết sâu sắc và cũng không quan tâm đến tim hiểu, cù yên trí minh là đại biểu chân chính của nhân dân rồi. Câu nói “ý Đảng lòng dân” trong thực tế chỉ có nghĩa là giành lấy phần trí tuệ về Đảng, còn dân chỉ hưởng ứng, làm theo đuôi.

Thiếu dân chủ là biểu hiện lớn nhất của bệnh quan liêu. Thiếu dân chủ về tư tưởng, tinh thần, đi tới bóp nghẹt, thậm chí triệt tiêu mọi năng lực suy nghĩ độc lập, không cho bộc lộ những suy nghĩ nhiều chiều khác nhau để tìm ra chân lý của sự vật. Thiếu dân chủ làm cho nhiều người đành phải cam tâm ngâm miêng sống trong cảnh ngu muội để yên thân. Nó tàn ác và độc hại ghê gớm.

Thiếu dân chủ về tổ chức làm cho nhiều tài năng bị xoá bỏ, chỉ còn lại sự lựa chọn cán bộ rất phiến diện và hẹp hòi. Việc lựa chọn người này nếu không sai lầm tai hại thì phần lớn cũng là không trúng người trúng việc. Mọi sự lựa chọn chỉ quy về một mối độc quyền của cơ quan tổ chức, mà cơ quan tổ chức thường lai phu thuộc vào và bị chi phối bởi một người làm chủ chốt. Như vậy, làm sao có thể có sự lựa chọn công bằng và khách quan trong việc sắp xếp người? Đó là chưa kể việc xuất hiện động cơ danh lợi ngày càng nặng nề, để ra dấu đá lẩn nhau triền miên vì danh lợi, nội bộ không thể đoàn kết thống nhất tốt đẹp.

Những căn bệnh này trái hẳn với phong cách Hồ Chí Minh là chân thành giản dị, căm ghét quan liêu, thiếu dân chủ.

Tóm lại, bệnh thiếu dân chủ là một bệnh nặng, gây nhiều tai hại cho chính vận mệnh của Đảng, mà khắc phục nó không thể chỉ là “chỉnh đốn” từng mặt, từng lúc như vẫn làm. Phải giải quyết về căn bản các vấn đề thuộc về nguyên lý xây dựng Đảng mới được.

III. Những yêu cầu mới

Mọi người đều biết lịch sử Đảng ta trải qua hai kỷ nguyên: kỷ nguyên giành độc lập thống nhất cho đất nước và kỷ nguyên xây dựng phát triển đất nước. Ta đang ở đầu kỷ nguyên thứ hai.

Những yêu cầu của kỷ nguyên thứ hai rất rộng lớn, rất cao mà Đảng ta chưa kịp thích ứng, tuy đã trải qua hai chục

năm. Ở kỷ nguyên I, Đảng ta đã hoàn thành nhiệm vụ một cách vẻ vang. Điều đó đã được bàn nhiều và khá đầy đủ. Nhưng ta phải thừa nhận Đảng ta chưa được chuẩn bị tốt để bước vào kỷ nguyên II.

A. Từ chỗ yêu cầu đoàn kết dân tộc để chiến đấu giành độc lập và thống nhất, Đảng ta đã đoàn kết được toàn dân

(kể cả những người không tán thành chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản), ngày nay phải chuyển sang yêu cầu đoàn kết rộng rãi hơn để xây dựng phát triển đất nước. Ta còn phải đoàn kết cả với những người trong quá khứ từng là kẻ thù, ngày nay họ mong muốn góp phần xây dựng đất nước. Yêu cầu hiện nay phức tạp hơn nhiều, đòi hỏi có cách nhìn mới linh hoạt hơn, rộng rãi hơn. Thế mà trong thực tế, ta đã để cho nhiều tầng lớp nhân dân trong nước cũng như ngoài nước còn cảm thấy Đảng hẹp hòi, phân biệt đối xử, o ép, truy chụp và giả dối, “nói một dằng, làm một nẻo”. Như vậy, làm thế nào thực hiện được yêu cầu đoàn kết rộng rãi và hoà hợp dân tộc như Đảng vẫn nói?

B. Trước đây trong chiến đấu, yêu cầu có tổ chức và kỷ luật cao, mọi người phải phục tùng cấp trên vô điều kiện, đã đem lại cho Đảng sức mạnh to lớn.

Nhưng trong kỷ nguyên này, mỗi cá nhân trong xã hội có số phận riêng, lo toan riêng, sở trường và tài năng riêng cần được giải quyết và phát triển, thì yêu cầu *phục tùng vô điều kiện* không thể áp dụng được. Phải có một thể chế dân chủ chân chính để phát huy cao độ năng lực của mỗi cá nhân, bảo vệ quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền cống hiến cho dân tộc của mỗi cá nhân.

Các thể chế cũ phải hoàn toàn thay đổi.

C. Đảng càng phải biểu hiện điều đó trong việc xây dựng phát triển đất nước. Đảng vẫn phải là bộ phận ưu tú thật sự của nhân dân. Đảng phải đứng trong khối đoàn kết dân tộc. Đảng càng khiêm tốn đóng vai trò “bộ phận tiên phong” thì Đảng càng có uy tín và lòng tin yêu. Ngược lại, nếu tách khỏi nhân dân thành một bộ phận xa rời nhân dân, ép buộc nhân

dân, thì Đảng càng mất vai trò của mình. Vận mệnh của Đảng tuỳ thuộc vào điều này trước hết.

D. Yêu cầu đổi mới đảng viên trong tình hình mới không thể chỉ chung chung là “trung thành”, “đạo đức” là xong. Đảng viên phải đáp ứng những yêu cầu mà nhân dân trông đợi. Đó là phải tỏ ra có những phẩm chất tận tụy với dân với nước, phải có trình độ “bàn việc nước”, phải gánh vác được công việc cụ thể có thể làm chuyển biến được tình thế.

Những cái “tỏ ra” này phải được dân thừa nhận ở mỗi phạm vi : xã, huyện, cơ quan, đơn vị... với một thể thức được nhân dân chấp nhận chứ không phải chỉ do đương sự tự vỗ ngực hoặc do cơ quan nhân sự quyết định.

E. Yêu cầu “dân chủ” là một yêu cầu vừa cấp bách vừa bao trùm. Dân chủ về tư tưởng phải bảo đảm cho mỗi cá nhân có quyền và có điều kiện bày tỏ ý kiến độc lập. Điều này chỉ có lợi mà không đi tới lộn xộn như có người sợ. Nếu cứ ép buộc và gò bó thì lại dễ dẫn tới sự phản kháng và do đó mất ổn định. Dân chủ phải được thực hiện thực sự trong bầu cử cả trong Đảng và trong xã hội, bảo đảm được sự lựa chọn của dân. Bỏ lối “hiệp thương” một cách hình thức và giả dối, bỏ lối độc quyền của cơ quan tổ chức Đảng. Phải để cho các tổ chức xã hội được độc lập, tự quản về bầu cử và ứng cử của mình, chỉ cần tuân theo Hiến pháp và luật pháp (nhưng phải sửa đổi Luật bầu cử cho thật phù hợp với Hiến pháp). Đảng không thể lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện trong vô số những lĩnh vực khác nhau có những yêu cầu, kiến thức chuyên môn khác nhau. Tóm lại, dân chủ là yêu cầu bao trùm của Đảng và xã hội.

IV Một số kiến nghị

Để có thể đóng vai trò chính trị xứng đáng của mình trong sự nghiệp phát triển đất nước, Đảng không có cách nào khác ngoài việc *tự đổi mới* và *tự nâng mình lên ngang tầm sự nghiệp đó*. Vai trò lãnh đạo của Đảng không thể là cái Đảng tự ban cho một lần và mãi mãi. Phải giành lấy nó bằng nhận thức và hành động phù hợp với những yêu cầu mới của sự phát triển đất nước.

Dưới đây, xin trình bày một số kiến nghị :

1. Về mục tiêu của Đảng. Mục tiêu dứt khoát của Đảng hiện nay là phát triển đất nước về mọi mặt : xã hội, kinh tế, chính trị và văn hoá – tinh thần. Tối tán thành mục tiêu đã được đề ra : “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh*”, nhưng phải xác định thật rõ nội dung của những mục tiêu đó. Sự phát triển của đất nước phải là cái đích chúng ta hướng tới. Nhưng phát triển nói đây không chỉ là tăng trưởng kinh tế, hay “biển Việt Nam thành một con rồng mới ở châu Á”. Đây phải là sự phát triển toàn diện mà mục đích cao nhất *độc lập, tự do, hạnh phúc của toàn cộng đồng dân tộc và mỗi cá nhân*. Ngoài mục tiêu đó ra, không nên đặt ra bất cứ mục tiêu nào khác theo những hệ tư tưởng đã lỗi thời.

2. Về tính chất của Đảng. Cần đặt vấn đề phân tích kết cấu xã hội – giai cấp của xã hội Việt Nam hiện nay, vào lúc đang phát triển trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong đó, đặc biệt phân tích sự hình thành và dự báo sự phát triển của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt

Nam sẽ trở thành giai cấp công nhân hiện đại như thế nào ? Đồng thời, cần phải phân tích vai trò của giới trí thức trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Không nên chỉ khẳng định đơn giản và chủ quan là Đảng của giai cấp công nhân là đủ được. Cần nêu rõ Đảng là bộ phận ưu tú nhất về trí tuệ và phẩm chất của toàn thể dân tộc, đại diện cho lợi ích chung của dân tộc.

3. Về vị trí của Đảng trong xã hội. Như đã nói ở trên, Đảng không nên tự đặt mình lên trên xã hội, mà chỉ là một bộ phận tiên phong của xã hội. Vai trò chính trị của Đảng, nhất là địa vị cầm quyền, phải được sự thừa nhận tự nguyện của dân mà không phải dựa vào những bảo đảm về hiến pháp và luật pháp để áp đặt. Nếu Đảng tự đổi mới triệt để theo hướng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển đất nước, thì qua các cuộc bầu cử tự do, với sự tôn trọng thật sự từng lá phiếu của các công dân, Đảng vẫn có thể giành được sự tín nhiệm của đại đa số.

4. Về hệ tư tưởng của Đảng. Chủ nghĩa Mác-Lênin có tác dụng lớn trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc và vẫn còn những yếu tố có tác dụng tốt trong sự nghiệp phát triển đất nước, nhất là các lý tưởng công bằng xã hội của nó. Nhưng rõ ràng chủ nghĩa Mác-Lênin không còn đáp ứng đầy đủ với những yêu cầu phát triển đất nước hiện nay trong bối cảnh thế giới đã biến đổi căn bản. Nên nêu nền tảng tư tưởng của Đảng ta là *tư tưởng Hồ Chí Minh mà nguồn gốc là các*

đạo lý, văn hóa cổ truyền của dân tộc, là chủ nghĩa Mác-Lênin và là các tinh thoa tư tưởng của nhân loại. Nếu như thế, vừa khẳng định mạnh mẽ tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa bảo vệ được những yếu tố còn thích hợp của chủ nghĩa Mac-Lênin, lại vừa rộng mở tư tưởng ra bốn phương tám hướng. Cũng không đặt vấn đề hệ tư tưởng của Đảng phải là hệ tư tưởng của toàn xã hội theo lối áp đặt. Trong lĩnh vực hệ tư tưởng, không có nguyên tắc nào khác ngoài nguyên tắc tự nguyện.

5. Về nguyên tắc tổ chức của Đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ đã có hiệu quả lớn trong đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng dần dần nó biến thành nguyên tắc tập trung thuần tuý, bị bỏ mất bản chất dân chủ. Mặt khác, sự nghiệp phát triển đất nước trong thời đại hiện nay đặt ra vô số vấn đề thuộc nhiều lĩnh vực rất khác nhau, mà lĩnh vực nào cũng đòi hỏi phải phát huy tính chủ động cao độ. Để có phương án phát triển tối ưu, cần có nhiều phương án khác nhau để lựa chọn, do đó những ý kiến lúc đầu khắc nhau là điều bình thường và cần thiết. Vì thế, nguyên tắc tổ chức của Đảng hiện nay phải là nguyên tắc *dân chủ* (Xin đừng hiểu dân chủ là không có tổ chức, không có lãnh đạo. Một đời sống dân chủ bao giờ cũng bao hàm các yếu tố tổ chức và lãnh đạo, bao giờ cũng đi đôi với những kỷ luật cần thiết).

6. Về đảng viên. Đảng viên là — và phải là — những người vào đảng với ý thức hoàn toàn tự nguyện đi theo những mục tiêu và nguyên tắc của Đảng, nhất thiết không kết nạp vào Đảng những kẻ tìm kiếm đặc quyền, chức quyền. Mọi đặc quyền không thể gắn với tư cách đảng viên. Những người được dù bạt, bầu cử vào những trọng trách không nhất thiết là đảng viên. Chỉ cần có năng lực và phẩm chất tốt, người ngoài đảng cũng được giao giữ các chức vụ tương xứng, không phân biệt. Xoá bỏ hẳn những quy định phải là đảng viên mới được nắm giữ các chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội.

Đảng viên được bảo đảm các quyền của mình, nhất là quyền được phát biểu ý kiến về mọi vấn đề của đất nước và các cấp trên phải tiếp nhận những ý kiến ấy một cách nghiêm túc (có quy định thủ tục trả lời chính thức đối với những ý kiến của đảng viên, dù là đảng viên ở cơ sở). Quyền giám sát của đảng viên đối với cán bộ lãnh đạo cũng phải được tôn trọng thật sự. Đi đôi với các quyền, đảng viên phải thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ của mình, trước hết là nghĩa vụ làm trong sạch đảng và nâng lực công tác của mình.

7. Về hệ thống Đảng. Đảng không có hệ thống cấp uỷ Đảng trùm lên trên hệ thống Nhà nước như hiện nay. Cơ quan Đảng mỗi cấp chỉ là một hội đồng (hoặc uỷ ban) gồm một số ít người có năng lực tập trung trí tuệ của đảng viên và đề xuất những chủ trương cần thiết đối với các cơ quan Nhà nước tương ứng. Cấp uỷ Đảng nhất thiết không làm những công việc Nhà nước và không can thiệp vào những công việc Nhà nước, cả lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mỗi hội đồng hoặc uỷ ban chỉ cần có một văn phòng nhỏ lo việc giấy tờ mà không tổ chức bộ máy ban bê cồng kềnh. Sinh hoạt của các hội đồng (hay uỷ ban) mỗi cấp càng công khai càng tốt (trừ vấn đề *thuần tuý* nội bộ đảng), và có thể mời đại diện của các tầng lớp, các giới tham gia với tư cách tư vấn. Ý kiến của các thành viên trong hội đồng (hay uỷ ban) về các vấn đề thảo luận phải được ghi lại để chịu trách nhiệm về những ý

kiến của mình, tránh tình trạng “ nói trước quên sau ”, và khi có sai lầm không biết đó là của ai (đây là vấn đề trách nhiệm cá nhân mà từ lâu thường trốn vào trách nhiệm “ tập thể ”).

8. Về quan hệ Đảng và Nhà nước. Đảng không tự phong là “ Đảng cầm quyền ” mãi mãi. Địa vị cầm quyền của Đảng là do sự tín nhiệm thật sự của cử tri đối với Đảng và trong từng nhiệm kỳ được Hiến pháp và Luật pháp quy định, cả về quyền lấn về trách nhiệm, nghĩa vụ để tránh tình trạng không ai kiểm soát những hoạt động của Đảng. Đảng không trực tiếp giải quyết những công việc Nhà nước, mà thông qua các đảng viên ở các cơ quan Nhà nước để đưa ra những đề xướng của mình, và những đề xướng ấy chỉ có giá trị khi biến thành những quy định có hiệu lực pháp lý. Hoạt động của Đảng, như đã ghi trong Hiến pháp, phải nằm trong khuôn khổ pháp luật, mọi vi phạm về pháp luật đều phải được xử lý về luật pháp giống như mọi công dân và tổ chức xã hội khác.

9. Về quan hệ của Đảng và các tổ chức xã hội. Các tổ chức xã hội — với tư cách những yếu tố của xã hội công dân — đều được tổ chức và hoạt động độc lập đối với Đảng. Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình thông qua những đảng viên trong các tổ chức đó, bằng phương pháp thuyết phục. Những vấn đề về nội dung hoạt động cũng như về nhân sự của các tổ chức xã hội phải do các tổ chức ấy tự giải quyết. Không áp đặt những người do đảng chỉ định cho các tổ chức xã hội. Tiến tới phi Nhà nước hoá các tổ chức xã hội, để cho các tổ chức đó tự tìm kiếm những phương tiện hoạt động, với sự giúp đỡ của Nhà nước một cách công bằng (theo pháp luật). Quan hệ của Đảng và các cơ quan báo chí cũng theo tinh thần đó.

10. Về quan hệ của Đảng và các lực lượng vũ trang. Tạm thời cố giữ nguyên thể chế tổ chức Đảng trong Quân đội và Công an như hiện nay. Nhưng cần thiết phải đặt vấn đề nghiên cứu về vai trò của của các lực lượng vũ trang và các tổ chức Nhà nước để xác định yêu cầu lãnh đạo của Đảng một cách thích hợp hơn, theo hướng các lực lượng vũ trang lấy việc bảo vệ chủ quyền quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia làm mục tiêu hàng đầu.

Chắc có người sẽ nói những kiến nghị nói trên sẽ làm cho Đảng yếu đi và làm cho sự lãnh đạo của Đảng kém hiệu lực đi. Tôi nghĩ khác : tất cả những kiến nghị nói trên chỉ nhằm một mục đích là không biến Đảng thành một tổ chức Nhà nước hay siêu Nhà nước, trở thành một tổ chức quan liêu hoá như hiện nay, mà để Đảng *chủ động* tự đổi mới để biến Đảng thành nguồn tập hợp trí tuệ và sức mạnh toàn dân tộc vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. Làm như vậy, sự lãnh đạo của Đảng sẽ có hiệu lực hơn vì nhân dân sẽ tin nhiệm Đảng không phải vì bị áp đặt, mà là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Làm như vậy, Đảng cũng sẽ làm cho hàng ngũ của mình trong sạch, có năng lực và phẩm chất cần thiết, do đó, Đảng sẽ mạnh hơn.

Trần Độ

Bài này, tác giả đã gửi ngày 10.6.1995 cho các uỷ viên Bộ chính trị, cố vấn và uỷ viên Ban chấp hành Trung ương ĐCSVN. Trong một lá thư ngắn gửi kèm, tác giả nói những ý kiến này là “ *kết quả của hơn chục năm trăn trở, suy nghĩ* ”, và “ *đưa ra không phải để được chấp nhận dễ dàng, mà là mong được thảo luận, bàn bạc một cách nghiêm túc, khách quan* ”.

Hành trang tinh thần...

(tiếp theo trang 1)

nhân (và lợi dụng) những thay đổi không thể cưỡng lại về cơ cấu kinh tế, hành chính, và những xu thế sáng suốt hơn, hiểu rằng bản thân những cải tổ kinh tế đòi hỏi có sự thay đổi về chính trị, nhưng trước mắt, hãy cứ cải tổ kinh tế, hành chính, được bước nào hay bước đó, củng cố từng bước, với hy vọng là quá trình ấy sẽ dẫn tới những chuyển đổi về chính trị. Sự phân biệt giữa hai xu hướng như vậy chừng nào có phần giản lược, vì rõ ràng trong ĐCS không có, và cũng khó có một tầm nhìn xa về con đường phát triển đất nước.

Bởi vì, một tầm nhìn như vậy đòi hỏi không những một quan niệm chính trị, mà xa hơn, sâu hơn, một cái nhìn văn hoá. Xã hội Việt Nam đi từ truyền thống gì? từ một thế kỷ nay đã làm được gì? nó muốn đi về đâu?

Đó là những câu hỏi đặt ra, không phải chỉ cho riêng những nhà nghiên cứu khoa học xã hội và những nhà văn hoá. Chúng ẩn tàng trong những lo toan hàng ngày của người dân, cho dù chúng không biểu lộ dưới dạng lý luận, triết học. Ai cũng biết xã hội Việt Nam đang lên cơn sốt tiền. Nhưng thật sai lầm nếu tưởng rằng người Việt Nam đang chỉ chạy đua theo đồng đô la. Bên cạnh cuộc chạy đua kiếm tiền, là cuộc chạy đua đi lễ đèn chùa, nhà thờ, là phong trào viết gia phả, soạn lại *hương ước*, *tộc ước*, xây dựng lại từ đường, đình miếu, khôi phục hội lễ nông thôn... — tất nhiên đồng tiền không vắng mặt trong những sinh hoạt tinh thần này, nó là một động cơ (người Việt Nam ta quen thực dụng, vàng để mua quan, vàng mǎ mua thần thánh), nhưng ai dám nói: đó là động cơ duy nhất?

Đúng trước đêm giao thừa giữa hai thế kỷ, xã hội Việt Nam đang tìm cách xác định vị trí. Chạy theo những biểu hiện ồn ào của *lối sống Mỹ dưới dạng Á Đông hóa* (một Hồngkong, phim John Woo hay phim bộ Trung Quốc, Đài Loan...) hay say mê tìm lại truyền thống, tựu trung dân tộc này đang tìm cách trả lời những câu hỏi vĩnh hằng: *ta là ai?* *ta đi đâu?* Một mặt, điều này biểu lộ một cuộc khủng hoảng sâu sắc và toàn diện. Mặt khác, nó nêu lên một sức sống mạnh mẽ, đầy hứa hẹn.

Không có dân tộc nào có thể mang lại câu trả lời triết học cho những câu hỏi ấy: đó là việc của triết gia, và của mỗi cá nhân trong suy tư triết lý của mình. Có chăng, các dân tộc thay câu trả lời bằng những huyền thoại. Như huyền thoại *dân tộc được Thượng đế chọn lựa* của người Do Thái, huyền thoại *con Rồng cháu Tiên* của người Việt Nam... Sức mạnh của những huyền thoại ấy, thế kỷ 20 đã kiểm nghiệm thêm nhiều lần nữa ở Tel Aviv, Hà Nội, và trước đó ở cả Berlin, Đông Kinh... Và cả giới hạn của chúng.

Bốn, năm năm trước khi bước sang thế kỷ mới, có lẽ những câu hỏi vĩnh cửu ấy cần được đặt dưới những dạng khác: dân tộc Việt Nam giỏi ở chỗ nào, yếu ở mặt nào, làm thế nào khắc phục những khuyết điểm?

Đầu thế kỷ 20, các nhà nho Duy Tân đã kêu gọi đồng bào liên kết để hưng doanh (công ty Liên Thành đã ra đời). Gần một trăm năm sau, lời kêu gọi vẫn còn nóng hổi tính thời sự. Chiến tranh ư? Chủ nghĩa cộng sản giáo điều ư? Cố nhiên, nhưng, tại sao ở Mỹ, ở Pháp, sau hai mươi năm trời vẫn chưa xuất hiện lấy được một doanh nghiệp vừa hay lớn do nhiều người Việt Nam chung vốn và quản lý, mà vẫn chỉ có những tiểu chủ (đều không thiếu những tiểu chủ giỏi)?

Hai chữ *khoa học* theo nghĩa hiện đại đã nhập vào từ ngữ Việt Nam cũng từ đầu thế kỷ. Song khó có thể nói rằng *tinh thần khoa học*, óc phê phán (chứ không phải óc đố kỹ) đã thâm nhập nǎo trạng xã hội Việt Nam, mặc dầu tiến sĩ khoa học đầu tiên người Việt Nam (lại là một phụ nữ: cô Hoàng Thị Nga) đã bảo vệ luận án tại Paris cách đây đúng 60 năm.

Có thể kể ra nhiều thí dụ khác nữa về những khuyết tật của dân tộc. Không phải để liệt kê, hay viết lại một bài *An nam ta có cái tật gì cũng cười*, mà để cùng nhau phân tích, suy nghĩ cách khắc phục, hay ít nhất, gây men cho một sự nhận thức tập thể của cộng đồng dân tộc.

Điều đó phải chăng cũng cần thiết như tinh nghĩa đồng bào, như sự hoá giải hận thù, như những giá trị nhân văn và dân chủ để dân tộc có đầy đủ hành trang tinh thần bước sang thế kỷ mới? Để óc tự tôn và tự ti, hai anh em song sinh đã hành hạ quá lâu tinh thần Việt Nam, những chỗ cho sự tự tin và cầu thị?

Nguyễn Ngọc Giao

Chính quyền kéo dài việc giam cầm Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu

Theo AFP [17.10], chính quyền đã "giả hạn thêm ba tháng lệnh bắt giam ông Hoàng Minh Chính, nhân vật ly khai của hàng ngũ đảng cộng sản Việt Nam, mà sức khỏe đang ở trong tình trạng rất xấu". Bức điện không nói tới ông Đỗ Trung Hiếu, bị bắt cùng ngày 13.6 với ông Hoàng Minh Chính [lệnh khởi tố ông Hiếu gắn liền với "vụ án Hoàng Minh Chính"], và bị đưa ra giam giữ ở Hà Nội từ ngày 16.6. Theo luật tố tụng, lệnh tạm giam để điều tra tội trọng không được quá 4 tháng. Có thể giả định rằng chính quyền đã có quyết định gia hạn tương tự đối với ông Hiếu [thường được biết dưới biệt hiệu Mười Anh].

Trong thư đề ngày 4.10 gửi các cơ quan tối cao nhà nước, bà Lê Hồng Ngọc, vợ ông Chính, cho biết ngày 3.10, bà mới được gặp mặt chồng "trong thời gian 30 phút qua tường kính ngăn cách của trại giam". Bức thư viết:

« Tôi vô cùng đau xót khi thấy sức khỏe chồng tôi bị suy sụp rõ rệt, mặt ông già gầy yếu xanh xao, hai cánh tay và khắp người bị xương ngứa, mẩn đỏ, chân đi không vững, phải vén vào thành ghế, cánh tay bị thương cũ nay bị lạnh đau tê buốt, thường xuyên phải quấn khăn bông và đeo găng.

Chồng tôi đã nói với gia đình mọi sự đói khổ có tinh chất hành hạ của nhà tù:

— Cho ăn cơm gạo mốc, có cả sâu, ông Chính không ăn được, đề nghị cho gia đình gửi gạo vào hoặc đưa tiền nhờ trại giam mua hộ, nhưng đều không được chấp nhận.

— Do cơ thể già yếu, ăn uống kham khổ sinh bệnh mãn ngày khắp người suốt đêm không ngủ được.

— Suốt gần bốn tháng trời chỉ được tắm nắng có một lần [ngày 17 tháng 7], suốt ngày ở trong bốn bức tường.

— Ông Chính phải ở cùng phòng giam với một người tù thường phạm có trọng án 15 năm tù, anh này nói "người ta sai cái gì tôi cũng phải làm", vậy có điều gì bảo đảm tính mạng cho ông Chính.

— Ông Chính đã phải tuyệt thực 2 lần mấy ngày liền để phản đối cam gạo mốc và đòi hỏi được gặp gia đình.

— Ông Chính đã bị chết trong nhà tù, gia đình phải đề nghị cho bác sĩ bên ngoài vào khám nghiệm, vì ông có thể bị vu cáo là tự tử. Ông còn nói: "Cả cuộc đời tôi hy sinh cho dân tộc, nếu còn sống xin hiến dâng cho banton Tổ quốc, nếu chết thì xác để dưới chân nhân dân".

Một số nguồn tin cho biết nhà cầm quyền tung tin sẽ xử hai ông Chính và Hiếu trong tháng 9, rồi trong tháng 10. Việc hoãn xử và kéo dài thời gian tạm giam xác nhận một lần nữa: [1] nội bộ lãnh đạo chính quyền bị phân hóa [xử hay không xử, xử kin thì bị dư luận lên án, xử công khai thì chính quyền để trả thành bị cáo trước công luận], [2] bộ máy nhà nước tiếp tục coi thường pháp luật, dù là thứ pháp luật coi việc sử dụng quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận của công dân là "lợi dụng tự do để tuyên truyền chống chế độ".

Chữ ký đài trả tự do cho các ông Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu xin gửi về: Dr Jean-Michel Krivine, 97 rue de Sannois, 91250 ERMONT

thảo luận với lữ phuơng

Chẳng mấy khi được đọc một bài lý luận, tranh luận về chủ nghĩa cộng sản du nhập vào Việt Nam nghiêm túc như bài của ông Lữ Phương : *Từ chủ nghĩa yêu nước tới chủ nghĩa xã hội* (Diễn Đàn số 45, tháng 10.95). Tôi xin bàn thêm về mấy ý sau đây trong bài đó : Lênin đã “đông phương hoá” chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác-Lênin ; Hồ Chí Minh đã du nhập nguyên trạng chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, không sáng tạo hay phát triển gì hết về mặt học thuyết ; ông thành công trong chuyện đánh ngoại xâm vì chủ nghĩa Mác-Lênin là cỗ máy khai thác hiệu quả lòng yêu nước của người Việt, và thất bại trong xây dựng vì nó huyền hoặc.

A. Lênin đông phương hoá chủ nghĩa Mác

Ông Lữ Phương vạch tính thống nhất về tư tưởng, quan điểm sử học (và phương pháp suy luận ?) của Mác và Lênin, nhấn mạnh rằng những phát triển của Lênin về học thuyết đã có mầm trong Mác. Nhận xét này, tôi thấy đúng. Do đó tôi khá bỡ ngỡ khi khám phá rằng Lênin đã “đông phương hoá” chủ nghĩa Mác. Dù sao, đó là chuyện phụ, điều quan trọng là Lênin có giúp ta hiểu thêm thời đại của ta hay không.

Mác và Lênin đều tin tuồng vào học thuyết duy vật lịch sử, đều vận dụng lối suy luận biện chứng, đều dựa vào sự phân tích hiện thực kinh tế của *thời đại của mình* để vạch ra mục tiêu, phương hướng và phương pháp hành động của mình. Theo tôi, đó là những điểm đồng nhất cơ bản giữa họ. Nhưng những kết luận của Mác và Lênin lại khác nhau, có khi có vẻ trái ngược nhau. Chính vì họ là những nhà tư tuồng duy vật và biện chứng : họ không tìm cách ép thực tế chui vào cái khuôn tư tuồng của họ. Họ phân tích sự vận động *độc lập* của nó để tìm hiểu nó trong quá trình vận động ấy. Đối với Lênin, nền sản xuất tư bản *thời ông* đã có nhiều điểm khác nền sản xuất tư bản thời Mác. Không khác ở bản chất, lôgic vận hành nội tại của nó, khác ở quy mô : nó đã trở thành một hệ thống toàn cầu như Mác đã từng tiên đoán, và do đó nó có những tính đặc thù mới lạ. Nói như người mácxít nôm na, lượng đã biến thành chất, chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã tự phủ định để biến thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, mở màn cho một đối lập của nó, chủ nghĩa đế quốc, tự do cạnh tranh, kể cả bằng súng đạn, trong thị trường thế giới. Phủ định và phủ định của phủ định. Lối nói “hégelien” này (của tôi, cho vui) không đơn thuần là trò chơi chữ, ghẹo khái niệm. Với hai ngòi bút duy vật kia, nó có cơ sở “vật chất” : nghiên cứu kinh tế chính trị trong *Tư bản luận và Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*. Qua nghiên cứu này, Lênin khẳng định : các nước thuộc địa, các nước ít phát triển không còn là những mảnh đất ngoại vi của nền sản xuất tư bản nữa, chúng đã biến thành những mắt xích, tức là những bộ phận *hữu cơ* trong hệ thống tư bản thế giới. Ở những mắt xích yếu nhất, không những cách mạng vô sản khả thi, nó còn có khả năng làm rúng động toàn bộ hệ thống tư bản, mở đường cho cuộc cách mạng vô sản toàn cầu. Mác và Engels, trong bài đề tựa số 2 cho *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, cũng không coi nhẹ khả năng có một cuộc bùng nổ cách mạng ở Nga, nhưng họ lại nêu nhiều câu hỏi về khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở đó : “**Hiện nay, điều duy nhất ta có thể trả lời là : nếu cuộc cách mạng Nga là dấu hiệu**

khai mạc cuộc cách mạng của công nhân ở Tây Âu, và nếu hai cuộc cách mạng ấy làm cho nhau hoàn chỉnh, thì hình thái công hữu hiện nay ở Nga có thể làm điểm xuất phát cho một quá trình diễn tiến có tính chất cộng sản” (TĐ nhấn mạnh). Nếu không thì sao ? Đó là câu hỏi cốt tử đối với các nhà lý luận mácxít hồi đầu thế kỷ 20. Đó cũng là đề tài tranh luận công khai, gay gắt giữa Lênin và nhiều đồng chí của ông. Trong cuộc tranh luận ấy, Lênin khẳng định nhiều lần rằng người cộng sản phải bảo vệ chính quyền xô viết với bất cứ giá nào, kể cả những nhượng bộ nhục nhã nhất trước một kẻ thù có lực lượng áp đảo minh (hiệp định Brest-Litovsk), dùng chính quyền ấy để xây dựng một nước cộng hoà xã hội, làm địa bàn tiếp sức cho cách mạng thế giới. Như thế, ta có thể nghĩ : ông tin rằng có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước lẻ, lạc hậu, song song với thế giới tu bản ; thậm chí, ta có thể gán cho ông ý chuyen trung tâm cách mạng vô sản từ Tây qua Đông. Nhưng ngược lại, nhiều lần, nhiều nơi, ông khẳng định rõ ràng : không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh ở một nước chậm tiến như nước Nga trước khi hệ thống đế quốc sụp đổ. Ông bất nhất, ba phải ? Thí dụ : trước khi giành được chính quyền ở Nga, ông tố cáo “tinh thần quốc gia” hay “tinh thần yêu nước” trong chiến tranh thế giới, kêu gọi công nhân và nhân dân lao động các nước tu bản quay súng biển chiến tranh để quốc thành nội chiến giữa giai cấp tu bản và giai cấp công nhân. Nhưng sau khi giành được chính quyền, ông lại kêu gọi dân Nga bảo vệ “tổ quốc xã hội chủ nghĩa”. Đặt hai thái độ trái ngược đó về “tinh thần quốc gia” và “tinh thần yêu nước” trong lôgic của tác giả quyền *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* và trong bối cảnh lịch sử của chiến tranh thế giới thứ nhất và những hoàn cảnh cụ thể nó tạo ra, ta thấy Lênin nhất quán trong tư tuồng, suy luận : giai cấp công nhân đi ngược lợi ích của mình khi hô hào ủng hộ những quốc gia đế quốc đánh nhau để tranh giành thị trường, chia phần thuộc địa, v.v. Ngược lại, bảo vệ chính quyền xô viết đầu tiên trên thế giới, dùng nó làm nơi xây dựng lực lượng chuẩn bị cuộc đương đầu tương lai với chủ nghĩa đế quốc toàn cầu là chuyện có ích cho giai cấp công nhân toàn cầu. Cũng vì thế, Lênin vừa sẵn sàng chấp nhận những điều kiện nhục nhã nhất của Đức để cứu vãn chính quyền xô viết, vừa sẵn sàng hy sinh nó nếu cách mạng vô sản bùng nổ ở Đức, sẵn sàng mất chính quyền xô viết ở Nga nếu điều đó có khả năng giảm gánh nặng cho Liebnecht ở Đức, vì, trong hoàn cảnh lịch sử ấy, mặt trận cách mạng chính ở Đức, Nga chỉ là mặt trận phụ : “Với những tiền đề như vậy, ta dễ dàng hiểu rằng không những ta “nên” (như các tác giả của nghị quyết (chống hiệp định Brest-Litovsk, TĐ) nói), mà tuyệt đối phải chấp nhận chiến bại và nếu cần mất chính quyền Xô viết.” (2).

Nếu ta bám vào một số hiện tượng lẻ, chủ trương bảo vệ chính quyền xô viết với bất cứ giá nào và những biện pháp, khẩu hiệu Lênin đề xướng để thực hiện nó, có thể cho phép ta kết luận rằng Lênin đã biến chủ nghĩa quốc tế vô sản của Mác thành một thứ chủ nghĩa quốc tế vô sản Lêninít phục vụ Liên Xô. Nếu ta xem toàn bộ lý luận và hành động, ta thấy ngược lại : ông quyết liệt về mặt nguyên tắc trong tầm nhìn toàn diện và lâu dài, ông khách quan, tỉnh táo, thiết thực trong hành động trước mắt.

Sau sự sụp đổ của phe xã hội chủ nghĩa, một khuynh hướng phổ biến trong giới lý luận chống học thuyết Mác là lập luận sau : Stalin đã có mầm trong Lênin và Lênin đã có mầm trong Mác, hoặc Engels. Phương pháp chứng minh thường là trích dẫn văn kiện. Trong giới bảo vệ Mác cũng vậy : Stalin khắc tinh với Lênin và Lênin xuyên tạc Mác. Phương pháp chứng minh cũng là trích dẫn văn kiện. Đây, theo tôi, là lối đọc và sử dụng văn kiện giáo điều, có thể, và đã được dùng trong cả hai hướng, và đạt kết quả như nhau : *khái niệm này để ra khái niệm kia, câu văn này để ra câu văn kia, luận điểm này để ra luận điểm nọ, chủ nghĩa này để ra chủ nghĩa kia, v.v. và thế là đủ để giải thích những biến động khổng lồ của thế kỷ 20. Không mang lại cho ta một hiểu biết gì thêm về những con người ấy, về giai đoạn lịch sử ấy, về thời đại của mình !* Một trò chơi vô bổ : chọn hướng nào cũng làm được. Phê phán hay ca ngợi Mác và Lênin chẳng dễ dàng. Điều đó đòi hỏi ta vừa có kiến thức toàn diện (triết học, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá) về bối cảnh lịch sử kinh thiên động địa thời họ, vừa có khả năng nắm bắt lôgic nội tại của tư tưởng và học thuyết của họ để hiểu những ý kiến, thái độ, chủ trương, hành động có khi có vẻ trái ngược nhau của họ trước những sự kiện lịch sử hình thành thế kỷ 20.

Trong đề tài này, còn vài vấn đề đáng suy nghĩ.

1. Ngày nay, phe xã hội chủ nghĩa đã tan tành, chủ nghĩa tư bản đã toàn thắng trong cuộc đương đầu cơ bản của thế kỷ 20, Lênin sai bét. Nếu thế, sự thành công của Lênin, cuộc cách mạng Nga và những hiện thực khổng lồ nó tạo ra, thay đổi bộ mặt cả thế giới, kể cả thế giới tư bản, đều là chuyện ngẫu nhiên, không có gì đáng bàn, không có gì có thể hiểu được. Nhiệm vụ duy nhất của sử học chỉ còn lại chuyện thu thập và kiểm tra tài liệu về các sự kiện đã qua, lắp ráp và trình bày sao cho xuôi tai mỗi đương thời. Hết.

Ngược lại cũng có thể Lênin không sai bét, và chính quan điểm, phương pháp suy luận và những công trình nghiên cứu, phân tích chủ nghĩa tư bản trong thời đại của ông đã cho phép ông nắm bắt được một cách chính xác và kịp thời những yếu tố chính trị cơ bản nhất của thời đại của mình và thành công trong hành động. Trong trường hợp này, quan điểm, phương pháp suy luận, công trình nghiên cứu, phân tích của ông về chủ nghĩa tư bản còn điều gì bô lít giúp ta hiểu một vài khía cạnh của thời đại này chẳng ? Rất có thể. Chỉ vài năm sau sự sụp đổ của phe xã hội chủ nghĩa, quá trình toàn cầu hóa thị trường tư bản đã phát triển nhảy vọt. Đồng thời một cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng đang lầm le đe dọa tất cả các nước tư bản tiên tiến. Nhiều hiện tượng mà Mác và Lênin coi như thuộc tính của phương thức sản xuất tư bản, không những tái phát ngay tại các nước tư bản tiên tiến, chúng còn lan rộng ở mức chưa từng thấy trên khắp thế giới. Đội quân thất nghiệp đang lan tràn Châu Âu, hầu như không thể cưỡng lại được. Chính quyền dân chủ pháp quyền hoặc bất lực đối với những quyền lực kinh tế của thị trường, hoặc phục vụ chúng. Người ta thường cười khẩy khi đề cập tới khuynh hướng bần cùng hoá nhân dân lao động của phương thức sản xuất tư bản, và nêu mức sống sung túc của những người lao động ở Tây Âu trong ba, bốn thập niên vừa qua để chứng minh tính sai lầm của luận điểm ấy. Nhưng ít ai nhắc tới hiện tượng này ở mức toàn cầu : 25 % nhân loại thừa hưởng 80 % tài nguyên thế giới trong khi 25 % khác thừa hưởng 0,5 % ! (3). Ngay trong các nước tư bản tiên tiến hiện nay, chỉ cần coi cuộc đấu đá êm ái vừa qua giữa ông Madelin và ông Juppé, và thái độ của cái gọi là “Những thị trường tài chính” cũng rõ : họ không khác nhau ở ý chí hạ thấp mức sống của người lao động, chỉ khác nhau ở phong cách và nhịp độ thực hiện điều ấy. “Những thị trường tài chính” ấy,

ngày nay, chi phối đời sống xã hội có lẽ hon cả trăm lần thời Lênin : “Lượng trao đổi tài chính cao gấp 50 lần lượng trao đổi thương mại quốc tế !” (3). Tư bản dưới dạng tài chính còn ăn khớp với quá trình và kết quả thực của sản xuất không ? Mấy cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ vừa qua, ở các nước tư bản cũng như ở các nước chậm tiến (Mexique) cũng có điều đáng cho ta suy ngẫm. Ngày nay, tuy nền sản xuất tư bản khác xa thời Lênin, đọc lại *Tư bản luận và Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* chưa chắc là uổng công !

2. Lênin là người rất quyết liệt khi bảo vệ những nguyên tắc cơ bản trong quan điểm và phương pháp suy luận mácxít, nhưng lại là người ít giáo điều. Ông cực kỳ nhạy bén để nắm bắt những nét mới mẻ của tình hình ngay từ lúc phôi thai. Trong những lãnh vực ông không sành, thí dụ thơ văn hay hội họa, ông không ngại trình bày ý riêng, nhưng thường tránh áp đặt nó đối với người khác. Có lẽ tính khí ấy đã khiến ông mâu thuẫn, tranh luận gay gắt với hầu hết các đồng chí của ông, Trostky, Staline, Kamenev, Boukharine, v.v. Qua những cuộc tranh luận ấy, ta khó phỏng đoán được, nếu ông không chết yểu, ông sẽ lèo lái cách mạng Nga theo hướng nào trong hoàn cảnh nó không được bổ sung bằng cuộc cách mạng thế giới, và sẽ thành công hay thất bại ra sao. Chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực mà ta biết, cơ bản là gia tài của Stalin. Phần riêng của Lênin trong lãnh vực này, nếu muốn công bằng, phải xem xét qua tác phẩm và hành động của ông trong mấy năm ông còn khả năng hoạt động sau khi đã giành chính quyền : từ 1917 tới 1922. Có những nhân tố nào có khả năng đưa cuộc cách mạng Nga vào xu hướng toàn trị ? Những nhân tố ấy thuộc loại tạm thời thích ứng với một hoàn cảnh lịch sử cụ thể hay thuộc nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng và phương pháp suy luận ? Tự chúng có khả năng lôi kéo cuộc cách mạng ấy trong hướng ấy không, tất yếu không, và nếu có, vì sao ?

Đây là những đề tài nghiên cứu, tranh luận lớn, chưa chắc đã lỗi thời. Ít lâu nay, sau 20 năm thống trị hầu như tuyệt đối, và bắt lực đối với khủng hoảng kinh tế, xã hội và tư tưởng, của các trường phái kinh tế chính trị học tư bản ở Tây Âu, đã có người cho rằng, nhờ sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa, ta có cơ tim hiểu tư tưởng của Mác một cách trung thực hơn, và có thể dựa vào nó để xem xét và tìm hiểu một số khía cạnh của thế giới tư bản ngày nay. Cũng có thể, đối với Lênin cũng vậy. Điều khó khăn lớn nhất trong việc này, theo tôi, ở tính chất quá chuyên môn và hạn hẹp trong kiến thức của ta so với kích thước khổng lồ, đa dạng, phong phú, chằng chịt, của đối tượng nghiên cứu. Ngày nay, không có mấy nhà tư tưởng vừa có thể cùng lúc tranh luận về triết học, kinh tế học, sử học, triết lý khoa học, chính trị và thời cuộc, v.v. với những con chim đầu đàn của thời đại mình, như Mác, Engels và Lênin đã từng làm trong thời đại của họ. Họ đã ảnh hưởng lớn vào lịch sử nhân loại suốt hơn trăm năm qua, có lẽ vì, thoát thai từ nền văn minh tư bản, họ đã đúc kết được cách nhìn phong phú và hấp dẫn nhất về con người trong kích thước lịch sử của nó.

B. Hồ Chí Minh du nhập chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam

Thiết thân hơn với người Việt, có đề tài ông Hồ Chí Minh du nhập chủ nghĩa Lênin vào Việt Nam. Lữ Phương cho thấy rõ ông Hồ là đệ tử trung thành của Lênin, (và sau khi Lênin mất, của Stalin ?), chỉ có vai trò Việt nam hoá tư tưởng và quan điểm của Lênin bằng ngôn ngữ phổ cập của người Việt thời đó, không có sáng kiến hay phát huy về mặt lý luận. Luận điểm này quan trọng trong cuộc khủng hoảng tư tưởng của Việt Nam. Nó cho thấy cố gắng của những người cộng sản để gỡ sự bế tắc tư tưởng và lý luận của đảng cộng sản bằng cách nguy tạo ra

cái gọi là “tư tưởng Hồ Chí Minh”, là vô vọng. Ở đây, có đề tài suy nghĩ quan trọng, lý thú, bổ ích : người ta có thể sử dụng một ngôn ngữ cũ dung dưỡng và lưu truyền một hệ tư tưởng và một phương pháp suy luận cũ để phổ biến thành công một hệ tư tưởng và một phương pháp suy luận mới, khác hẳn không ? Tôi không có khả năng bàn về đề tài này ở đây, chỉ xin nêu lên để “ghẹo” các nhà hoạt động văn học.

Luận điểm cơ bản Lữ Phương đưa ra để giải thích sự thành công của đảng cộng sản trong cách mạng giải phóng dân tộc và sự thất bại tất yếu của nó trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là : đó là hậu quả của sự gượng ép lòng yêu nước truyền thống có thực của người Việt với tính huyền hoặc của chủ nghĩa xã hội (Mác-Lênin). Đảng cộng sản đã biết khai thác lòng yêu nước của người Việt nên đã lãnh đạo thành công kháng chiến giành độc lập dân tộc. Nhưng vì giấc mơ xây dựng của nó huyền hoặc nên nó thất bại. Đối với tôi, lý luận như thế hơi dẽ dãi.

1. Về mặt lý luận, Lữ Phương thoái mái gán hai tính đặc thù đối chọi vào hai khái niệm cùng phạm trù : “*Cái thực chính là lòng yêu nước* (...) và *cái ảo ở đây chính là cái ý thức hệ cộng sản* (...). Lòng yêu nước thể hiện qua ước mơ độc lập dân tộc, lòng yêu nhân loại thể hiện qua ước mơ xây dựng thế giới đại đồng đều là tình cảm, giá trị, đều trùu tượng như nhau. Nếu hiểu *có thực* là hiện hữu như một vật thể, một sự kiện, chúng đều không có thực như nhau. Nếu hiểu *có thực* trong nghĩa *khả thi*, thì lúc chưa thực hiện được, chúng huyền hoặc như nhau. Có gì huyền hoặc hơn giấc mơ độc lập của vài chàng thanh niên, trong năm 1930, không có đồng xu dính túi, hẹn nhau trong một sân banh tại Hương Cảng, thành lập đảng cộng sản Việt Nam để khôi phục độc lập dân tộc, sau khi mấy thế hệ cha anh đã thất bại trong việc khai thác mỏ vàng yêu nước của người Việt ? Thế mà không huyền hoặc !

Gán từ “*cái thực*” cho một hiện tượng tâm linh của con người và từ “*cái ảo*” cho một hiện tượng tâm linh khác cũng của con người ấy để giải thích sự thành công trong một việc và sự thất bại trong một việc khác, không mang lại một tia sáng nào giúp ta hiểu hơn những sự kiện lịch sử khổng lồ của thế kỷ 20 và của nước ta. Tụt trung, dưới vẻ lý luận, đó chỉ là xác nhận sự đã rồi : thành công trong kháng chiến, thất bại trong xây dựng. Xác nhận sự đã rồi, cần chi lý luận ? Nói chung, tình cảm, niềm tin, giá trị, khái niệm, lý luận, triết lý, ý thức hệ — cộng sản và không cộng sản, kể cả ý thức hệ của ông Lữ Phương khi ông bàn về lịch sử, vì ngoài khoa học tự nhiên, ngoài ngôn ngữ toán, tất cả các môn và ngôn ngữ văn học và “khoa học” nhân văn, ngoài việc xác định tính khách quan của sự vật, sự kiện, đều ít nhiều lưu truyền một hay nhiều ý thức hệ — có chung đặc tính cơ bản này : chúng không có *thực* trong thế giới vật chất và sinh vật. Chúng chỉ “có” trong đầu óc của con người, chỉ thể hiện gián tiếp qua lời nói và hành động của con người. Gán cho chúng tính “*có thực*” vô nghĩa. Thí dụ “Chủ nghĩa yêu nước” là gì, thú thực, tôi không biết ; nâng tình cảm yêu nước của người Việt Nam thành một thứ chủ nghĩa như, hoặc hơn, chủ nghĩa cộng sản hay tư bản, là chuyện mù mờ trong nhiều lĩnh vực, đối với tôi. Thí dụ : kinh tế yêu nước là gì ? Phong kiến ? Tư bản ? Xã hội ? Thị trường chung ? Thị trường tư bản ? Thị trường tư bản định hướng xã hội ? v.v. Cái dẽ dãi và cái kẹt của người chống kịch liệt mọi ý thức hệ ở chỗ họ buộc phải vận dụng một thứ ý thức hệ không có nội dung rõ ràng, “chủ nghĩa yêu nước” chẳng hạn. Để ở chỗ : từ đó muốn rút ra kết luận gì cũng được trong bất cứ lĩnh vực nào (rất thích hợp với các guồng máy toàn trị !). Khó ở chỗ : mỗi người có một cách yêu nước khác nhau, nhất là khi phải đương đầu với những thử thách lớn của thời đại, của xã hội.

Đánh giá cái thế giới tinh thần nói trên là “*huyền hoặc*” cũng không có nghĩa trừ khi ta hiểu “*huyền hoặc*” là “*bất khả thi*”. Trong trường hợp này, điều duy nhất đáng bàn là : bất khả thi trong hoàn cảnh nào, ở mức độ nào. Bay lên cung trăng là chuyện huyền hoặc thời Jules Verne, là chuyện khả thi hôm nay. Đối với Lê-nin, năm 1918 mà đòi xây dựng ngay chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh ở Nga là huyền hoặc, nhưng, vì lợi ích của giai cấp vô sản, dùng chính quyền xô viết để xây dựng cái ông gọi là “Tư bản nhà nước” là chuyện không những khả thi mà còn cần thiết ! Không ít người đã lên án ông phản bội Mác, đi theo chủ nghĩa tư bản, vì vậy.

Sự sụp đổ của phe xã hội chủ nghĩa xác nhận sự thất bại của những lớp người muốn xây dựng một hình thái kinh tế xã hội mới trong thế kỷ 20, thế thôi. Nó chẳng chứng minh hoài bão của họ vĩnh viễn bất khả thi, cũng như nó không chứng minh rằng hình thái kinh tế xã hội tư bản là vĩnh cửu, hay ít nhất là hình thái xã hội cuối cùng của nhân loại, điều rất có thể xảy ra nếu... thế giới này đột ngột nổ tung và nhân loại vong mạng. Nó không chứng minh gì cả vì, nói như Mác, Lịch sử không làm gì cả, nó chỉ là hậu quả của hành động của con người. Hành động ấy thể hiện con người một cách toàn diện : vật thể, sinh vật với bản năng sinh tồn cá thể và tập thể, và văn hóa, với tình cảm, lý trí, kiến thức, giá trị của một nền văn hóa, trong một thời điểm, xuyên qua con người. Kiến thức và lý trí giới hạn của nó có thể ngăn cản nó thực hiện những giá trị nhân bản khả thi lúc đó, hoặc lôi cuốn nó gượng làm chuyện chưa có khả năng hiện thực, điều đó không giảm giá trị của giấc mơ nhân bản kia. Ngược lại, chẳng ai chỉ dựa vào giấc mơ nhân bản của con người mà thay đổi được thực tế. Chưa có đủ điều kiện vật chất, khoa học, kỹ thuật, văn hóa, đừng hòng thành công. Cốt lõi của học thuyết duy vật biện chứng ở đó, và còn là chuyện đáng bàn trong thế giới *hôm nay*. Đây là đề tài mở, có thể là đề tài lớn của tương lai : con người ngày nay có khả năng chi phối sự vận động của xã hội hướng theo lương tri của mình hay không, tới mức nào, hay chỉ có nước cùi đầu lạy “quy luật thép” của thị trường, đặc biệt thị trường tài chính ? Nếu không, ta nên gác bút, không có chuyện gì đáng bàn. Nếu có, những gì chưa “*có thực*” trong đời nay, những “*ảo vọng*” hiện tại của con người, là đề tài suy luận không phù phiếm.

Hiện nay, không ai có thể chứng minh được rằng nền văn minh tư bản là nền văn minh cuối cùng của nhân loại. Không ai có thể chứng minh rằng giấc mơ “*Tự do, bình đẳng, nhân ái*” vĩnh viễn huyền hoặc. Ta chỉ có thể ghi nhận điều này : nếu con người có một độ tự do nào đó đối với quá trình vận động của lịch sử, thì chính vì nó là tác nhân của lịch sử, và khi nó hành động, ngoài bản năng sinh tồn của một bầy thú, nó còn hoài bão của một con người trong nghĩa : nó muốn sáng tạo một thế giới trong đó những giá trị nhân bản nó hằng mơ, chưa “*có thật*” trong đời, trở thành hiện thực, hay ít nhất có thêm nhân tố để có ngày trở thành hiện thực trong quan hệ giữa người với người để làm chủ thiên nhiên, để điều hòa sinh hoạt xã hội, để cùng nhau làm người. Trong nghĩa đó, giấc mơ “*Tự do, bình đẳng, nhân ái*” của các nhà cách mạng tư sản Pháp vẫn huyền hoặc, vẫn cần thiết, vẫn quý báu, và giấc mơ thế giới đại đồng của Mác chỉ khác giấc mơ kia ở thông điệp này : chính lôgic sản xuất tư bản sẽ tạo điều kiện vật chất để thực hiện giấc mơ kia, nhưng cũng chính lôgic sản xuất đó sẽ ngăn cản con người thực hiện nó. Do đó, khung hoảng xã hội là tất yếu, cách mạng (không nhất thiết bạo liệt) là tất yếu. Chỉ trong khuôn khổ ấy nghệ thuật chính trị mới có nội dung nhân bản : bắc những nhịp cầu dẫn từ hiện thực “phi nhân” hôm nay tới một ngày mai nhân bản hơn. Cũng chỉ trong khuôn khổ ấy, mới có “khoa học” lịch sử : trong tình hình hiện nay, về mọi mặt, khoa học, kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, những nhịp cầu nào khả thi, tới mức độ nào,

trên con đường nhân hoá thiên nhiên, cuộc sống và xã hội ? Đâu là những lực lượng tiến bộ, hay bảo thủ, vì sao ?

2. Theo Lữ Phương, đảng cộng sản Việt Nam thành công trong kháng chiến giành độc lập nhờ “mỏ vàng” truyền thống yêu nước của người Việt. Mỏ vàng ấy đã có nhiều người yêu nước muốn khai thác, nhưng không khai thác được. Để giải thích điều ấy ông cho rằng “chủ nghĩa cộng sản kiểu Lê-nin đã là cái cỗ máy khai thác được một cách cực kỳ có hiệu quả” và nhấn mạnh “nó không có gì xa lạ đối với những học thuyết về quyền lực trong thế kỷ 20 : đó chính là sức mạnh của sự huyễn diệu ý thức hệ đi kèm với kỹ thuật tuyên truyền, sách động, tổ chức quần chúng.” (TD nhấn mạnh) Luật điểm này hao hao giống luật điểm của Hannah Arendt (tuy hơi mây mờ : mỏ vàng, cỗ máy, kỹ thuật, v.v.) khi bà đúc kết khái niệm toàn trị qua chuyện phân tích chế độ fátxít của Hitler và chế độ Liên Xô thời Stalin. Lý luận của Hannah Arendt có thể áp dụng thẳng cánh cõi bay vào hoàn cảnh Việt Nam những năm 30-75 không ? Đặc biệt để giải thích thắng lợi của kháng chiến ? Thí dụ trong hai điểm cơ bản sau :

a/ môi trường thích hợp cho sự hình thành chế độ toàn trị là sự hiện hữu của một xã hội đã bị quần chúng hoá (massification) cực độ trong đó con người xé lẻ, cô đơn và bất lực vì đã mất hết những liên hệ đoàn kết với một cộng đồng người. Đó là hoàn cảnh của nước Đức sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Nó làm nô cho sự thành công của Hitler. Đó không là hoàn cảnh phổ cập của nước Nga lúc cách mạng tháng mười bùng nổ, nhưng đã trở thành hoàn cảnh phổ cập của Liên Xô sau những cuộc cải cách xã hội, đặc biệt trong nông dân. Theo Hannah Arendt, chế độ toàn trị hình thành ở Liên Xô trong những năm cuối của thập niên 30, hơn mười năm sau khi Lê-nin chết. Còn ở Việt Nam thì thế nào ? Quyền lực của đảng cộng sản Việt Nam hình thành trong những năm 40-50 và củng cố qua hai cuộc chiến tranh, được xây dựng trên cơ sở xã hội ấy chăng ? Tôi không tin lắm. Trong chiến tranh, đảng cộng sản thường ca ngợi, và khuyến khích truyền thống đoàn kết dưới đủ mọi dạng, dân tộc, đồng hương, làng xã, giai cấp, v.v. Ngay Stalin cũng dù khôn ngoan để phục hồi truyền thống “quốc gia” của người Nga khi phải đương đầu với chiến tranh. Chỉ ở những nơi nó đã nắm trọn quyền lực, đảng cộng sản (và nói chính xác hơn, quòng mây tổ chức bí mật của nó) mới bắt đầu có khả năng tạo điều kiện và thành lập hệ thống cai trị toàn trị. Chiến trường, nơi quyền lực của đảng cộng sản Việt Nam hình thành và phát triển, không phải đất hoang toàn phù hợp với loại quyền lực kia. Chính vì thế, chính huấn, chính đảng trong quân đội nơi chiến trường thường êm nhẹ hơn ở nơi khác.

b/ Theo Hannah Arendt, chính sự xé lẻ, cô đơn và bất lực của con người tạo cho những ý thức hệ sức quyến rũ mãnh liệt : nó tìm ở đó một sự nhất quán nào đó (*idéologie, logique d'une idée*) giúp nó bảo vệ sự toàn vẹn tinh thần (*intégrité spirituelle*) của bản thân trước một thân phận phi lý, rã rời. Do đó, nó không cần sự khả thi của ý thức hệ, nó chỉ cần vẻ nhất quán (*cohérence*) của chúng. Tôi có thể tin luận điểm này của Hannah Arendt đúng đối với anh trí thức tiểu tư sản như tôi chẳng hạn, tôi không tin nó đúng đối với những thành phần khác trong xã hội. Đối với Việt Nam, tôi càng không tin. Tôi không tin quần chúng và đảng viên đảng cộng sản Việt Nam vui vẻ nhảy vào lò lửa chiến tranh bấy nhiêu năm vì mê vê nhất quán huyền diệu của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Tôi không biết ý kiến của họ trong vấn đề này vì, cho tới nay, họ chưa hề có tiếng nói, những cuộc diễn giải ý thức hệ giành riêng cho nhóm cầm quyền, hoặc một vài trí thức dũng cảm như Lữ Phương, Lê Hồng Hà.

Những người cộng sản Việt Nam hồi đầu thế kỷ đã chủ trương kết hợp truyền thống yêu nước của người Việt với học

thuyết của Mác và Lê-nin. Họ đã lồng vào tình cảm yêu nước cổ truyền một nội dung giá trị và kiến thức mới. Họ đã giành được quyền lãnh đạo, đã thành công trong kháng chiến, đã thất bại trong xây dựng. Khi họ hành động, khi họ vận động người khác cùng họ hành động, ai do nổi tác động riêng biệt của lòng yêu nước, của đạo đức, của lý tưởng, của lý trí của họ ? Đo bằng cách nào, đơn vị đo lường nào ? Theo tôi, cả sự thất bại lẫn sự thành công đều mang dấu ấn của sự kết hợp kia.

Trong phần thất bại, như Lữ Phương nêu, có hiện tượng “đông phương hoá” những giá trị, khái niêm, phương pháp suy luận, v.v. của Mác và Lê-nin qua quá trình phổ cập hoá chúng xuyên qua văn hoá và ngôn ngữ cổ truyền của người Việt. Từ đó nẩy ra những cách nhìn sai lệch, méo mó, giáo điều, về hiện thực xã hội Việt Nam và thế giới. Chưa kể tới hiện tượng đặc trưng của thế kỷ 20 : chuyên chính toàn trị, phổ cập trong các chính quyền cộng sản, nhưng không hẳn là nét đặc thù của chủ nghĩa cộng sản, đang có cơ tái sinh ngay trong lòng các nước tư bản ngày nay. Còn là đề tài mở.

Trong phần thành công, có khả năng nhận diện, hiểu điểm mạnh, điểm yếu của đối thủ và đồng minh của mình, từng lúc, từng mức độ. Đây là điều cốt tử trong chiến tranh, đặc biệt một cuộc chiến tranh tàn bạo, dài, phức tạp, với nhiều đối thủ lớn liên tiếp, Pháp, Nhật, Tàu, Anh, Mỹ... như chiến tranh Việt Nam. Trong lãnh vực này, đảng cộng sản Việt Nam quả không đến nỗi tồi ! Trong mỗi giai đoạn nó đã cù lập được tối đa đối thủ và tranh thủ được diện đồng minh rộng lớn hiem thấy trong lịch sử loài người. Phải chăng vì kiến thức mácxít của nó về thời đại, phương pháp suy luận của nó để phân tích tình hình quốc tế và Việt Nam cũng có điều không tới nỗi phi lý ? Không lẽ chỉ khéo rู้ rẽ đánh túi bụi quân xâm lăng là đủ viết những trang sử kinh thiên động địa của những thập niên 45-75 ?

Mỗi con người đều tham gia làm nên lịch sử bằng sức lực, kiến thức, tình cảm và lý trí của chính mình. Vì sao, trong thế kỷ 20, một số đông người Việt Nam đã đón nhận và hiểu một cách nào đó một vài khía cạnh của học thuyết của Mác, của Lê-nin, và cả của Stalin và Mao nữa, để hành động và tạo ra thực trạng hôm nay của đất nước ? Vì sao một số đông hơn đã tin tưởng hoặc chấp nhận hay chịu đựng sự lãnh đạo của nó ? Vì sao, cuối cùng, nó sản sinh cỗ máy toàn trị ? Những điều ấy, theo tôi, mới là gốc của vấn đề. Nó quan trọng cho tương lai vì, dù muôn dù không, người Việt Nam hôm nay đang hàng ngày lãnh hội những ý thức hệ hữu, vô, nặc danh của thế giới. Nếu ta không rút được bài học thắc đáng của kinh nghiệm vừa qua, những ý thức hệ ấy, mặc dù chúng đã lột phế ý thức hệ, có thể giáng cho ta thêm một bài học đau đớn không kém bài học Mác-Lê-nin theo kiểu đảng cộng sản Việt Nam.

11-10-95

Trần Đạo

(1) *Manifeste du Parti communiste*, Éditions sociales, 1963. Préfaces 2. Bản tiếng Pháp : « La seule réponse qu'on puisse faire aujourd'hui à cette question est la suivante : si la révolution russe donne le signal d'une révolution ouvrière en Occident, et que toutes deux se complètent, la propriété commune actuelle de la Russie pourra servir de point de départ à une évolution communiste. »

(2) Avec de semblables prémisses, on conçoit très bien qu'il serait non seulement “opportun” (comme disent les auteurs de la résolution), mais absolument obligatoire d'accepter la défaite et la perte éventuelle du pouvoir des Soviets. (*Oeuvres Choisies*, tome 2, p. 679, Editions en langues étrangères, Moscou).

(3) Ignatio Ramonet, *Un monde sans cap*, nguyệt san *Le Monde Diplomatique*, 10-95.

Câu chuyện về cấu trúc quyền lực...

bùi mộng hùng

Mỗi bước tiến của xã hội là mỗi nảy sinh vấn đề. Đôi khi đưa đẩy quyền lực tập trung vào tay một nhóm nhỏ. Đưa đến tư duy đơn điệu, phản ứng sơ cứng, nhân dân mất quyền chọn lựa hướng đi chung của xã hội. Hoá giải cách nào những nguy cơ hiển hiện này?

Chuyện của nước khác có thể soi sáng những vấn đề nóng bỏng của Việt Nam ta, đang ở vào thời buổi phải tạo cho mình cấu trúc trong mọi lĩnh vực, chính trị, ngoại giao, kinh tế, công nghiệp, kinh doanh, v.v...

Trong người...

Pháp không khác quá xa Việt Nam về diện tích, dân số; có những điểm hao hao với ta, như truyền thống cổ hữu tập trung quyền lực về trung ương, công nghiệp lại gồm một thành phần quốc doanh đáng kể...

Từ một chính sách đào tạo cởi mở... Năm 1945, nước Pháp vừa giải phóng khỏi ách chiếm đóng của Đức Quốc xã, vấn đề đào tạo nhân tài đặt ra, cũng như cho Việt Nam ngày hôm nay. Khi ấy Pháp quyết tâm triệt bỏ những tệ hại của phương thức tuyển chọn nhân viên hành chánh cao cấp, trước đây trên thực tế dành riêng cho giới nhà giàu sinh sống ở Paris dù sức theo học Trường tư thực các khoa học chính trị (Ecole libre des sciences politiques). Chính phủ lâm thời Cộng hoà Pháp ký sắc lệnh ngày 9.10.1945 thành lập Trường quốc gia hành chánh (Ecole Nationale d'Administration, ENA). Mở ra đường cho thanh niên nghèo lên địa vị quan chức hành chánh cao cấp. Trường tuyển sinh qua các kỳ thi mở cho cả nam lẫn nữ khắp mọi nơi trong nước, gồm ba diện: *ngoại*, dành cho sinh viên đại học, *nội*, riêng cho viên chức trẻ đã có 5 năm làm việc trong các công sở, và *tự do* cho nhân viên doanh nghiệp tư dưới 40 tuổi.

Đến tình trạng quyền lực vào tay lớp người rập một khuôn đào tạo... Năm mươi năm đã trôi qua. Thành tựu quả là vượt bậc. Quan chức cao cấp các cơ quan nhà nước đa số là do trường đào tạo mà ra, đã đành. Nhưng nào chỉ có thế! Quay qua quay lại, nhanh nhảm thấy những nhà cầm chịch trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội dù là chính trị, kinh tế, tài chính hay kinh doanh đâu đâu cũng là những bộ mặt đã qua cửa trường ENA. Một ví dụ chẳng đâu xa, ngay trong cuộc tranh cử tổng thống Pháp mùa xuân năm nay. Ba ứng cử viên chính, Jacques Chirac và Edouard

Balladur thủ tướng đương nhiệm khi ấy, bên phía da số cầm quyền, và Lionel Jospin đảng Xã hội bên phía đối lập, cả ba đều là những cựu sinh viên ENA. Đến khi tổng thống mới đắc cử Chirac chỉ định người cầm đầu chính phủ mới, thì Alain Juppé đương kim thủ tướng cũng một lò đó mà ra...

Về phía doanh nghiệp lớn Pháp, truyền thống từ hơn một thế kỷ nay là phần lớn những người nắm quyền điều khiển được tuyển chọn trong đám người đã học qua trường Polytechnique (Bách Khoa). Ngày nay có thêm hai trường ENA (QGHC, Quốc gia hành chính) như nói trên và HEC (Hautes Etudes Commerciales, Cao học thương mại) : cựu sinh viên ba trường này năm 1985 chiếm 55%, đến 1993 chiếm 60% trong tổng số giám đốc doanh nghiệp, có điều là tỷ trọng trường Polytechnique giữ mục ổn định, trái lại phần về trường ENA không ngừng tăng...

Một tình trạng làm cơ sở cho những từ Enarchie, (QGHC tri, Quốc gia hành chánh tri) và Enarque (QGHC tu lệnh, để gọi sinh viên trường ENA) tạo vào khoảng năm 1967 phơi phới như điều gặp gió mà di vào ngôn ngữ thông dụng hàng ngày. Như mọi từ ngữ thời thượng, đúng là các từ này chia vào một khía cạnh đậm mắt mọi người, nhưng chưa chắc đó là cốt lõi của vấn đề.

Tuy nhiên đã có khói là hẳn phải có lửa. Một phần lửa trong câu chuyện này phải tìm trong tính chất lạ đồi của tư bản Pháp.

Tư bản theo kiểu Pháp... Từ 1945, một bộ phận quan trọng của ngân hàng và công nghiệp Pháp thuộc về quốc doanh. Trong vòng mươi lăm năm trở lại đây chính sách đổi thay tuỳ theo là phái tả hay phái hữu lên cầm quyền, chủ yếu có ba đợt chính.

Cuộc tuyển cử năm 1981 đưa phái tả lên chấp chính sau hơn 20 năm đối lập đứng ngoài chính quyền. Trong hai năm 1982-83 ngoài ba ngân hàng BNP, Crédit Lyonnais và Société Générale trong tay nhà nước từ 1945, chính phủ khi ấy quốc hữu hoá khoảng một trăm ngân hàng trong đó có Paribas và Suez. Theo dà đó nhà nước chuyển thành quốc doanh một số nhóm công nghiệp quan trọng : CGE (sau đó thành Alcatel-Alsthom), Saint-Gobain, Bull, Thomson, Pechiney, Rhône-Poulenc, Matra, Usinor và Sacilor.

Năm năm sau, phái hữu trở lại cầm quyền liền tiến hành một đợt tư doanh hoá – gồm Paribas, Suez, Société Générale, Saint-Gobain, Matra, Havas, và Alcatel-Alsthom. Toàn là những doanh nghiệp ăn nên làm ra trên thị trường thế giới, vốn to, lãi lớn. Và vì thế rất hấp dẫn với tư bản quốc tế. Đem bán tài sản nhà nước, nghĩa là của nhân dân, chính phủ được cái lợi trước mắt là thu liền vào tay hàng trăm tỷ để mà chi dụng, không cần phải dùng biện pháp tăng thuế mất lòng dân.

Tuy nhiên, chính phủ Pháp ngay khi ấy có biện pháp gài khoá rất chặt, ngăn chặn tư bản nước ngoài chiếm ưu thế trong các xí nghiệp tư doanh hoá : đó là kỹ thuật “*hạt nhân cứng*”, nhà nước chọn trước và chỉ định một số ngân hàng, doanh nghiệp bản xứ đứng ra mua đủ phần cổ đông để nắm quyền điều khiển doanh nghiệp trên thực tế ; nhân dân và tư bản ngoại quốc bị đặt trước sự đã rồi, chỉ được quyền chia nhau mua phần thiểu số còn lại. Cụ thể, trong đợt năm 1987 này “*hạt nhân cứng*” xoay quanh Société Générale, Alcatel và Havas, mỗi công ty xuất vốn của mình tham gia vào tư

bản của công ty kia, thể hiện một thế quân bằng tinh tế.

Sau giai đoạn phái tá cầm quyền từ 1988 cho đến mùa xuân 1993, phái hữu trở lại chấp chính. Chính sách “ hạt nhân cứng ” cũng lại được áp dụng cho một chương trình tu doanh hoá rộng lớn đem ra thi hành trong kỳ này.

Trên thực tế, khi tu doanh hoá ngân hàng BNP và nhóm bảo hiểm UAP chuồng trình này phá vỡ cái lõi gồm những cơ sở tài chính quan trọng nằm trong tay nhà nước. Vì vậy tạo ra một động thái sắp xếp lại cổ đông và các mối liên kết nhằm hình thành những cục tài chính tu doanh tầm cỡ.

Rõ nét nhất là mạng lưới BNP - UAP - Suez. Ba nhóm này tham gia tròng chéo với nhau, BNP nắm 15% cổ đông trong vốn tư bản của UAP và ngược lại UAP cũng có chân với tỷ trọng tương đương trong BNP. Giữa Suez và UAP cũng là một mối liên kết tương tự như vậy. Ba nhóm tài chính này hợp sức nhau lại có khả năng huy động 3 300 tỷ frăng, nghĩa là bằng hai lần rưỡi tổng số ngân sách nhà nước Pháp (vào thời điểm 1992). Bộ ba này là cổ đông quy chiếu cho những nhóm công nghiệp lớn của Pháp Elf, Saint Gobain, Lyonnaise des Eaux ; BNP lại có phần hùn quan trọng trong các công ty Renault, Pechiney, Air France. Bên ngoài, bộ ba vươn ra khắp châu Âu, Suez làm chủ các nhóm SGB (Société Générale de Belgique) ở Bỉ, Colonia ở Đức, liên kết với nhóm Pirelli ở Ý, và qua công ty Perrier bắt dây mơ rã má với nhóm Nestlé.

Bên cạnh đó cũng đang hình thành cục Crédit Lyonnais - AGF - Paribas, súc nặng tài chính chẵng kém trực BNP - UAP - Suez, khối thứ hai này tham gia cổ phần quan trọng trong các nhóm công nghiệp Total, Rhône-Poulenc, Bouygues, Usinor Sacilor, Aérospatiale, Thomson.

Société Générale - Alcatel là cục thứ ba, tầm vóc bằng nửa mỗi cục nói trên, có liên hệ mật thiết về mặt tài chính với Générale des Eaux, Havas và Canal Plus.

Hội tụ những liên hệ tài chính, những lợi ích của các xí nghiệp lại với nhau để hình thành cục doanh nghiệp đủ tầm vóc để đứng vững trước sự cạnh tranh trên thị trường thế giới : chỉ là một chiến lược bình thường, tự nhiên.

Không bình thường chẵng là giám đốc các xí nghiệp tu doanh hoá đều là công chức cao cấp do chính phủ – cổ đông chính – chỉ định. Khi chính phủ dùng chính sách “ hạt nhân cứng ” quyết định cho ai làm cổ đông chủ chốt để mua một xí nghiệp quốc doanh thì cụ thể là chính phủ quyết định chẵng những ai làm giám đốc mà còn cả hội đồng quản trị.

Quay đi quay lại không lọt ra ngoài một nhóm con con các nhà tai to mặt lớn, trước khi được nhà nước chỉ định cầm cân nảy mực các xí nghiệp quốc doanh, đã có một thời đường đường là quan chức cao cấp, trong các cơ quan lớn chính quyền, trong văn phòng các bộ quan trọng. Và trước đó là những sinh viên ưu tú các lò đào tạo X (Polytechnique) hay ENA (Quốc gia hành chánh). Nhìn vào 25 xí nghiệp quan trọng nhất nước Pháp, hầu hết giám đốc đều là cựu quan chức nhà nước, chỉ có một số rất nhỏ là nhân viên xí nghiệp leo dần các nấc thang từ dưới thấp lên tới địa vị cao nhất.

Điều khác trước là khi xưa giám đốc xí nghiệp quốc doanh do chính phủ này chỉ định thì cũng có khả năng bị chuyển đổi khi một chính phủ khác lên thay. Ngày nay, Michel Pébereau là giám đốc BNP thì đồng thời cũng là ủy viên ban quản trị UAP vì BNP là cổ đông quan trọng của

UAP, và ngược lại trong hội đồng quản trị BNP có mặt cổ đông “ gốc ” Jacques Friedmann giám đốc UAP. Chức vị giám đốc là họ quyết định giữa họ với nhau, hầu như chuyện của một nhóm nhỏ, giữa 50 con người “ bồ bịch ” với nhau. Địa vị các nhà tai to mặt lớn trong những khối tư doanh mới hình thành vững chắc hơn bao giờ hết.

Tu bản Pháp chẵng còn trong tay 200 thế gia vọng tộc như thời nào. Nó không theo mẫu tu bản thị trường Anh - Mỹ, chẵng giống hệ ngân hàng-công nghiệp của Đức, cũng không thuộc về một mạng lưới thế gia như ở Ý. Nó hao hao kiểu “ hạt nhân tài chính ” như ở Nhật.

Những hệ quả... Quyền lực tu bản lọt vào tay một nhóm con con kỹ trị. Họ lại cùng một khuôn, cùng một cung cách, cùng lối tư duy, cùng gốc rễ với các nhà kỹ trị điều hành bộ máy hành chính. Jacques Friedmann có lần phân bùa rằng đầu tư tròng chéo giữa các doanh nghiệp không làm cho sự kiểm soát lẫn nhau giảm phần nghiêm túc : “ Chúng tôi phải bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp, phải tường trình trước hội đồng quản trị và toàn thể cổ đông ” ...

Nhưng mối nghi ngờ kéo bè kéo cánh, từ đó chỉ một bước là đến tệ nhũng lạm, không khôi lởn vởn, lơ lửng. Đưa đến những câu hỏi kiểu như tại sao Jean Yves Haberer giám đốc ngân hàng Crédit Lyonnais trong thời gian 1987 - 1993 có thể lao xí nghiệp vào một chiến lược phát triển gia tốc trong mọi lĩnh vực, quá sức của doanh nghiệp, để cho chỉ trong vòng vài năm chồng chất một tổng lượng kỳ phiếu quá bất trắc, lỗ lũ 9 tỷ frăng trong khoảng hai năm 1992 - 1993, mà các cơ quan kiểm sát là Ủy ban ngân hàng (Commission bancaire) và bộ tài chính cứ để mặc ?

Thật ra, những câu hỏi đặt ra về cấu trúc quyền lực còn nêu lên những vấn đề sâu xa hơn thế nhiều. Phải chẵng quan chức hành chánh cao cấp họp thành một giới liên đới dây mơ rã má với nhau, tiếp tay nhau hình thành cốt lõi vòng trong của quyền lực ? Họ dần dà nắm các cần điều khiển bộ máy hành chính. Từ đấy, thông qua cấu trúc rất đặc biệt của tu bản kiểu Pháp, chuyển lần qua lĩnh vực điều khiển các doanh nghiệp lớn. Lần sang cả chính trị. Chỉ còn sót lại khu vực thông tin đại chúng, mà cũng đã thấy có kẻ mở đường vào lĩnh vực này...

Trong khắp các lĩnh vực hành chánh, doanh nghiệp, chính trị chỉ một mẫu người duy nhất. Phải chẵng vì toàn là những nhà kỹ trị cùng đúc một khuôn, cùng một lối tư duy cho nên mặc tuyển cử đổi thay phái cầm quyền, các giải pháp do phái tá hay phái hữu đề ra cho các vấn đề lớn của xã hội Pháp cứ hao hao như anh em một nhà ? Phải chẵng mẫu số chung là các biện pháp do giới quan chức cao cấp các bộ, các cơ quan hành chánh đề ra ? Phải chẵng những biện pháp của các nhà quản lý này làm cơ sở cho cái mà giới chính trị, các cơ quan thông tin đại chúng xem như là “ tư duy chính trị duy nhất ” ngoài ra không còn con đường nào khác ?

Các vấn đề của xã hội liên quan đến đời sống hàng ngày của mỗi người. Vấn đề đặt ra cho mọi công dân, nhưng ngày nay giải pháp có nhiều khía cạnh kỹ thuật không dễ hiểu cho một người dân bình thường. Ngôn ngữ hành chánh là ngôn ngữ kỹ trị, cho còn là được đi. Nhưng khi chính trị gia cũng nói kiểu kỹ trị, thì người dân chán ngán, xa rời chính trị, mặc các nhà kỹ trị nói cho nhau nghe.

Phải chẵng vì vậy mà khoảng xa cách giữa dân chúng

Pháp và chính trị nghĩa là với những quyết định lựa chọn hướng đi cho đời sống chung cứ rộng dần, rộng dần ?

Lại nghĩ đến ta...

Ở ta cũng đã xa rời cái thời mà đáp lại câu hỏi của chủ tịch Hồ Chí Minh “ Đồng bào có nghe tôi không ? ” là tiếng vang dậy tự đáy lòng của tuyệt đại đa số người dân Việt, chẳng những nghe bằng tai, bằng óc mà còn đem hết lòng hết dạ tán đồng những mục tiêu, những biện pháp đề ra khi ấy cho dân tộc.

Ngày nay, mặc cho các nhà lãnh đạo chính trị ra nghị quyết, sắc lệnh, chỉ thị, ảnh hưởng trực tiếp và sâu xa đến vận mệnh của cả dân tộc, người dân cứ coi như chuyện đâu đâu, tâm trí để hết vào việc kiếm cơm nuôi vợ nuôi con. Thờ ơ, mặc tình cho một nhóm quan liêu thao túng trong tất cả các bộ máy chính trị, hành chính, kinh tế, thông tin... làm chủ trong những xí nghiệp thật ra là tài sản của nhân dân. Người dân đen chỉ biết lo nhất nhạnh cho bản thân những rủi ro lọt xuống đến mình từ các cuộc phi phạm, tham nhũng cứ lùng lùng mà phát triển theo đà phát triển của kinh tế. Chẳng ai không rõ rằng nạn tham ô ấy đe dọa sức phát triển, sự sống còn của đất nước, nhưng quốc sách chống tham nhũng cứ bất lực dài dài. Vì hiện tượng tham nhũng bắt nguồn từ một cấu trúc của quyền lực tập trung tất cả trong tay một nhóm người, không phân trách nhiệm cụ thể, không kiểm sát hữu hiệu. Cấu trúc này còn thì tham nhũng không thể diệt...

Vậy mà chẳng vậy...

Vậy ra Pháp cũng chẳng khác gì Việt Nam à ? Rằng giống, thì tìm kỹ cũng nhận ra vài nét hao hao. Nhưng khác, thì khác cả bè dày mấy trăm năm truyền thống và thể chế, bảo đảm cho người dân thường có phương tiện nhận định, có khả năng tác động vào chính sách, vào vận mệnh chung.

Mầm mống nguy cơ phạm đến nguyên tắc căn bản của xã hội vừa manh nha là thấy phản ứng nổi lên ngay, giải thích, tranh luận, phân tích, đề nghị, giải pháp. Các cơ quan kiểm soát, các cơ quan tư pháp – độc lập với chính quyền – mở xé vấn đề, phán xét vô tư.

Hiện tượng một mẫu người đào tạo từ cái khuôn đặt ra khoảng năm 1945 lên nắm quyền điều khiển trong các lĩnh vực hành chính, chính trị xuất hiện, thì liền ngay từ 1967 đã khởi lên dư luận với những từ gợi ý gợi hình Enarchie (QGHC tri), Enarque (QGHC tu lệnh) mổ xé vấn đề : Người cùng một lò mà ra ngồi chụm lại với nhau, chẳng chóng thì chầy không sao tránh khỏi nguy cơ chỉ có một lối đề cập, một lối nhận định, một lối tư duy, một loại biện pháp trước thực tế muôn mặt, muôn dạng của thế giới ngày nay. Hiển hiện nguy cơ lãnh đạo sơ cứng.

Chính sách tư doanh hoá “ hạt nhân cứng ” vừa mạnh nha nguy cơ tạo ra một nhóm kỹ trị thoát ra khỏi vòng kiểm soát của xã hội thì phải đổi lập đã nêu vấn đề, chất vấn chính phủ trước quốc hội, tạo ra từ “ nhóm 50 bồ bịch ” gợi hình ảnh cho quang đại quần chúng nhìn ra bản chất nhóm hạt nhân tư bản kỹ trị là gì. Báo chí, đài truyền thanh, truyền hình, trình bày, phân tích, tranh luận, giải thích. Dấy lên một luồng công luận mà ngay cả giới chủ nhân ông cũng không thể thờ ơ. Để giữ cho doanh nghiệp Pháp một hình ảnh tốt đẹp, Liên đoàn quốc gia giới chủ nhân Pháp (CNPF,

Confédération Nationale du Patronat Français) phải đặt Marc Viénot, tổng giám đốc ngân hàng Société Générale thực hiện một bản báo cáo về “ quyền cai trị các xí nghiệp ”, đề đạt biện pháp sao cho quan hệ giữa ban giám đốc doanh nghiệp và cổ đông được trong sáng. Cũng trong đà đó, khoảng mươi nhóm doanh nghiệp lớn đã cùng nhau thành lập ra một “ đài quan sát cai trị xí nghiệp ” nhằm nghiên cứu cách điều hành của các ban quản trị xí nghiệp Pháp và những phương pháp dùng ở nước ngoài để bảo đảm sự trong sáng và thông tin cho cổ đông.

Luật pháp sơ hở, các đảng phái chính trị bòn tiền của doanh nghiệp, tạo nên một tình huống những lạm ngầm ngầm, một không khí nghi kỵ làm suy giảm uy tín của toàn thể giới chính trị gia. Vấn đề được đem ra tranh luận rộng rãi. Quốc hội thảo luận, làm ra điều luật mới ngăn chặn không cho tình trạng tiếp tục. Pháp đình tố cáo, đem ra công xử tội phạm những lạm, không chừa một đảng phái nào. Một số bộ trưởng phải từ chức, có người bị kết án. Mới gần đây, một ông biện lý – nghĩa là một công chức – công khai thẩm định rằng thủ tướng đương nhiệm Alain Juppé đã phạm pháp trong vụ khi còn làm phó thị trưởng Paris đã giảm giá thuê nhà thuộc sở hữu của thị xã cho con ruột ông ta.

Dân chúng đưa lên nắm chính quyền mà không thực hiện được lời hứa chính trị khi tranh cử thì dân chúng cho về ở vị trí đối lập. Gần với dân hơn, có điều kiện tìm hiểu nguyện vọng sâu xa của dân chúng là những gì, có thời gian suy ngẫm chín mùi giải pháp đề ra.

Đảng xã hội Pháp lên cầm quyền trong thập kỷ 80, vào thời gian kinh tế mở cửa biên giới, công nghiệp Pháp phải chuyển đổi để thích ứng kịp thời. Công nghiệp luyện kim cổ truyền của Pháp thay đổi cấu trúc, đầu tư cao độ kỹ thuật mới, có đau đớn về mặt phải thải bỏ một số lớn nhân viên nhưng đã trở lại đứng hàng đầu trong cạnh tranh thế giới. Công nghiệp xe hơi đã tìm lại được h�력 bằng cách tăng năng suất, bằng tính năng động trong kỹ thuật, trong chiếm lĩnh thị trường. Công nghiệp hàng không và không gian đạt sức vóc, kết quả làm các đối thủ Hoa Kỳ phải gờm lo. Công nghiệp viễn thông đứng trong hàng có hiệu quả bậc nhất trên thế giới. Nói chung công nghiệp Pháp từ năng suất thua kém đã đầu tư tăng năng suất để bắt kịp các đối thủ Đức, Hoa Kỳ, đã giảm nợ nhờ tự cấp vốn với tỷ suất khoảng 120%, chưa bao giờ được thoải mái về tài chính như hiện nay. Pháp có thể tự hào đứng hàng thứ tư trên thế giới về xuất khẩu và vừa dây tỷ số tăng phần trọng lượng của mình trong thương mại thế giới cao hơn so với Đức.

Về mặt này, các nhà kỹ trị Pháp không tồi, chính phủ Pháp đã đạt thành công nhất định. Nhưng éo le là một chính phủ phái tả, khi phải cấu trúc lại công nghiệp đất nước mình đi chọn hướng ưu đãi tư bản, đi dùng một chính sách hy sinh giới lao động : tỷ số thất nghiệp tăng cao hơn một số nước tiên tiến ở Âu Mỹ, xã hội ran nứt. Mà giảm nạn thất nghiệp chính là một trong những cam kết quyết định dân chúng Pháp đưa đảng xã hội lên cầm quyền.

Đảng xã hội phải trả giá đắt điểm thất bại này và dân chúng đưa lên làm tổng thống một người phái hữu, Jacques Chirac, mà luận điệu tranh cử khi đề cập đến nạn thất nghiệp lại có hơi hám giọng phe tả. Một éo le khác !

(xem tiếp trang 26)

Mấy kỷ niệm về nhà dân tộc học **NGUYỄN TÙ CHI** (1925-1995)

Sau 1975 và cho đến 1982, dù đã biết tiếng anh từ lâu, trong cả bốn lần về nước tôi vẫn chưa lần nào gặp anh chỉ vì không có dịp. Trong chuyện giao du, tôi vốn có một quan niệm phải thú nhận là khá hẹp hòi : tôi rất ngại ngùng khi chủ động đi gặp một người nổi tiếng. Thế mà trong giới dân tộc học ở Pháp, gồm cả người Pháp lẫn người Việt, anh Từ Chi lại là người nổi tiếng như thế. Về chuyên môn cũng như về phong cách. Cho mãi đến khoảng đầu tháng 11- 1982, tình cờ tôi mới được gặp anh trong một bữa cơm trưa do anh Đ. V. L., nhà nghiên cứu về văn hóa dân gian, tổ chức ? Sau buổi gặp gỡ đó ít lâu, tôi có làm và gửi tặng anh Đ. V. L. một bài thơ có đoạn sau đây dính líu đến anh Từ (tên mà những người quen thân vẫn dùng để gọi nhà dân tộc học Nguyễn Từ Chi hay Trần Từ) :

Nhớ anh, tôi lại nhớ anh Từ
Đời quá vui nên cứ mải đùa
Cùng nhau chuển choáng trong men rượu
Tưởng gặp Lưu Linh thời xa xưa

Sau buổi sơ ngộ đó, trong "một buổi trưa có nắng vàng, lỗ đỗ trên đường (Hàng Bông thì phải ?) cây thấp lá " và đã khiến cho "tôi rời Hà Nội lòng vẫn vương", tôi lại được say rượu "quốc lủi" một lần nữa với anh, mà lần này thì say thực tình, cũng vào một buổi trưa. Năm đó, anh Từ mới 57 tuổi. Anh còn mập mạnh, tóc râu còn đen và dài. Vì thường mặc chiếc áo chàm của người Thái nên anh lại càng có cái dáng dấp lạ lẫm của một người "sauvage" lạc lõng giữa thủ đô Hà Nội vào thời ấy còn khá đơn điệu và nghèo nàn. Qua lối ăn bận, uống rượu và ứng xử của anh, tôi có cảm tưởng là anh chọn cuộc sống bên lề hay, nói khác đi, ngoài chính trị : trung thực và phóng túng. Vào cái thời ấy, chứ đừng nói là trước đó nhiều năm, một chọn lựa như vậy là hiếm và độc đáo lắm !

Từ năm 82 trở đi, trong mỗi chuyến về Hà Nội tôi đều gặp anh nhiều lần mà lần nào cũng có sự tham gia của một chai rượu. Phải khách quan mà thừa nhận rằng đó là điều rất không phải, không nên. Nhưng biết làm sao ! Vì anh thì chỉ thích uống và rất ít thích ăn. Còn tôi thì lại thích cả hai. Hơn nữa khi trên chiếu có rượu, tôi vốn rất ghét những chiếc ly đầy và lại càng ghét những chiếc ly voi, nhất là khi được nghe anh Từ nói chuyện một cách ý nhị, có phô có phách bằng cái giọng Huế đặc sệt và rất "mè" của anh. Cũng cần nói để gỡ bớt tội cho tôi là trong những lần trò chuyện như thế, thường chính anh lấy sáng kiến rót rượu cho tôi, điều mà những bạn rượu của tôi ít khi phải làm. Và mỗi lần như thế anh lại thấy cần phải động viên tôi một câu, bất di bất dịch : "Vui thôi mà anh ! ", dùng như để tôi không thể từ chối, dù tôi không bao giờ có ý định ấy ! Câu nói đó khiến tôi khi tôi tự hỏi đời anh có vui lắm không. Ngay trong lần gặp đầu tiên, tôi đã nhận ra là anh ưa đùa, với đôi chút bẩn khoán tiềm tàng trong câu thơ trên đây (xin lỗi lại trích dẫn thêm một lần nữa, nhưng không phải vì lẽ "thơ mình và vợ người..."):

Đời quá vui nên cứ mải đùa

Khoảng tháng 3 năm 1990, anh sang Paris theo lời mời

của giáo sư Georges Condominas. Trong các buổi thuyết trình, anh đều đặt trên bàn một chai bia trước mặt để thỉnh thoảng nhấp giọt. Như vậy, ngay ở giữa Paris này, anh vẫn giữ nguyên cái phong cách mới xem có phần mâu thuẫn của anh : vừa lịch sự, thậm chí cẩn thận, vừa phóng túng đến độ đôi khi ngang tàng. Cái cẩn thận hiện rõ trong chữ viết rất ngay ngắn, rất chân phương ; còn cái phóng túng thì phải tìm dõi phần trong cái đức uống rượu của anh vậy. Trong mấy tháng anh ở Paris, những người hâm mộ anh (Việt cũng nhiều mà Pháp cũng có) đã mời mọc chiêu đãi anh bằng rượu mạnh gần như liên tục, mà anh thì đã đến tuổi 65 nên sức cũng yếu rồi. Do đó, dù vốn không phải là người chủ trương bài trừ rượu, tôi đã gióng lên tiếng chuông báo động về cái điều quá hiển nhiên là "sức anh Từ có hạn". Mà đúng thế ! Hai tháng sau, khi gặp lại anh ở Hà Nội anh than là không uống được rượu mạnh nữa và chỉ uống bia thôi. Như thế có buồn không ! Đến mùa đông năm 93, thì ngay cả bia anh cũng không được uống nữa (và anh bỏ cả hút thuốc dù anh vốn nghiện nặng) dù trong nhà có một bình to đầy "ngự tửu" để đãi bạn bè. Tôi gọi là "ngự tửu" vì rượu ngâm theo bài thuốc đã bốc cho vua Minh Mạng : nghe đâu chính nhò bài thuốc thần diệu này mà vị hoàng đế này đã sinh được đến mấy trăm người con. Tháng 4-94, tôi cùng mấy người bạn vào thăm anh ở bệnh viện 108 ; và lần này thì chỉ nói chuyện suông ! Rồi sau đó đúng một năm, trong những lần tôi đến thăm anh ở Hà Nội, anh chỉ nói chuyện suông và nhìn tôi uống "ngự tửu" : phải quen một người phóng túng như anh mà rồi ra cũng phải kiêng phải cũ và nhất là phải đi châm cứu mỗi ngày bằng xích lô theo đúng giờ hẹn, thì mới thấy cái sức khoẻ là quan trọng thực. Vì chứng kiến ngay trước mắt cái hại của rượu, tôi đãm ra ngán ngẩm thế nào ấy ! Hơn nữa, uống rượu một mình, lại trước một vị cựu đại đệ tử của Lưu Linh là điều không mấy hứng thú, nên tôi cũng định uống lấy lệ thôi ; nhưng anh thì cứ động viên còn chí thì cứ theo đúng nguyên tắc thỉnh thoảng rót đầy cả một ly lớn vốn dùng để uống bia. Kết quả là mỗi lần tôi đều từ giã anh, chỉ trong một trạng thái quá "hưng phấn" đáng ra không nên có.

Tháng 7 vừa rồi tôi lại về Hà Nội. Mỗi khi rảnh, tôi lại đạp xe đến thăm anh không báo trước vì nhà anh (đáng ra phải viết là phòng anh thì mới đúng vì nhà anh chỉ vỏn vẹn có một phòng) không có điện thoại. Ngoài giờ đi châm cứu, lúc nào anh, chị cũng có ở nhà và thường như cũng rất ít khách khứa có lẽ vì anh về hưu cũng đã ba, bốn năm rồi, lại thêm "đa bệnh"... Thế nhưng trông dáng dấp bè ngoài thì anh không có vẻ bệnh hoạn. Râu tóc anh lúc đó cắt ngắn hơn trước, người anh có phần gầy đi nhưng vừa phải, nên trông anh nho nhã hẳn ra dù anh thường ở trần và bận quần xà lỏn tiếp tôi vì Hà Nội lúc đó nóng đến kinh khủng ! Theo lời khuyên của anh, tôi cũng cởi áo sơ mi cho thoái mái, nhưng không dám đi xa hơn trước một bậc đàm anh mà tôi vốn quý mến. Trong những năm gần đây tôi nhận ra ở anh có điều thay đổi này : vào mỗi thời điểm anh hay say sưa thuyết về một đề tài nhất định. Vào năm 93, 94, anh bàn nhiều về sự giống nhau giữa món ăn Huế và món ăn Mường. Vào tháng bảy vừa rồi thì anh sôi nổi nói đến sự yếu kém của nền ngoại thương Việt Nam trong lịch sử và xem đó là nguyên nhân của sự trì trệ về kinh tế và xã hội. Anh cũng tâm sự với tôi (và đây là lần đầu tiên) rằng, theo lá số tử vi của anh, thì hoặc là anh chết năm này hoặc là anh sống thêm vài mươi năm nữa. Và rõ ràng là anh đã dốc hết thiện chí ra để ủng hộ cho khả năng thứ hai mà bản thân tôi cũng tin và cũng mong như thế. Nên chỉ tôi bàng hoàng khi nghe một người quen từ Hà Nội sang

báo tin là anh vừa qua đời. Đã dành là, theo các vị lương y, lục phủ ngũ tạng của anh đã hư hết rồi vì uống rượu lại thêm hút thuốc ! Đã dành là anh cũng đã ở vào cái tuổi "cổ lai hi" nghĩa là trên tuổi thọ trung bình của người Việt Nam ta bây giờ đến 6 năm. Đã dành rằng cuộc đời vốn như ánh chớp, thì có kéo dài thêm một hay hai phần mười cái ánh chớp ấy cũng chẳng nhiều nhỏi gì ! Nhưng cái ích kỷ ở tôi lại nghĩ ngay đến cái những cái mất mát trong những lần về Hà Nội tôi, vì vắng anh.

Anh Từ Chi thuộc loại người sản sinh ra nhiều giai thoại. Tôi nghiệm ra là loại người này ít nói về mình ; họ thường sống, ăn nói, ứng xử trung thực với bản sắc của họ ; còn chuyện sáng tạo và kể giai thoại thì đã có nhiều người khác lo rồi. Đôi ba điều tôi biết về anh là nhờ loại người sau. Anh vốn con nhà vọng tộc. Thân sinh anh là bác sĩ vào cái thời cả nước chỉ có chừng năm, mười người. Anh học xong tú tài Tây trước 45 nên tiếng Pháp anh rất giỏi. Khi kháng chiến bùng nổ anh đi bộ đội. Sau hiệp định Genève, anh tham gia cải cách ruộng đất với tư cách là thư ký của một đội cải cách. Nhận xét quan trọng nhất mà anh rút ra được có liên quan đến việc chọn nghề dân tộc học của anh là những vị địa chủ bị đấu tố thường nghèo hơn gia đình anh rất nhiều. Rồi anh đi học đại học khi đã hơn ba mươi tuổi. Sau khi tốt nghiệp, anh chuyên nghiên cứu nhiều năm về người Mường : anh có đi diễn dã nhiều đợt dài ngày nên nói được tiếng Mường chứ không phải cõi ngựa xem hoa theo lối viết báo. Quyển **Hoa văn Mường** của anh được nhiều người ca ngợi. Dù "chưa hề có dịp quan tâm đến tộc người Việt và xã hội Việt cổ truyền Bắc Bộ" như anh có lần tuyên bố một cách quá khiêm tốn, những bài viết của anh về làng Việt cổ truyền đã thu hút được sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu trong cũng như ngoài nước, đặc biệt là mấy trang anh viết về tổ chức giáp, dù cần phải đào sâu, mở rộng diện nghiên cứu và bàn cãi thêm. Nhìn chung, anh xuất bản ít, nhưng tất cả đều có chất lượng.

Giai thoại thú vị nhất về anh có lẽ là câu "chuyện tình" của vợ chồng anh. Chị là một người đàn bà nông dân "chân chỉ hặt bột" lạc lõng sang tận Mali bên châu Phi. Trong chừng mực nào đó cũng có thể xem chị là một nạn nhân của lịch sử. Và dù rõ ràng là chị không có cái nhan sắc của nàng Kiều. Anh Từ quen chị khi sang dạy học hợp tác bên ấy. Và anh đã tốn biết bao công sức để tìm cách đưa chị về nước vào một thời buổi vô cùng khó khăn, nguy hiểm (những năm sáu mươi). Về cái chuyện này, tôi thấy anh Từ Chi còn hơn Từ Hải dù anh không có "râu hùm, hàm én mày ngài, thân năm tấc rông thân mười thước cao". Từ Hải yêu Kiều trước hết là vì nàng là "một tòa thiên nhiên", sau nữa vì nàng là người tri kỷ đã đoán được Từ là bậc anh hùng giữa chốn trần ai. Còn mối tình của anh Từ Chi thì đầy tình người : nhân hậu vô cùng. Nhưng có lẽ cũng không nên so do thêm làm chi cho mệt vì lẽ Từ Chi là Từ Chi và Từ Hải là Từ Hải : một bên là con người hùng vốn "giang hồ quen thói vầy vùng" và muốn chọc trời khuấy nước, còn một bên là nhà dân tộc sống bên lề, không tranh giành với ai mà cũng chẳng nịnh bợ ai. Anh Từ đối với tôi là thế : trung thực, giản dị và đường như rất nghệ sĩ dù anh không sinh nói chuyện nghệ thuật, văn chương, thơ phú... Tôi có cảm tưởng anh đã sống cuộc đời anh như là một tác phẩm nghệ thuật mà tôi nhận thấy là khá đẹp. Như thế chẳng vui sao ?

Dân Tộc
(28-10-1995)

Câu chuyện về cấu trúc quyền lực

(tiếp theo trang 24)

Xã hội không ngừng biến chuyển, mỗi bước đi là một loạt vấn đề mới nảy sinh. Chuyên bình thường. Điều đáng nói là một xã hội có thể chế, có phương tiện chính trị, pháp lý, dân sự để các tầng lớp dân chúng cùng nhau giải quyết êm thầm các vấn đề mới phát sinh. Hay là cầm kỵ đề cập các vấn đề nảy ra từ thực tế sinh hoạt, cho đến khi tức nước vỡ bờ...

Và đây là vấn đề lớn của Việt Nam. Người dân được tháo gỡ ra khỏi những gò bó phi lý để năng suốt một thời gian dài liền lăn xả ra làm ăn. Những biện pháp lèo lái kinh tế vĩ mô hợp thời của chính phủ tiếp thêm vào đấy, kinh tế khấm khênh, phát triển liên tục trong mấy năm liền. Nhưng sức bung ấy đã đuối. Không có những thay đổi sâu rộng về cấu trúc kinh tế, về tổ chức bộ máy chính quyền – vấn đề liên hệ chặt chẽ đến tuyển chọn nhân tài, đến cấu trúc quyền lực – tiền đồ sẽ ra sao ?

Chính đây là lúc nên nêu vấn đề, tranh luận bàn cãi sâu rộng cho nảy ra các biện pháp sát với thực tại, thích nghi với điều kiện cụ thể của nước ta.

Thay vì toàn dân đem kinh nghiệm, trí tuệ ra tìm giải pháp cho các vấn đề thiết thân đến dân tộc, đất nước nghĩa là đến đời sống hàng ngày, trước mắt và lâu dài, của mỗi người dân Việt Nam, thì mọi thảo luận, bàn cãi đúng nghĩa của chúng bị ếm chặt. Bởi lá bùa "theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Đó chỉ là một khẩu hiệu rỗng. Chính những ai tung nó ra nhiều nhất lại càng không nói lên nổi nội dung chính xác của nó là gì. Vâng ! Nhưng mỗi khẩu hiệu mỗi có uy lực của nó. Có khẩu hiệu tung ra cùng nhịp với nguyện vọng dân chúng thì nó là tia lửa làm bùng cháy thảo nguyên. Tung quá sớm hay quá trễ, thì nó ủi xùi như pháo tịt ngòi.

Khẩu hiệu này có chức năng khác. Chức năng của cả một chính sách bị mồm người dân. Người dân được cái tiếng làm chủ tập thể đất nước. Và nhân danh hư vị làm chủ đó mà người ta tước đoạt mọi khả năng tác động của công dân vào việc chung của xã hội, của đất nước. Bị soán đoạt cho đến lời nói, người dân lăng thính mà nghe những ai ai lớn tiếng phát biểu ý kiến mệnh danh là của chính mình. Thân phận con giun cái dế.

Cho tới ngày nay lá bùa "định hướng xã hội chủ nghĩa" bit chặt cả xupap lẩn nấp nồi hơi xúp de xã hội Việt Nam đang sôi sục những vấn đề cấp thiết.

Tình trạng không thể kéo dài. Chỉ vài năm nữa, nếu không giải quyết ngay thì chỉ nội một vấn đề giáo dục đã đủ để cho Việt Nam tụt hậu vì thiếu người có tri thức để đi vào hiện đại. Chưa nói vội đến vấn đề đào luyện, tuyển chọn nhân tài, cấu trúc quyền lực. Đến khi ấy người dân im hơi lặng tiếng ngày nay sẽ phản ứng ra sao ? Con giun xéo mãi cũng quắn...

Khi ấy Việt Nam đi về đâu. Liệu có lại trễ chuyến tàu phát triển như đã có một lần, thế kỷ thứ mười chín ?

bùi mộng hùng (10. 1995)

Mỹ Linh

Hà Nội nhớ!

tạp bút

*H*áng vừa rồi, tôi đi Hà Nội. Đây là lần thứ hai tôi trở lại thành phố này. Ở giữa hai chuyến đi có khoảng cách của một thời gian hơn 15 năm.

Tôi ra Hà Nội lần đầu vào năm 1979. Cái năm mà bây giờ khi nhắc lại với người bạn Hà Nội, anh ấy lắc đầu, nhăn mặt Ồ Ối dào, những năm ấy thì kinh khủng lắm... Â. Nhìn lại sự nhẫn nhó đau đớn của anh ấy, tôi biết là không nên gọi nhớ về những ngày tháng cũ.

Vậy mà không biết tại sao khi xe đang chạy trên xa lộ cao tốc từ sân bay Nội Bài, tôi lại buột miệng hỏi về cầu Long Biên. Tôi hỏi vì tôi không thể không nhớ rằng ngày đó người tài xế khi lái xe qua cầu đã kể với giọng tự hào như thế nào về sự chiến đấu dũng cảm của anh, và những người bạn, để giữ cầu. Người tài xế hôm nay hãy còn trẻ, tự tin tăng tốc độ cao trên chiếc cầu thật hiện đại. Chiếc xe có gắn máy lạnh êm ru lướt tới. Tôi nghĩ rằng anh không nghe câu hỏi của tôi.

Lần đó tôi ra Hà Nội với cái nỗi háo hức tò mò của người sắp được đặt chân lên phần đất nước mà tôi không bao giờ nghĩ mình có ngày sẽ được đến đó. Tôi đã đứng dưới chân tháp Eiffel. Đã dừng chân ở ga Victoria. Đã đi guốc qua phố Tàu ở Los Angeles... lâu trước khi tôi đến được thành phố rất nổi tiếng của xứ sở tôi : Hà Nội. Lần đầu tiên tôi đi trên những con đường bờ hồ, góc phố... tôi chỉ biết đến qua những trang viết của các nhà văn, qua những bài học lịch sử thuở nhỏ : đường Thanh Niên, đền Ngọc Sơn, chùa Trấn Quốc, phố Hàng Bồ, hồ Hoàn Kiếm... Những con người bình thường tôi gặp đâu khi hoá ra là những con người đã làm nên lịch sử.

Lần đó tôi đến thăm những người bạn và ra về ái ngại khi nhớ về họ trong những căn hộ chật chội, bên những mâm cơm ý dầu đã được nâng cấp để đai khách ý cũng chỉ trơ một tô canh măng, một đĩa đậu xào... Lần đó, buổi tối chúng tôi đạp xe thong thả, bình yên trên những con đường nho nhỏ, vắng vẻ. Có những góc đường không đèn mà khi đến tôi dành xuống xe đứng chờ... được dắt tay qua đường, chứ không thể nào nhìn ra được xe hay người trước mặt. Chúng tôi nhâm nhi cà phê trong những quán mỏ trong nhà, không bảng hiệu, chỉ tiếp khách quen. Chúng tôi đạp xe trên những con đường ngat ngào hương hoa sữa.

*H*à Nội lần này tôi chuẩn bị đi với một tâm hồn bình thản hơn. Trước khi đi tôi đã được nghe, đọc nhiều về những thay đổi của nó.

Nên chuyến đi coi như một cuộc kiểm nghiệm. Và quả thật vậy. Người bạn dẫn tôi qua những phố hàng Đào, hàng Ngang... Tôi có cảm tưởng mình đang ở cửa Tây, cửa Đông chợ Bến Thành. Những cửa hàng quốc doanh lồng chỏng mấy món hàng Ồ chung chúa không bán Â đã biến đâu mất hết. Bây giờ thử gì Sài Gòn có, ngoài đây có. Kể cả những phông quảng cáo xanh đỏ che chắn cả những góc hò thơ mộng. Những ngôi nhà cao ngất nghêu trên những đường phố nhỏ hẹp.

Người bạn đón tiếp tôi lần này đã có thể mời tôi ở lại nhà anh cho Ồ ấm cúng Â và tôi cảm ơn điều đó vì nhà anh chị ấy có tất cả tiện nghi : máy nước nóng, điện thoại, TV, tủ lạnh, máy cassette, xe ôtô, xe máy... mà tôi thì không thể nào chi nổi cái giá một đêm ở cái khách sạn 15 năm trước tôi có lần ngủ lại. Đêm chung tôi không đi phố vì Ồ ... Bọn trẻ bây giờ phỏng xe ẩu thế. Ta ở nhà coi phim thích hơn chị ạ... Â.

Ngày hôm trước trở về thành phố bạn tôi hỏi Ồ Có muốn di nơi nào quanh đây nữa không ? Â. Tôi bảo không. Tôi không muốn quay lại những nơi chốn mình đã qua, sợ đánh mất những cảm giác ban đầu tôi đã có. Dĩ nhiên là tôi mừng cho những đổi mới tốt đẹp của thành phố. Nhưng cho riêng tôi, tôi xin được giữ cái Ồ phút ban đầu Â lưu luyến ấy... Tôi sợ lắn Hà Nội với những thành phố tôi đã đi qua. Đành thế... Hà Nội ơi !

Mỹ Linh (California)

2.1995

Mùa thu ru

Mùa thu ru giọng vàng

Anh — con mèo hoang tội nghiệp

Sưởi nắng trong lòng em

Mùa thu buồn như mắt mẹ mong

Thơ anh mưa sụt sùi

Từng giọt vỡ vào em bong bóng

Mùa thu ru anh bằng kỷ niệm

Có một người điên cởi truồng đi trên phố

Một cô điếm nhảy xuống Hồ Gươm tự tử

Một người lính Trường Sơn hát xẩm trên tàu

— Mùa thu ru anh buồn bã quá

Xung quanh anh : Những gương mặt già và hồn hở

Những câu chuyện tiểu lâm làm gia vị cho đời

Ba deo huy chương

Đứng trên lề dài để mùa thu ru ngủ

— Mùa thu ru anh

Bằng giọng vàng của lá

Trần Ngọc Tuấn
(Đức)

Nhạc cung đình trên sân khấu Paris

Hoài Văn



Cuối tháng 9, đầu tháng 10 vừa qua, một đoàn nghệ thuật ca nhạc truyền thống Việt Nam đã được Hội Pháp-Việt khuyến nhạc (Association France-Vietnam pour la musique) mời sang biểu diễn tại Paris, với sự hỗ trợ của tổ chức CODEV Việt Pháp, bộ Văn hoá Pháp, Việt và hãng hàng không Vietnam Airlines. Đoàn gồm có gần 20 nhạc công trong đó 15 người thuộc dàn nhạc cung đình, đứng đầu là cụ Trần Kích, 82 tuổi, ngoài ra còn có hai nữ ca sĩ ca trù, Nguyễn Thị Hà Vi và Nguyễn Thuý Hoà, và một nữ ca sĩ ca Huế, bà Phan thị Thanh Tâm.

Đoàn biểu diễn tất cả sáu buổi tại Nhà Văn hoá Thế giới (Maison des Cultures du Monde), mỗi buổi đều chật ních người. Phòng hát giản dị nhưng ấm cúng và cũng chứa được đến 300 người.

Việc chuẩn bị và tổ chức cho chuyến xuất ngoại này của đoàn chắc hẳn đã là cả một cố gắng tập thể của nhiều người, nhưng trước hết phải kể đến công lao của một người, đó là nhạc sĩ Tôn Thất Tiết, mà tên tuổi đã được nhiều người biết đến qua những tác phẩm nhạc hiện đại của ông, trong đó có cả nhạc của phim Mùi Đu Đủ Xanh và phim Cyclo. Ông là người đã đóng một vai trò tích cực trong Hội khuyến nhạc Pháp Việt. Cách đây vài năm, trong một chuyến về nước, ông đã có sáng kiến tìm gặp các nghệ nhân cao tuổi như bà Quách Thị Hồ, một nghệ sĩ ca trù lỗi lạc, năm nay 85 tuổi, đồng thời ông cũng đã gặp các nhạc công trước kia ở trong dàn nhạc của nhà vua như các cụ Trần Kích, 82 tuổi, Nguyễn Kế, 76 tuổi, Nguyễn Mạnh Cẩm, 76 tuổi, và đã gợi ý để các cụ tập hợp và đào tạo thêm người mới, nhằm xây dựng lại những dàn nhạc, những đội ca nhạc trong bộ môn của mình để giữ lại những truyền thống cũ. Nhạc sĩ Tôn Thất Tiết là một trong những người đặc biệt quan tâm đến vấn đề này và đây là bước đầu ông thực hiện được phần nào cái ý nguyện đó.

Điều hấp dẫn và mới mẻ nhất đối với công chúng Paris,

nói chung, người Việt cũng như người các nước, trong giới mô nhạc truyền thống và trong giới chuyên môn nghiên cứu về âm nhạc, là sự có mặt lần đầu tiên tại Pháp của dàn nhạc cung đình, một truyền thống hiếm qui tưởng như đã bị mai một từ lâu.

Cũng vì vậy mà một phần lớn chương trình đã được dành cho nhạc cung đình. Tuy nhiên, có lẽ là để cho khỏi quá chuyên môn và đơn điệu, một phần không nhỏ của chương trình đã dành cho ca trù và ca Huế (điều này quả nhiên đã đáp ứng đúng với thị hiếu của quần chúng), mặc dầu đây là những bộ môn, những tiết mục ca nhạc khác hẳn nhau, thậm chí đối lập nhau về nội dung và phong cách, song cùng có những giá trị nghệ thuật và lịch sử nhất định cần được bảo tồn.

Nhạc cung đình (tên gọi chung ngày nay, dùng thay cho những tên gọi xưa như : *quan nhạc, nhã nhạc, hoặc nhạc đại nội*) là nhạc dành cho vua chúa, cho các buổi lễ lạc trong hoàng cung, trong đó có những khúc nhạc múa như : Mã vũ, Phụng vũ, hoặc những khúc *tiểu nhạc* như : Long Đăng, Long Ngâm, Thập Thủ Liên Hoàn, vv... Nhạc này còn được sử dụng trong các cuộc cúng tế Trời Đất, tổ tiên của nhà vua ở ngoài trời, như tế Nam giao, với những khúc *đại nhạc* như : Tam Luân Cửu Chuyển, Ngũ Lôi, vv...

Nhạc cung đình có lẽ đã không bao giờ ra khỏi hoàng cung. Ngược lại, nhạc dân gian, như ca trù đã có lúc được các vua chúa say mê và có khi còn sáng tác ra cả những ca khúc nổi tiếng, như Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật là tác giả điệu múa Bài Bông, được sáng tác nhân ngày mừng chiến thắng quân Nguyên, hoặc như các chúa Trịnh Cường, Trịnh Sâm, tác giả điệu Thát Nhạc và nhiều bài hát khác.

Nhưng từ nhà Lê trở về sau, sự phân biệt giữa nhạc dành cho quý tộc và nhạc dân gian ngày càng thêm sâu sắc, nhất là từ khi Lương Đăng đặt ra những định chế cho *nhã nhạc* (theo Ngô Linh Ngọc, trong cuốn Văn Hoá Việt Nam tổng hợp 1989-1995, NXB Văn Hoá Văn Nghệ Trung Ương, Hà Nội 1989).

Cũng vì thế mà càng về sau này khiếu thẩm âm (lỗ tai nhạc — l'oreille musicale) của vua chúa càng xa cách với khiếu thẩm âm của quần chúng.

Người ta còn nhớ vào những năm 43-44, thời vua Bảo Đại, bài Đăng Đàm, một bài hát vừa chậm, vừa buồn, lại vừa lị tai, và không một ai trong dân chúng, nhất là trong giới trẻ thích cả, đã được lấy làm quốc ca. Bài này không phải từ đâu ra, mà đã được phỏng theo một điệu nhạc cùng tên có trong kho nhạc cung đình. Đây là nhà soạn nhạc cải cách nào đó đã phải cố gắng lắm mới làm nên được một bài hát mà người ta có thể cất giọng hát lên được !

Tôi lấy ví dụ đó để minh họa thêm cho sự chênh lệch giữa cái khiếu thẩm mỹ của vua chúa ở trong hoàng cung và cái khiếu thẩm mỹ của người dân thường ngoài xã hội lúc ấy.

Song chắc chắn là nhạc cung đình mặc dù khép kín nhưng đã không thể nào không phát triển qua các triều đại nhà Lý, nhà Trần, đến nhà Lê nó đã được định chế lại phỏng theo nhạc của nhà Minh và đến nhà Nguyễn lại phỏng theo nhạc của nhà Thanh (sđd).

Dẫu sao, nhạc cung đình nhà Nguyễn mà chúng ta còn được nghe thấy ngày nay, cũng mang nặng tính ước lệ của lề nhạc truyền lại từ các thời vua trước.

Trước hết và nói chung nó có một tính chất long trọng, trang nghiêm (trong dàn nhạc của nhà vua trước kia, ít ra dưới triều nhà Nguyễn, các nhạc công đều mặc binh phục như lính và ăn lương nhà binh). Tuy nhiên, nó cũng không thiếu những nét bay bổng, vui tươi, thể hiện qua phong cách trình tấu của mỗi nhạc công và tuỳ theo từng đề tài.

Đây là một dòng nhạc có tính cách bắc học, nghĩa là có một kết cấu chặt chẽ với những qui tắc phức tạp, và tính kỹ thuật cao. Chỉ cần nhìn vào những tên đặt cho các khúc nhạc cũng đủ thấy điều đó : Tam Luân Cửu Chuyển (ba hồi trống đánh, chín lần chuyển nhịp), Ngũ Lôi Cổ (trống Ngũ Lôi). Tuy nhiên đây không phải là một loại nhạc hoàn toàn trừu tượng vì đôi khi nó cũng có những tác phẩm mang tính chất tả thực, hoặc tượng trưng (Phụng Vũ, Mã Vũ, Long Đặng, Long Ngâm, vv...).

Một điều nữa cũng đáng chú ý là nhạc cung đình thiên về nhịp điệu hơn là giai điệu, khác với nhạc dân gian chủ yếu giàu giai điệu đơn giản, để cho dễ nhớ và dễ ca hát bằng lời. Do đó, trong dàn nhạc cung đình, bộ gõ chiếm một địa vị quan trọng, với nhiều loại trống to nhỏ và nhiều loại nhạc cụ gõ.

Song nếu giai điệu không phải là yếu tố quan trọng nhất của nhạc cung đình, thì ngược lại tiết tấu và nhất là thanh âm phát ra bởi những nhạc cụ lại rất phong phú về âm sắc. Ở đây, người ta càng nhận thấy rõ hơn mối quan hệ gần gũi giữa nhạc cung đình Việt Nam với một vài dòng nhạc Á đông khác, đặc biệt là nhạc Trung Quốc, Nhật Bản, Mông Cổ, vv... Và cũng do đó, lỗ tai nhạc của chúng ta thời nay đôi khi lại nắm bắt được ở dòng nhạc này những chất liệu mới mẻ phù hợp với những quan niệm thẩm mỹ hiện đại nhất.

Dàn nhạc cung đình sang Paris biểu diễn gồm cả thảy 15 nhạc công, trong đó có ba vị cao tuổi đã kể ở trên là những bậc thầy trước kia ở trong dàn nhạc của nhà vua. Những người khác, phần lớn đều là con em của các cựu nhạc công và đã được các vị này truyền dạy lại nghề, sau khi dàn nhạc của nhà vua bị giải tán năm 1945. Hầu hết các nhạc công đều biết sử dụng mỗi người vài ba nhạc cụ khác nhau và đều có trình độ kỹ thuật cao.

Chương trình biểu diễn đã được sắp xếp một cách gọn gàng, khéo léo. Các tiết mục *đại nhạc* và *tiểu nhạc* đều có những cái hay cái đẹp riêng và đều có sức hấp dẫn thính giả.

Riêng tiết mục *độc tấu trống* của cụ Trần Kích có thể được coi như là đỉnh cao của chương trình biểu diễn nhạc cung đình. Nó đã gây được một không khí sôi động hiếm thấy trong một phòng nhạc và đã cho thính giả thưởng thức được hết trình độ nghệ thuật tuyệt tác của một nghệ sĩ tuy tuổi đã già nhưng tài năng vẫn ít người bì kịp.

Bản *độc tấu trống* đậm kèn và bộ gõ này còn gây cho khán giả một sự ngạc nhiên thú vị khác : đó là sự tương phản giữa cái kết cấu có vẻ chặt chẽ của nhạc cung đình và sự tự do diễn đạt của người nhạc sĩ *độc tấu* trong khuôn khổ của cái kết cấu đó, cũng như sự tương phản giữa tuổi tác và nghị

lực của một nghệ sĩ say mê với nghề và nhất là đã nấm vũng những bí quyết của một nhạc cụ, một bộ môn nghệ thuật gắn liền với cả cuộc đời của mình.

Tiết mục *ca Huế* với giọng hát diệu luyện của bà Phan thị Thanh Tâm, một ca sĩ nổi danh hiện nay, đã chinh phục được cảm tình của người nghe, qua những bài ca, diệu hò quen thuộc : Tứ đại cảnh, Lý giao duyên, Hò mai nhì, vv... mặc dù, do một vấn đề chi tiết về kỹ thuật âm thanh, nhiều lúc tiếng hát của bà đã bị tiếng dàn của dàn nhạc đệm át đi.

Ca trù (1) lần này được trình diễn trên sân khấu Paris một cách đầy đủ hơn so với những lần trước, với những lần điệu Hát giai, Hát ru, Hát văn, những bài Xẩm Huê Tình, Thát Nhạc, Tỳ Bà Hành, Bắc Phán, vv... và với hai người đại diện xứng đáng là các chị Nguyễn Thị Hà Vi và Nguyễn Thuý Hoà, cả hai đều đã được đích thân cụ Quách Thị Hồ truyền dạy nghề. Tiếng dàn đầy đày tình cảm của anh Nguyễn Mạnh Tiên, cũng như tiếng trống chầu lão luyện của ông bầu Nguyễn Văn Mùi cũng đã được nhiều người yêu thích.

Tiết mục *ca trù*, do tính chất cô đọng, với những nét nhạc lời ca mộc mạc, nhưng đồng thời cũng không thiếu phần sinh động, phong phú, những thanh âm độc đáo và nhất là sự tương phản về tiết tấu, có lẽ là một trong những tiết mục thu hút được sự chú ý của người nghe nhất trong các loại ca nhạc dân gian truyền thống trình diễn trên sân khấu.

Nhìn chung, những buổi hát của đoàn nghệ thuật ca nhạc truyền thống Việt Nam vừa qua tại Paris là một thành công không những về mặt tổ chức và về mặt trình diễn nghệ thuật, mà vì còn giới thiệu được với thế giới nhạc cung đình Việt Nam, một bộ môn, cùng với *ca trù* và *ca Huế*, có vị trí xứng đáng trong kho tàng âm nhạc truyền thống Việt Nam và trong những di sản văn hóa của nhân loại.

Hoài Văn

(1) Về nguồn gốc của hai tiếng *ca trù*, có ít nhất hai giả thuyết : giả thuyết thứ nhất cho rằng *ca trù* là lối hát bỏ thẻ (bằng tre, hoặc bằng gỗ, rồi tính ra tiền) vì trù chữ Hán có nghĩa là cái thẻ. Nhưng hát tuồng, hát chèo cũng thường bằng thẻ thì giải thích ra làm sao ? Giả thuyết thứ hai cho rằng *ca* là hát (gồm cả dàn, phách và các nhạc cụ khác kèm theo), *trù* là trò vui (*trù* là biến âm của tiếng *trò*, như động Thiên Trù là động Trò, làng Phương Trù là làng Trò, chợ Đông Trù là chợ Trò, vv...) gồm cả các tiết mục múa, nhào lộn, kéo co, hè (vai Thày Bèo), vv... (sđd)

Tìm đọc

Hợp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,

Garden Grove CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu :

M & Mme Lê Tất Luyện

15 Place Souham, F-75013 Paris

Tel. 45 83 19 12

Người ngoài họ

truyện ngắn

 hưa lần nào về nhà, tôi lại thấy vợ vui hồn hở như lần này. Mỗi nhìn thấy tôi bước vào đến sân, vợ tôi đã nói như reo lên :

— Bố thằng Dũng về đây rồi ! May quá, mẹ con tôi không phải bán sào lúa non.

Nghe giọng nói như reo lên của vợ, tôi lại bỗng sững người, miệng há hốc, không ra cười cũng không ra mếu. Chẳng lẽ vợ tôi và ba đứa con ở nhà lại túng ăn túng tiêu đến thế ! Hơn một năm ở ngoài đảo xa chưa về thăm nhà, lần này có tàu về tiếp tế, anh quản lý đưa cả số tiền góp của đại đội cho cũng được kém hai chục đầy ba trăm ngàn, cộng tiền tôi dành dụm được, tất cả là bốn trăm mươi ngàn đồng. Khi ở đảo chưa bao giờ tôi nghĩ vợ con ở nhà lại đòi ăn túng tiêu đến mức phải bán lúa non. Nên khi dùng chân ở nội thành lại mày tay mua cho ba đứa con ba bộ quần áo, mất trọn một trăm năm mươi ngàn. Giờ nghĩ lại mới thấy cái việc mình tiêu một lúc trăm rưỡi ngàn là quá tay. Vợ tôi bảo :

— Bằng hơn một tạ thóc đấy anh ạ. Cấy cày cả vụ sao dư dật nỗi tạ thóc, mà chỉ một lúc anh mua quần áo cho con mất những ngàn ấy !

— Nhưng có việc gì cần kíp thế ? — Tôi hỏi vợ, sau khi cám nước xong, hai đứa nhỏ tót sang nhà hàng xóm xem nhò tivi, còn thằng Dũng đang ngồi cặm cụi bên cái bàn con góc nhà học bài. Vợ tôi đứng dậy, với tay lên bàn thờ lấy tờ giấy. Rồi vừa giơ ra tước mặt tôi, vừa nói đầy hệ trọng :

— Kíp chủ. Nội ngày hôm nay anh không về, mà không vay giật đâu được thì phải gán lúa non thật. Chú không, chẳng lẽ lại giơ mặt ra đấy với cả họ.

Tôi cầm tờ giấy đọc trước ánh điện 125 oát mà nhiều chỗ phải luận từng

chữ, vì bản đánh máy được phô tô ra nhiều tờ, nét đậm nét mờ rất khó xem.

Thư hộ tốc

Gửi gia đình ông bà...

Họ Lương ta trải bao đời nay đã có nhiều người thành đạt làm đến chức tri huyện, tri phủ, tước phẩm triều đình thời xưa ; rồi tướng tá, tiến sĩ, giáo sư thời nay đều có người họ ta cả. Được vậy là nhờ thần đường họ Lương ban tài, phát lộc. Nhưng lâu nay, do chưa có điều kiện sửa chữa lại nên từ đường họ hư hỏng nhiều. Nay họ quyết định đại trùng tu khôi phục lại từ đường khang trang, to đẹp để con cháu xa gần đến phúng viếng tổ tông được mát mặt, ấm lòng muôn đời hậu thế. Việc đại trùng tu từ đường rất tốn kém, nhưng họ không bỏ theo suất đóng giỗ tổ mà kêu gọi lòng thành của quan viên trăm họ. Đây là việc trăm năm mới có một lần. Vậy là trưởng họ, tôi mong mọi quan viên họ ta hãy vì dòng dõi tổ tông mà hăng hái đóng góp.

Đọc xong bức thư, tôi ngẩng lên nói với vợ :

— Thế này thì biết bao nhiêu mà đóng góp.

Vợ tôi giọng chán ngán, nhưng lại như phân trần với tôi :

— Thế mới khó. Em nghĩ đến nấu cả ruột từ hôm nhận được thư họ tộc đến nay. Nhiều thì nhà mình không có, ít thì mang tiếng keo kiệt với cả họ. Nên mới phải giục con viết thư cho anh về, kéo lại bảo em ở nhà không biết cách cư xử.

Tôi nói để vợ yên lòng :

— Thư ông trưởng họ viết cũng chỉ “kêu gọi lòng thành” thì mình có thể nào góp thế ấy. Miễn là tiền của ít nhưng có lòng thành với tổ tông là được.

Vợ tôi chua chát :

— Nhưng anh ơi, lòng thì ở trong bụng, còn tiền thì bày ra trước mắt. Một

miếng giữa làng bằng một sàng gốc nhà, ai chẳng muốn nhân cái việc trăm năm mới có một lần mà tổ cho cả họ biết gia tộc nhà mình. Anh đi vắng không biết, chứ ở làng bây giờ người ta ganh đua thanh thế ghê lắm. Dựng vợ già chồng, làm nhà cửa, mà chay, sang cát, lên lão, thượng thọ, thậm chí cả đẻ con trai đầu lòng đều đua nhau mổ lợn, bày cỗ mời hết nội ngoại, trong họ ngoài làng. Chỉ chết những nhà nghèo, lực bất tòng tâm, có công to việc lớn không dám mở, có đám sá mời không dám đi, rồi sinh mang tiếng là người keo kiệt với dân làng.

Tôi thấy lòng trộn rộn, bâng khuâng nhưng vẫn phải an ủi vợ :

— Ôi đào, chỗ nào không dùng được thì đi, chỗ nào xa xôi thì thôi. Có gì mà em cứ phải nghĩ ngợi.

— Nói như anh thì dễ quá. Nhưng khốn nỗi, mỗi tháng hàng chục cái đám, mà đám nào người ta cũng mời, chẳng lẽ bỏ hết, mà đi thì mỗi đám ít cũng mươi mươi lăm ngàn, mất béng hơn yến thóc. Em tính từ đầu năm đến giờ, chỉ nội đám sá nhà mình cũng mất gần ba tạ thóc rồi đấy. Thì anh tính nhà quê làm gì ra tiền mà chả bán thóc. Bốn mẹ con cấy bảy sào ruộng, với mỗi năm nuôi được lúa lợn bán đủ tiền đóng học và may vá cho con. Không phải vay giật là may rồi. Bây giờ thóc ăn không thiếu, vụ này nhà mình cũng thừa vài tạ, nhưng tiền tiêu thì lúc nào cũng thấy bấn bùi quá. Thế nên chỉ nội ngày nay anh không về, là mai đến phải gạ gán lúa non lấy tiền đóng họ thật.

Tôi liếc nhìn vợ. Mới ngoài bốn mươi mà trông người đã danh dết như tàu lá chuối khô. Mười tám năm tôi vào bộ đội, vợ tôi ở nhà tần tảo nuôi mẹ chồng, nuôi con. Rồi mẹ chồng chết, một nách nuôi ba con, việc trong nhà ngoài đồng, xóm làng họ đương đều trút cả lên đầu cô ấy.

Tôi hỏi vợ, cũng là muốn biết các nhà người ta đóng họ thế nào, để còn liệu chiều lựa gió :

— Em định nhà mình đóng họ bao nhiêu là vừa ?

Vợ tôi mủm mỉm :

— Ở rộng người cười ở hẹp người chê, biết thế nào cho vừa. — Rồi vợ tôi ngược mắt chăm chăm nhìn tôi, nét đắn

đo ngần ngại hiện trên nét mặt lấm tấm mẩy hạt tàn nhang, trông lại càng thương quá chừng. – Em hỏi để biết đường mà liệu thôi, trong túi anh giờ còn bao nhiêu ?

Tôi nghĩ ngợi giây lát, nhẩm nhanh những khoản đã tiêu trong số bốn trăm mươi ngàn đồng tôi có trong túi khi xuống tàu về đất liền. Cũng không có khoản chi nào đáng kể, loại trừ trăm rưỡi mua quần áo cho con và mấy chục ngàn tiền vé xe, quà hàng dọc đường. Thế mà cũng hết xít xoát một nửa rồi đấy. Tôi định nói để vợ thông cảm cho cuộc đời người lính làm gì ra tiền nhiều, gom góp hơn năm trời được chừng ấy cũng là “ kế hoạch ” lầm. Nhưng vừa cất lời : “ Vợ chồng đã xác định ngay từ đầu là anh vào bộ đội chuyên nghiệp thì em chịu thiệt thòi... ”, thì vợ tôi vội gạt đi :

– Thôi thôi, anh không phải rào đón. Em đã bảo hỏi để biết đường mà liệu, chứ có lục vấn gì anh đâu. Ngày việc em bảo con viết thư cho anh về, cũng là để vợ chồng mình bàn soạn xem cư xử thế nào cho phải đạo trước một việc hệ trọng của họ tộc, chứ không bảo anh về là phải có tiền.

Tôi nói cốt để vợ khỏi hiểu lầm :

– Anh biết. Em báo tin cho anh về là rất đúng. Nếu anh nhớ không sai thì ngày kia, mồng mười, là giỗ tổ rồi.

Thằng con ngồi học ở cái bàn góc nhà, chẳng biết có nghe được câu chuyện của bố mẹ không mà vừa nghe tôi nói đến ngày giỗ tổ, nó đã vội quay lại hỏi khoe :

– Khánh thành sửa chữa từ đường luôn đấy, bố ạ. Cố to lắm nhá. Giết ba con lợn gần bốn tạ...

Nghe con nói, vợ tôi như sực nhớ việc cần kíp đến nơi, vội quay sang tôi giục :

– Thế thì anh phải đi ngay đi. Cầm tiền vào góp cho ông trưởng ngành, kéo ráത mặt lấm !

– Thì anh hỏi góp bao nhiêu, em đã bảo sao đâu. — Tôi nói mà như vặt lại vợ, làm cô ấy thêm sốt ruột :

– Thôi, bao nhiêu thì tuỳ anh. Nhưng đừng có sĩ diện hão, kéo hông nào đi mẹ con em không có tiền cho đi đường đâu.

Tôi ngay thật tính nước :

– Anh còn hai trăm rưỡi ngàn, định để

một trăm đi đường, một trăm cho mẹ con ở nhà tiêu pha, còn đóng họ năm mươi ngàn.

– Anh định đóng họ cho mình thôi à. Còn thằng Dũng, nó tuy bé nhưng cũng là đàn ông.

Tôi chợt nhớ ra cái luật lệ của hàng họ từ bao đời nay. Dẫu là thằng bé còn ẵm ngửa hay cụ già đầu tóc bạc phơ thì đối với cái sự đóng góp của hàng họ, dù là tiền gạo hay công đức, cũng đều tính một suất như nhau. Cứ có “ chim ” là có suất – như các ông già bà cả mỗi kỳ giỗ tổ vẫn thường nói. Tôi nói ngay :

– Thế thì đóng sáu mươi ngàn, hai bố con mỗi người ba chục ngàn là được rồi.

– Không được ! — Vợ tôi ngắt lời, vẻ không hài lòng — Anh cứ mang đóng hai bố con một trăm ngàn. Năm mươi ngàn mỗi suất cũng là mức nhiều nhà đóng góp. Còn hơn nữa, tối vài trăm ngàn như ông Kha, ông Tung thì nhà mình không thể theo nổi ; nhưng hai, ba chục ngàn một suất như chú Vầu, anh Nhã thì lại mang tiếng với hàng họ.

Tôi thật thà bảo vợ :

– Nhưng nhà mình cũng hoàn cảnh...

Vợ tôi như đã hiểu, vội nói chen :

– Hoàn cảnh mấy rồi em cũng xoay xoả được. Anh dù sao giờ cũng là con trưởng của cả gia tộc nhà này. Không đóng được hơn người thì em cũng không để anh phải xếp hàng thấp nhất họ được.

Tôi bỗng thấy dào lên niềm thương cảm về người vợ đức độ, biết lo toan giữ gìn danh giá chẳng những cho chồng mà còn cho cả gia tộc nhà chồng.

Hai hôm sau, mồng mười, ngày giỗ tổ, cũng là ngày họ Lương tôi khánh thành trùng tu lại từ đường. Quả như thằng con tôi nói, giỗ tổ năm nay to thật. Dễ từ ngày tôi biết theo bố đi cùng tổ tiên đến nay, chưa bao giờ thấy mở to đến thế. Không chỉ to về cỗ bàn, như thằng con tôi khoe mở ba con lợn gần bốn tạ thịt, mà còn mở to cả từ đường.

...Tôi cứ tần ngần nhìn cơ từ đường họ mà nghĩ vẩn vơ. Giỗ tổ mỗi năm chỉ có một lần mà từ đường xây to lớn thế ! Chú tôi ghé tai bảo : « Anh không thấy, bây giờ ở đâu người ta chả đua nhau khôi phục lại đình chùa, đền miếu. Họ Lương ta đông nhất nhì xã này, không mở to ra, sau họ Trần, họ

Bùi người ta mà làm lại to đẹp hơn thì còn ra cái gì. Nên đã làm thì làm luôn thể. Những họ kia có muôn theo cung còn khuất ». Tôi bỗng thấy cái gì râm ran, rạo rực trong lòng. Niềm vui về một công trình lớn của dòng họ vừa được xây dựng lại khang trang, hay nỗi bâng khuâng về một cái gì bền chặt bấy lâu, nay đang dần rạn nứt. Không rõ. Tôi lững thững đến chỗ đám người đang đứng vòng trong vòng ngoài trước cửa nhà thờ họ. Thì ra, ở đây treo một tờ giấy to bằng cái bàn, ghi rõ tên từng quan viên trong họ đóng tiền trùng tu khôi phục lại từ đường. Tôi sán lại gần. Vừa đọc lượt mươi người trong danh sách bỗng thấy da mặt hâm hấp nóng. Ông Tung ở ngành dưới tôi tới hai chi, tuy hơn tôi đến chục tuổi, năm nay ông năm ba, nhưng nói vô phép, về họ tộc ông ấy chỉ bằng vai với con tôi thôi. Vậy mà trong danh sách những người đóng tiền sửa chữa lại từ đường họ, ông Tung lại đứng trên, mà không những đứng trên tôi một khoảng cách dài, ông ấy còn đứng trên cả ông Ha, tôi gọi bằng bác. Vẫn tưởng lầm hàng họ xưa nay danh sách đóng cúng tổ bao giờ cũng xếp theo ngành từ trên xuống dưới, tôi quay sang hỏi chú Hưng đứng bên cạnh :

– Danh sách đóng họ năm nay sao lại xếp lộn xộn thế này, hả chú ?

Chú Hưng nói rành rọt, nhưng nghe như có cái gì hằn học, mỉa mai :

– Lộn đâu mà lộn ! Thú tự cả đấy, ai nhiều tiền đứng trên, ít tiền đứng dưới, không có tiền thì không có tên trong danh sách họ.

Ai đó đứng sau tôi nói một câu buông thõng :

– Thế khác gì bằng đuổi người ta ra khỏi họ.

Chú Hưng gắt bắn :

– Anh đi mà hỏi ông trưởng họ ý.

Người kia lúng túng hậm hực bỏ đi.

Tôi cứ đứng dán mắt vào tờ danh sách. Tìm mãi rồi cũng thấy tên hai bố con ở gần cuối, chỗ những suất đóng năm mươi ngàn. Sau tôi còn mươi người nữa có mức đóng bốn mươi, rồi ba mươi ngàn đồng là hết số suất đóng góp sửa chữa lại từ đường và giỗ tổ năm nay. Thôi, thế cũng là được, mình không rơi

vào số những người đóng thấp nhất cũng đỡ ngượng. Tôi thầm an ủi, và càng thấy vợ tôi quả là người biết cách xử sự. Tôi chợt nghĩ đến câu nói của vợ mà lòng man mác một nỗi buồn vô cớ từ đâu xô tới.

Đến giờ bưng mâm, đóng cỗ. Lẽ thường bốn một tám hai cử thể mà ngồi, nhưng khi đám giai họ túu túu bưng mâm đặt giữa những cái chiếu trải từng hàng khắp lụt nhà trong nhà ngoài, thì ông trưởng họ lại cầm chiếc loa pin đứng trước cửa nói oang oang :

— Chư viên họ chú ý này, cỗ trong nhà thờ tổ chỉ dành cho các cụ cao tuổi nhất và các trưởng ngành. — Có ai đó nói xen ngang, giọng kính nể, bôn cợt : *Ừ, thì kính lão đặc thọ, ai mà chả biết!* — Tiếng ông trưởng họ vẫn dĩnh đặc : Còn cỗ ở nhà ngoài dành cho những người có tiền đóng họ trên năm mươi ngàn. — Mấy người gần như cùng lúc cất lời ồn ào chen ngang tiếng của ông : « Còn những người từ năm mươi ngàn trở xuống thì sao, chia phần mang về, chứ không được ngồi ăn cỗ ở nhà họ à ? » — Ông trưởng họ quát vào loa lạc cả giọng : — Im nghe hết đã nào. Những suất đóng từ năm mươi ngàn trở xuống và những nhà không có con trai đinh nổi dôi thì ngồi ngoài sân. Thằng Tiện, con Thể đâu. — Ông hướng loa xuống nhà dưới gọi giật giọng, — Mau cầm chiếu ra trải xuống sân kia. — Rồi ông lại quay loa vào đám người đang túu túi giục nhau nhanh tay bày cỗ bưng mâm. Nhưng dường như chẳng ai còn để tâm nghe tiếng ông trưởng họ nói gì nữa.

Tôi rủ chú Hưng, người cùng hạng đóng họ năm mươi ngàn một suất với tôi, với anh Vầu và anh Nhã nữa, hai anh này người đóng bốn mươi, người ba mươi ngàn và mỗi vị đều đẻ bốn con “vịt giời”. Bốn người chúng tôi ngồi ăn cỗ cúng tổ họ trên chiếu ngoài sân, gần hiên của gian giữa nhà. Cùng ngồi ngoài sân như bốn người chúng tôi, luôt nhanh cũng đến chúc mâm nữa, chỉ ít hơn số người ngồi trong nhà chừng mươi mâm chứ mấy. Trong nhà ngoài sân cách nhau chỉ một cái bậc thềm, nhưng xem ra người ngồi cỗ trong nhà đã có chiều danh giá hơn kẻ ngồi cỗ ngoài sân, dưới tấm bạt che tùm khum như một cái lều. Vậy mà bốn người chúng tôi vẫn hể hả rót rượu mời nhau

uống, sắn bát tiết canh đều làm tư xέ vào tận bát cho từng người, chuyện trò sỏi lỏi từ việc nhà ra việc đồng.

Giữa lúc mâm cỗ của chúng tôi chuyện đang nổ như ngô rang bỗng nghe trong nhà thờ tổ bật tiếng reo vang không khác mấy tiếng loa ông trưởng họ khi nay : « A... Bà ! Lại cả... chú Thành. Thật quý hoá ! ». Mấy chục mâm cỗ ngồi kín trong nhà ngoài sân như dừng hết dứa. Hàng trăm cặp mắt của quan viên trong họ, từ ông lão cao tuổi nhất đến thằng bé lần đầu được đi ăn cỗ cúng tổ, đều đổ dồn ra đầu sân. Ở đấy, một bà ngoài năm mươi mặc áo dài màu cánh chả, đeo chiếc túi xách quai dài đến háng — loại túi xách đang là mốt của các cô gái trẻ. Đì sau là một người đàn ông rất khó đoán tuổi, ba lăm, ba mươi hay hơn nữa. Người đàn ông mặc com-lê sáng màu sữa, thắt cát-vát hoa lốm đốm hồng, chân đi giày đen, đầu đội mũ phớt, trông như một ông chủ hòm trước tôi nhìn thấy trong một hiệu buôn ngoài phố. Giữa những người nhà quê có gì mặc nấy bất kể cả màu mè xanh trắng, tím vàng, thậm chí cả màu cháo lòng, sự sang trọng đến kiêu sa của hai người từ ngoài phố về, làm cả họ ngỡ ngàng ồn ào lên một lúc.

Ông trưởng họ và hai ông trưởng ngành cả, ngành thứ vội vàng chạy ra vồn vã dẫn hai người vào thẳng trong nhà thờ họ — nơi chỉ dành cho những người cao tuổi nhất và các đầu ngành trong họ được ngồi ăn cỗ. Hơn chục năm nay, đây là lần thứ hai, thứ ba gì đó, tôi mới được về nhà gặp ngày giỗ tổ nên thấy ngồi ngang đến sảng sot trước sự xuất hiện của hai người kia, liền quay sang hỏi chú Hưng :

— Hai người ấy là thế nào với họ Lương, hả chú ?

— Thế nào ! Bà ấy là em gái út bố ông trưởng họ, còn tay kia chắc là con rể.

Tôi lờ mờ nhớ ra :

— Có phải bà Lân, trước lấy ông Hoà người xóm Trại, được một cô con gái tên là Na. Sau ông ấy chết vì sét đánh lúc đang trú mưa dưới gốc đa Đồng Thượng.

— Phải đấy, — Anh Vầu xác nhận trí nhớ của tôi, rồi giải thích thêm. — Sau bà ấy ở vây nuôi con. Cái Na hết lớp mười thì đi học trung cấp tài chính — kế toán, ra làm ở cái Công ty Ilt-mít gì đó

trong nội thành, rồi lấy thằng Thành con lão Pha làng ngoài, làm cùng công ty với cái Na. Vợ chồng có nhà riêng, cái Na về đưa mẹ ra phố ở, trông con coi nhà. Nghe đâu mấy năm nay hai vợ chồng bỏ việc nhà nước, về mở cửa hiệu buôn bán lớn lăm.

Anh Nhã mặt đã đỏ gay, nhoài người qua mâm nói với Vầu, đầy giọng gay gắt :

— Bà ấy tiếng là người họ Lương, nhưng lấy chồng họ Phạm thì phải theo họ nhà chồng chứ ! Các cụ đã dạy “ sống quê cha, chết làm ma quê chồng ”, sao lại dẫn con rể về cúng tổ họ Lương được. Đã thế, còn nước cá hai mẹ con vào nhà thờ tổ, ngồi ngang hàng với trưởng ngành, thậm chí ngang hàng với cả các cụ cao tuổi nhất họ. Trong khi chúng ta người nội tộc chính tông mà còn phải ngồi ngoài sân như kẻ ăn chầu rìa, là nghĩa làm sao ?

Nghe giọng nói gay gắt của Nhã, tôi vội quay sang nhìn chú Hưng, như tìm ở chú lời giải thích về sự thay đổi nào đó chăng trong tục lệ của họ tộc, mà tôi xa quê lâu chưa được biết. Nhưng chỉ thấy khuôn mặt chú Hưng vừa nãy còn hồng hào hơi men, giờ đã ngả màu tím tái. Dốc một hơi hết chén rượu đầy sóng sánh Vầu vừa rót ra, điều tôi ít thấy ở chú Hưng, đặt cách chiếc chén vại xuống cái mâm nhôm làm bát đũa rung loảng xoảng, chú ngẩng lên nhìn trùng trùng một lượt cả ba chúng tôi, rồi dừng lại ở Nhã :

— Nghĩa làm sao à ! Thế anh không nhìn cái danh sách đóng họ năm nay treo lù lù kia à. Cái người đứng đầu bảng có số tiền hai triệu đồng, chính là cái thằng Thành, con rể nhà bà Lân kia chứ ai !

Tôi ngó người. Nhưng rồi chợt hiểu ngay. Từ đầu bưng mâm đóng cỗ, ông trưởng họ đã cầm chiếc loa pin oang oang phân rõ chỗ ngồi của từng loại suất đóng họ.

28-5-1995

Cao Năm

(Văn Nghệ, số 29, 22.7.95)